

## **Tác Giả và Tác Phẩm**

### **Xuân Sách (II)**

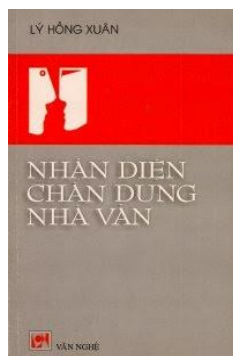
#### **Tiểu sử**

Sinh ngày 7.4.1932, tại Nông Cống, Thanh Hóa.  
Mất ngày 2.6.2008 tại Hà Nội.

#### **Tác phẩm**

Chân dung nhà văn

Nhận diện  
Chân dung  
nhà văn



### **Mục Lục**

Thư hình dung nhà thơ Xuân Sách – Lê Huy Mậu – 2

**Chế Lan Viên - 5**

Nhận diện Chân dung nhà văn - Lý Hồng Xuân - 9

**Tố Hữu - 15**

#### **Phụ đính**

**Xuân Sách và tập thơ Chân dung nhà văn - Đỗ Ngọc Thạch – 18**

*(Tim bài đọc: ở “Keyboard”, nhấn nút “F5”, đánh số trang, rồi “Enter”)*

## Thử hình dung nhà thơ Xuân Sách Lê Huy Mậu

1.

### Em tám sáu anh bảy lăm

Nhà thơ Xuân Sách là người sở hữu nhiều chuyện vui về đời sống các nhà văn Việt nam phía sau trang viết. Thỉnh thoảng ông lại "thò" ra một chuyện. Chúng tôi xui ông : Bác viết đi ! Bán được đấy ! Ông cười cười : Sẽ viết sẽ viết... Nhà văn Trần Đức Tiến bảo ông : Thế bác tưởng bác còn nhiều thời gian lắm đấy à !

Ông năm nay đã bảy lăm tuổi. Biết không thể nấn ná được nữa ông bắt đầu cọ cạch cái máy đánh chữ ông sắm được từ thời Pháp thuộc những dòng đầu tiên tại nhà sáng tác Đà Lạt. Anh em văn nghệ Vũng tàu biết ông đang "thai nghén" cuốn "Chân dung nhà văn" mới bằng văn xuôi nên không dám quấy phá ông.

Một hôm có một câu lạc bộ thơ ở Đà Lạt khẩn khoản mời ông tham gia một buổi giao lưu với người hâm mộ tác giả thơ bài "Việt nam trên đường chúng ta đi" tại Đà Lạt. Từ chối không được ông rủ thêm một vài anh em làm thơ cùng đi. Tôi bận không đi được. Nhà thơ Hoàng Quý sốt sắng cầm theo chiếc máy ảnh kỹ thuật số loại xịn để ghi lại những hình ảnh cảm động của buổi giao lưu.

Mãi tới chiều tôi mới thấy ông về mặt buồn hiu. Hỏi thì ông lắc đầu bảo : Bỏ mẹ ! cậu ạ ! toàn các "em" trên bảy mươi cả rồi ông nheo mắt hóm hình kể : Có một "em" là hậu duệ của Nguyễn Công Trứ- khẩn khoản mời "anh thi hữu Xuân Sách" về nhà em chơi ! Bỏ mẹ ! (lại bỏ mẹ) - ông cười nheo mắt- cậu biết "em" bao nhiêu tuổi không ? Tám mươi sáu !

Đang vui vẻ với ông về buổi giao lưu đáng nhớ ấy thì nhà thơ Hoàng Quý hốt hải chạy về chia ra khoe tập ảnh vừa chụp buổi giao lưu giữa nhà thơ Xuân Sách và những người hâm mộ tại Đà Lạt. Tôi thấy có một bức ảnh khá đẹp chụp giàn đồng ca của khoảng hơn mười "em" U 70 mặc đầm ngắn đang biểu diễn bài hát " Việt nam trên đường chúng ta đi " của Huy Du phổ thơ Xuân Sách . Nhìn bức ảnh tôi hoàn toàn hiểu được tâm trạng buồn hiu của ông vừa thấy thương cho ông và cũng thấy may cho ông bởi nếu tám ảnh này mà lọt vào tay Văn Công Hùng ở Gia Lai hẳn tán tỉnh thêm thối mắm muối vào có thể làm vui được cho cả nửa nước chứ chẳng chơi !

2.

### Nhà thơ Xuân Sách mượn giày

Sáng hai sáu tết năm Bính Tuất (2006) tôi cùng nhà thơ Xuân Sách ra thăm giàn khoan. Đây là lần đầu tiên nhà thơ ra giàn khoan. Vì chỉ đi về trong ngày nên chẳng phải chuẩn bị gì. Sáng sớm tôi điện thoại hỏi ông : đã có ai chở anh ra sân bay chưa ? Ông bảo : Rồi ! Đúng giờ chúng tôi ra sân bay. Mọi thủ tục đều được tiến hành nhanh chóng thông suốt. Không ngờ khi ra cửa cán bộ kiểm tra an toàn mới phát hiện ra nhà thơ Xuân Sách đi dép lê. Ông bảo tôi : Bỏ mẹ rồi ! cứ tưởng đi chơi chứ có họp hành gì đâu mà đi giày ! (- mà tôi thấy hình như ông chẳng có đôi giày nào thì phải - tôi chưa thấy ông đi giày bao giờ...)

Tưởng người ta chỉ giải thích quy định an toàn rồi linh động giải quyết cho ông đi. Ai dè họ cương quyết mời ông ở lại. - Bỏ mẹ tôi ! có hai anh em đi với nhau mà để ông ở lại coi sao tiện. Tôi đâm hoảng. Thế là tôi đem tên tuổi công lênh tác phẩm của ông ra thề bồi lại còn dọa mấy

tay kiểm tra an toàn rằng : Đây là khách vip của phó tổng giám đốc liên doanh dầu khí Vietsovpetro T.H... tưởng mấy tay kiểm tra an toàn sợ cho đi nhưng họ vẫn cương quyết : hoặc là bác phải kiểm giày đi vào hoặc là bác quay về đi chuyến khác...! Trông ông lúc đó thật tức cười. Bình thường ông sắc sảo hóm hỉnh lắm nhưng cứ hệ có sự gì rắc rối là y như trông ông nhợt nhạt thiếu sinh khí hẳn đi... Tôi tự trách mình : sao mình ngu thế ! suốt ngày ăn nhậu với anh em dầu khí mà cái tối thiểu thế này cũng không biết !

Đang chưa biết tính cách nào cứu ông thì bất chợt tôi nhìn ra phía ngoài phòng đợi thấy Đào Xuân Mai- một người làm thợ dầu khí đang dán mắt vào kính nhìn chúng tôi. Tôi vẫy Đào Xuân Mai ra cửa và thật may Đào Xuân Mai mang giày. Chẳng biết giày có vừa không nhưng tôi sợ điều không may ấy xảy ra nên luôn miệng khen : vừa quá ! vừa quá !

Máy bay trực thăng chở cán bộ công nhân ra giàn khoan là loại máy bay nhỏ chỉ chở được khoảng hơn hai chục người. Tôi và ông lên muộn. Nên thấy trống chỗ nào thì ngồi vào chỗ ấy. Tôi ngồi phía sau ông. Trông ông khi chụp cái tai chống tiếng ồn vào đầu rất "ngỗ nghĩnh" . Giữa những mái đầu xanh nổi bật lên mái tóc trắng xoá của ông. Những người đi giàn hôm đó không nhận ra ông- người mà không mấy ai trong số họ là không từng đọc qua "Đội du kích thiếu niên Đình Bảng" của ông !

Trong đầu tôi khi ấy chợt nảy ra một ý nghĩ rất huông rằng sao thượng đế không nghĩ ra cách tiễn người ta sang thế giới bên kia bằng một chuyến bay vào vô tận đỡ phải tốn kém ma chay chôn cất... Nói đại không biết có phải vì mái tóc bạc của ông khiến tôi có ý nghĩ đó không?

Chúng tôi được thả xuống giàn công nghệ trung tâm 2 cùng với hai phóng viên Đài tiếng nói Việt nam đi làm chương trình xuân Đình Hội. Cái mặt sàn giàn khoan dọc lối đi làm bằng thép đục lỗ có thể nhìn xuống dưới chân thấy được cả sóng biển nhấp nhô tôi thấy nhà văn Xuân Sách rón rén đặt từng bước chân. Không biết là do ông khớp độ cao gần năm chục mét với mặt biển hay tại đôi giày Đào Xuân Mai chật quá làm ông đau chân?

Blog giàn khoan tuy nhỏ nhưng lại có nhiều công năng và nó được bố trí một cách zích zắc lắm lối lắm ngã chẳng biết lối nào... Nhà văn Xuân Sách mót tiểu lắm nhưng cố nín. Thấy tôi bước ra khỏi phòng ông đi theo liền. Này ! Đi tiểu chỗ nào ấy nhỉ ? - Bỏ mẹ ! Vào đây không khéo là lạc đày cậu ạ- rồi ông cẩn thận dặn thêm- tiểu xong nhớ chờ tớ cho tớ về với nhé ! Tôi thầm nghĩ một nhà văn từng bôn ba khắp các ngã chiến trường từ chống Pháp sang chống Mỹ ông đã từng dẫn đầu đoàn thanh niên sinh viên Việt nam dự festival thế giới giờ đây ông đang trở lại làm "thiếu nhi đầu bạc". Hình ảnh của ông hôm nay sẽ là hình ảnh của tôi ngày mai ! Buồn cười lắm ! nhưng tôi lại chợt nghĩ tôi đang có may mắn được đi cùng ông lưu lại những kỷ niệm về ông khi ông xế bóng !

Trong phòng giàn trường giàn công nghệ trung tâm 2 khi hai phóng viên Đài tiếng nói Việt nam đang tác nghiệp tôi thấy nhà văn Xuân Sách lơ đãng nhìn vào móng lung hai ngón tay trái của ông nhịp nhịp vào thành chiếc ghế xa lông phía sau hình như ông đang lầm nhảm hát bài "cát bụi" của Trịnh Công Sơn" thì phải !

### 3.

#### Nhà thơ Xuân Sách sử dụng điện thoại di động

Trong dịp lễ kỷ niệm 30-4 và 1-5 năm nay xí nghiệp liên doanh dầu khí Vietsovpetro tổ chức một chuyến giao lưu và tham quan thực tế miền trung cho cộng tác viên bản tin vietsovpetro. Nhà thơ Xuân Sách nhà thơ Tùng Bách và tôi được mời đi cùng. Nhà thơ Xuân Sách đi xe riêng với phó tổng giám đốc T.H. Tôi hoàn toàn chưa biết ông đã có điện thoại di động. Hôm đoàn tổ chức giao lưu với Hội VH- NT Đà Nẵng đang lúc ồn ào đông vui thì tôi nghe có tiếng chuông điện thoại reo. Phải ra hẳn ngoài hành lang mới nghe được. Đó là điện thoại của chị Tú (vợ nhà thơ Xuân Sách) gọi.- " Mậu có ngồi với anh Sách không cho chị nói chuyện với anh

Sách. Cả ngày hôm nay chị gọi hoài mà không thấy anh bốc máy ! Tôi hơi ngạc nhiên hỏi lại chị : Chị biết anh ở đâu mà gọi ? Chị Tú bảo : Anh có di động mà !

Đây là một sự kiện trọng đại. Tôi chợt nghĩ ngay rằng Tùng Bách lại có đề tài trêu chọc ông đây !

Tôi bấm nhà thơ Xuân Sách ra hành lang : Chị Tú gọi điện thoại cho anh sao anh không nghe ? Ông hốt hoảng thật sự : chết bỏ mẹ tao có nghe nó rung trong túi mấy lần bà ấy dặn nhấn nút xanh là nghe bấm nút đỏ là tắt sao tao làm đúng như thế mà vẫn không nghe gì cả ! \_ Đây ! điện thoại đây Mậu thử gọi cho chị Tú xem hay ở nhà có chuyện gì? Tôi cầm cái điện thoại viettel- loại khuyến mãi biếu không cho cái máy khi hoà mạng. Thú thật là tôi cũng chưa sành loại máy này bởi màn hình quá nhỏ và các nút bấm lít nhít rất khó sử dụng. Tôi bảo ông : Để em gọi máy em cho anh nói chuyện bao giờ về hăng hay!

Hôm sau tôi nhờ Tùng Bách kiểm tra máy cho ông. Máy tốt ! Ông cười hồn nhiên : Ờ sao nhỉ ? Tớ cũng làm đúng như thế mà sao vẫn không được! Rồi ông đút máy vào túi nói lảng sang chuyện khác.

Ngồi trên xe Tùng Bách bỗng nảy ra ý trêu chọc ông- nhá máy xem ông có sử dụng được không? Nhưng khi ấy tất cả mới ớ ra. Không ai trong đoàn có số của ông cả !

Khi đọc được những dòng này của tôi tôi đề nghị nhà thơ nhà báo VCH ở Gia lai hãy gạch bỏ tên nhà thơ Xuân Sách ra khỏi danh sách những nhà văn nhà thơ Việt nam chưa có di động. Bạn đọc nào muốn biết số di động của nhà thơ Xuân Sách xin liên hệ số máy 064.859.689 gặp chị Thanh Tú. Lưu ý xin chớ hỏi nhà thơ Xuân Sách ông không hề biết số di động của mình là thế nào đâu... Hỏi không khéo bị ông mắng cho đấy !

#### 4.

#### Nhà thơ Xuân Sách với đường sá

Không biết được ngoài nhà thơ Xuân Sách các nhà văn Việt nam còn có ai lơ mơ chuyện đường sá như ông nữa không ? Tôi khuyên các nhà văn nhà thơ khi đến Vũng tàu hỏi chuyện Xuân Sách chuyện Đông Tây Kim Cổ chuyện thế sự chuyện thời sự ... thì được tuy ông chỉ ngồi một chỗ nhưng chuyện gì ở đâu ông cũng biết... ngoại trừ chuyện đường sá. Chớ tin ông là thổ công ở Vũng tàu mà nhầm đấy... đến như nhà ông nhiều hôm đi uống cà phê về ông phải lượn đi lượn lại năm bảy vòng mới tìm ra ngõ nữa là...

Còn nhớ có lần tôi và ông từ nhà sáng tác về chợt ông dừng xe lại bảo tôi: Bỏ mẹ ! tớ đi quá đường rồi cậu ạ ! Tôi hỏi ; thế anh định đi đâu ? ông bảo : Thì về nhà chứ còn đi đâu ! Trời đất nhà anh ở trước mặt chứ đâu ! Qua bưu điện anh rẽ vào XVNT một đoạn là đến ! Ông ớ ra: Thế à ! Thế mà tớ cứ tưởng quá rồi !

Tùng Bách kể : Có hôm ông đi dự khai mạc ở nhà sáng tác về. Trưa nắng chang chang đường vắng về nhà văn Trần Đức Tiến bảo ông cứ băng qua bùng binh cho gần. Nhà văn Trần Đức Tiến đi qua không sao ông đi sau bị cảnh sát giao thông tuýt còi chặn lại. Bình thường ông tỏ ra "dũng cảm" lắm. Ông thường bảo ông không có thời gian để sợ ai nữa.! Nhưng chỉ cần có tiếng còi công an là ông mất hết bình tĩnh tự tin vốn có.

Cảnh sát giao thông yêu cầu ông xuất trình giấy tờ ông chỉ nói mãi một câu : Cậu kia- tay ông chỉ theo cái bóng nhà văn Trần Đức Tiến đang dẫn dắt hút phía trước mặt- cậu kia bảo tớ đi !

Nhìn mái tóc bạc phơ của ông mấy anh cảnh sát giao thông thấy động lòng: Thôi bác đi đi ! nhớ lần sau đừng băng qua bùng binh nữa nhé !

Ông lầm bầm nói với Tùng Bách : Bỏ mẹ ! Cái thằng Tiến nó xui dại ! Suýt thì bị phạt mất mấy trăm ngàn...!

## Chế Lan Viên

Bài viết của cố nhà văn Xuân Sách

(do con trai ông - anh Ngô Nhật Đăng gửi tới Phongdiep.net)

Chúng tôi, Nguyễn Khải, Vương Trí Nhàn và tôi ngồi trong căn phòng nhỏ vốn là toilet của ngôi nhà số 4 Lý Nam Đế. Tòa soạn Tạp chí Văn nghệ Quân đội được ở ngôi nhà này là một đặc ân. Hệ thống cấp nước đã hỏng nên phòng được cải tạo thành phòng văn mùa hè thật mát mẻ. Được hai ông bạn vàng thách đố, tôi đã ứng tác ngay bài thơ chân dung về Chế Lan Viên. Nghe xong anh Khải nói ngay :  
-Ông Sách đã chuốc lấy kẻ thù số một rồi.

Vương Trí Nhàn lập tức ghi bài thơ ra giấy, và chắc chắn ngay ngày mai bài thơ sẽ được lan truyền. Tôi biết anh Khải không dọa suông, anh hiểu Chế Lan Viên rất rõ. Có lần anh kể ông Chế nói chuyện gì đó ở Hội, ông Khải biết là nói sai, đêm về ông Khải chuẩn bị mọi lý lẽ để hôm sau cãi với nhà hùng biện. Nhưng hôm sau vừa gặp nhau ông Chế đã nói ngược lại những điều hôm qua cũng bằng những lý lẽ rất sắc sảo không thể bác bỏ. Tôi cũng được nghe có người nhắc một câu của ông Chế : “Mỗi người cần có một cái “Ô” rồi sẽ có Autorité (quyền lực) rồi sẽ có Automobile (xe ô tô). Tôi tất nhiên gặp ông nhiều lần nhưng thật ra chưa bao giờ nói chuyện với nhau. Tôi có cái tật rất ngại gặp những người danh tiếng. Ông ở căn phòng nhỏ ở cái biệt thự số 51 Trần Hưng Đạo, nơi ở của ông cố vấn Vĩnh Thụy thời Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Bây giờ ngôi nhà trở thành cái tổ ong của làng văn nghệ. Vừa là trụ sở vừa là nơi ở của cán bộ của các nhà văn, nhà nhạc, nhà họa, nhà nhiếp ảnh vv...

Căn phòng ông Chế có treo tấm biển “Ai vào chơi xin không ngồi quá 5 phút”. Kể cũng phải, dân văn nghệ vốn vui đâu đâu đẩy cái kiếu ông Lý trưởng vào nhà ai ăn giỗ thấy ông hương kiểm, hương bạ đi qua lại gọi vào thì chủ nhà chỉ có chết. Tôi chưa vào đó lần nào và cũng chưa bao giờ thấy ông đến Văn nghệ Quân đội. Tuy nhiên tôi lại từng bị phê bình vì ông tội xuống các đơn vị nói chuyện thơ chỉ trích thơ ông mà không trích thơ Tố Hữu. Chẳng lẽ bây giờ tôi lại trở thành kẻ thù số một của ông.

Một buổi tối tôi ra ga Hàng Cỏ đón một nhà văn đi Hungary về. Thời đó đi nước ngoài thường bằng tàu hỏa liên vận. Đang đứng ở sân ga tôi nhắc thấy nhà thơ Chế Lan Viên đang đi bộ lững thững dọc đường ke. Tôi hiểu ra ông đi đón vợ là nhà văn Vũ Thị Thường cũng đi trong đoàn.

Tôi biết ông đã đọc bài thơ tôi viết về ông. Một anh bạn kể với tôi anh đã đánh máy bài thơ tôi viết gửi ông Chế và đề nghị ông đưa vào tuyển tập thơ mà ông đang lựa chọn. Tôi bảo anh bạn “Cậu làm thế khác gì thư nặc danh”. Anh bạn cười : “Em khoái lắm viết về ông Chế như vậy mới đã”

Nhà thơ lớn nhìn thấy tôi, ông bắt tay tôi rồi ôm vai tôi vừa đi vừa nói :

- Minh vừa đọc một truyện cực ngắn và cực hay của Pháp mình kể cho Sách nghe. Câu chuyện như sau. Một nhà tư bản lớn nổi tiếng giàu có một lần đi nghỉ mát nhưng lại chọn một thị trấn hẻo lánh ven biển. Viên thư ký của nhà tư bản đến gặp ông thị trưởng của thị trấn nọ trình bày ý định. Ông thị trưởng vừa mừng vừa lo. Viên thư ký nói chỉ cần ông đồng ý, ông chủ tôi sẽ xây một biệt thự. Rồi biệt thự lộng lẫy được xây lên. Viên thư ký lại nói ông chủ tôi không thích màu cát trắng mà thích cát vàng, cả một dải bờ biển được đổ cát vàng. Rồi ông chủ tôi không thích nước biển màu xanh, biển lại được phun hóa chất đổi thành màu tím biếc theo ý nhà tư bản, rồi nữa ông chủ tôi không thích thử mây lãng đãng ở vùng trời này mà thích các khối mây hình lục lăng, bát giác. Thế là đại bác được đưa tới bắn lên trời để nén mây. Ông thị trưởng như người trong cơn mơ, còn viên thư ký báo cho ông chủ đến. Máy bay hạ cánh nhà tư bản đi dạo ngắm

trời xanh,cát vàng,biển tím và mây nén sung sướng thốt lên : “Chao ôi,thiên nhiên đẹp như thế này mà có những kẻ chỉ lo làm giàu thì thật ngu ngốc”

Tôi không nghi ngờ thái độ và cử chỉ của ông mà tôi cứ tự hỏi mình : Thế là thế nào nhỉ?Tiếng còi tàu cất lên,tàu đang vào ga và tôi chào “Kẻ thù số Một” của mình rất trân trọng.

Một lần vào năm 1968 có cuộc họp người viết trẻ ở Hà Nội.Nhà thơ trẻ Yên Đức ở Quảng Ninh về họp có ghé thăm tôi,anh kể :

-Hôm họp vừa rồi giờ giải lao bọn em quây quần bên anh Chế Lan Viên,bất ngờ anh ấy hỏi : “Các cậu có ai nghe được chân dung của Xuân Sách chưa?”.Một cậu trả lời : “Bọn em chỉ nghe loáng thoáng....”

“Các cậu nên đọc nên biết,theo tôi đó là tinh hoa của Xuân Sách”

Lại một lần nữa tôi bắt ngờ.Vậy là sao?Ngoài bài thơ tôi viết về ông tôi còn viết một bài về nhà văn Nguyễn Thị Thường thuộc loại ác chiến.Có lần nhà thơ Khương Hữu Dụng đã đến gặp tôi nói “Cậu viết về Chế Lan Viên hơi ác”.Một thời gian sau ông lại đến,tôi xin nói thêm về cụ già Khương(tên thân mật chúng tôi thường gọi ông).Ông say thơ một cách kỳ lạ.Thỉnh thoảng ông hay đến chơi với tôi,tôi rất vui và kính trọng ông ,nhưng trong bụng cũng lo là mỗi lần như vậy thường mất đứt một buổi để hầu chuyện cụ.

Lần đó tôi mất đứt cả buổi sáng hầu chuyện cụ mỗi một đề tài thơ.Đến trưa tôi cầm cái bát,đôi đũa nói với cụ :

-Bây giờ cháu xin lỗi phải đi ăn cơm,ăn ở nhà ăn tập thể đi muộn là mất suất.

Cụ vui vẻ đi cùng tôi và vẫn tiếp tục nói về thơ,đến tận cửa nhà ăn cụ mới nói :

- Hôm nay mình đến gặp cậu chỉ để nói một câu,hôm trước mình nói cậu viết về Chế Lan Viên hơi ác,nhưng bây giờ mình thấy hình như cậu viết đúng.

Tôi không nhớ là bao lâu nữa cụ lại đến,vừa trông thấy tôi cụ giơ cả hai tay lên trời phấn khích nói to :

- Tiên sư mày,mày là thằng tiên tri.Mày viết về Chế Lan Viên rất đúng.

Được cụ già Khương mắng câu “Tiên sư thằng Tào Tháo”thì còn gì hơn nữa.

Năm 1976 Đại hội Đảng tiến hành trong không khí vui mừng chiến thắng.Có tin đồn giới văn nghệ sẽ được một suất Trung ương Ủy viên,người ấy là Chế Lan Viên.Đó là niềm mơ ước không chỉ của riêng ai.Có người không tin nói nếu văn nghệ được một suất thì đó phải là ông Nguyễn Đình Thi,người hoạt động trong chính trường rất sớm,đương kim Tổng thư ký Hội nhà văn,lại nữa vợ ông là Phó giám đốc Bệnh viện Việt-Xô nơi chữa trị cho các cán bộ cấp cao.Giàu vì bạn sang vì vợ là lẽ thường.Nhưng có người nói ông Thi bị cái “phốt” Con nai đen.Điều này tôi đã cảnh báo trong chân dung về ông “Bay chi mặt trận trên cao ấy/Quên chú nai đen vẫn đứng chờ”.Một hôm chị Lê Minh con nhà văn Nguyễn Công Hoan đến gặp tôi kể có nghe tin đó và chạy đến hỏi ông Lê Văn Lương chú ruột chị (Ông Lương lúc đó là Trưởng ban tổ chức Trung ương Đảng):

-Có phải lần này ông Chế Lan Viên vào Trung ương không chú?

- Cháu tưởng vào Trung ương dễ thế sao?

Rồi ông ấy đọc bài thơ của anh viết về ông Chế.Ủy viên Bộ Chính trị cũng thuộc thơ anh rồi đấy.

- Như thế là phúc hay họa hờ chi

- Anh yên tâm,ông Lương được lắm đấy.

Tôi cũng tình cờ gặp ông Lương, lần đó anh Thanh Tịnh bảo tôi cụ Hoan muốn gặp Sách. Tôi đến nhà cụ.

- Tôi đã được nghe bài thơ anh viết về tôi, để tôi đọc xem có có đúng không.

Ông đọc xong rồi cười rất sảng khoái

- Thưa bác, bác đọc đúng. Bác có trách mắng gì không ạ?

- Tôi cũng ưa châm biếm, anh viết thế là hơi nhẹ, nhưng tôi cũng bị trời phạt đó. Đồng rác cũ tập hai bị triệt sản không chào đời được.

Lúc đó ông Lê Văn Lương tới, dáng cao gầy mặt khắc khổ. Ông đứng trước cửa chấp tay :

- Thưa anh nghe tin chị mệt em đến thăm, xin phép anh cho em vào thăm chị.

Cụ Hoan nói :

- Chú vào đi.

Tôi có thiện cảm với ông Lương. Đại thần mà còn giữ được nề nếp gia phong như vậy là hiếm. Rốt cuộc ông Chế bị trượt, tất nhiên không phải tại bài thơ của tôi.

Năm 1987 Hội Văn nghệ Đặc khu Vũng Tàu-Côn Đảo của chúng tôi mở trại sáng tác, tôi mời hai thầy về giảng bài là nhà văn Nguyễn Khải và nhà thơ Chế Lan Viên.

Nhà thơ đưa theo cô con gái Vàng Anh, tôi cử một cậu nhân viên của Hội đưa Vàng Anh đi chơi và tắm biển.

Anh em văn nghệ rất vui và hai thầy cũng tận tâm giúp đỡ. Buổi chiều tôi thường đi dạo cùng với thầy Chế dọc bờ biển. Một lần chúng tôi gặp một xác người vượt biên bị sóng biển đánh giạt vào bờ, một ông già. Thi hài được đắp chiếu và một bát hương bên cạnh chờ làm thủ tục chôn cất. Buổi hoàng hôn trước trời biển mênh mông, tôi đột ngột đọc to câu thơ :

“Đất nước đẹp vô cùng mà bác phải ra đi”

Nhà thơ nắm nhẹ tay tôi :

- Văn chương nhiều khi thật đáng sợ

Tôi thẳng thắn tâm sự với ông nhiều chuyện. Thấy ông trầm tư nhiều hơn.

Hết trại ông hẹn tôi :

- Khi nào lên Sài Gòn ghé nhà mình, mình ở tận Bà Queo, đường ngoắt ngoéo lắm, mình đã vẽ sơ đồ đây để Sách dễ tìm.

Tôi đến nhà ông một căn nhà có thể gọi là tồi tàn so với ông, tôi nghĩ Sài Gòn còn nhiều ngôi nhà tốt hơn dành cho ông. Tôi không hỏi nhưng ông nói :

- Mình không biết làm phiền người khác, được sao ở vậy, cũng giống Sách ở ngôi nhà chiến khu Đ giữa thành phố du lịch Vũng Tàu đất rộng người thưa.

Hồi đó tôi cũng chưa có nhà, ở một căn gia binh trong khu đất đầy cây cỏ hoang dại nên anh em gọi đùa là chiến khu Đ.

Chúng tôi ngồi nói chuyện phiếm, Chế Lan Viên hỏi :

- Mình nghe nói, hồi Sách lên Tam Đảo có gặp ông Lành lên đó đọc các tài liệu sưu tập các chuyện tiểu lâm dân gian và ông ấy nhận xét “Cực kỳ phản động cực kỳ hay”?

- Đúng, tôi chẳng thể bịa ra được một câu như thế. Câu đó là của hai ông Tố Hữu, một là của ông quan, một là của nhà thơ. Về trên thì còn phải bàn chứ về dưới thì hoàn toàn chính xác. Đúng là cực kỳ hay như mấy câu này :

Tôn Đản là của vua quan

Vân Hồ là cửa trung gian nịnh thần  
Đông Xuân là cửa thương nhân  
Vía hè là cửa nhân dân anh hùng

Chắc hẳn đó chị Thường cũng phải ra Vân Hồ mua hàng, tôi cũng vậy. Cũng là lớp trung gian nịnh thần, tình đã gian mà lý cũng gian cái làm sao được với nhân dân anh hùng ngoài vỉa hè. Trong giới công chức ai chẳng mơ lên Vân Hồ, Đặng Dung rồi Nhà thờ, Tôn Đản được mua hàng hiếm và rẻ, bệnh tật được vào Việt-Xô chữa trị. Chắc anh chị còn nhớ vụ anh Trúc Đường anh ruột nhà thơ Nguyễn Bính, bị bệnh hiểm nghèo chỉ có Việt-Xô mới có thầy có thuốc. Nhưng anh Trúc Đường chỉ là cán sự 4 tương đương Trung úy bên Quân đội thì làm sao đủ tiêu chuẩn. Bên sân khấu cử người lên gặp ông Tố Hữu đề nghị đặc cách cho anh Trúc Đường lên chuyên viên để vào Việt -Xô may ra cứu được. Ông Tố Hữu đồng ý nhưng ở xứ ta quyền lực như ông ấy cũng không thể ký ẹt cái là xong. Nước xa không cứu được lửa gần, khi có quyết định thì anh Trúc Đường cũng đã về trời.

Hay như mấy câu nói về tiêu chuẩn chọn chồng của các kiều nữ Hà Nội :

Một yêu anh có may ô  
Hai yêu anh có cá khô ăn dần  
Ba yêu rửa mặt bằng khăn  
Bốn yêu có thuốc đánh răng hàng ngày

.....  
Một lần tôi đi họp trong giờ nghỉ tướng Lê Quang Đạo đọc câu thơ tập Kiều “Bắt cởi trần phải cởi trần/Cho may ô mới được phần may ô”. Rồi ông cười sảng khoái khen hay.

Mấy thứ đó áo may ô ba lỗ, khăn rửa mặt, kem đánh răng... phân phối về thường ít hơn số người nên phải bốc thăm đấy là chưa nói đến cả cơ quan chỉ được phân một đôi lớp xe đạp Sao Vàng thì còn phải họp bàn nát nước mới quyết định phân cho ai. Bác Thanh Tịnh là người thủ phạm mà trước cảnh này đã nghĩ ra một vế đối cực hay :

Cái cúrt gì cũng phân, mà phân thì như cúrt

Tôi nhại giọng Huế của anh Thanh Tịnh “Cái cúrt gì cũng phân, mà phân thì như cúrt” làm hai ông bà nhà thơ cười lăn lộn.

Tôi hỏi :

Anh chị thử đối xem.

- Sách là ông đồ xứ Thanh quê Trạng Quỳnh còn chịu, hưởng chi bọn mình.

Tôi kể cho hai ông bà nhà thơ nghe một câu chuyện hậu trường. Hỏi tôi vào chiến trường Trị Thiên Huế, vùng miền tây có thứ bệnh sốt rét ác tính nguy hiểm. Bác sĩ Đặng Văn Ngữ cũng vào đây, ông đã dùng chính thân mình làm mồi cho muỗi đốt để nghiên cứu tìm ra thuốc chữa cho bộ đội và ông đã hy sinh trong chuyến đi này. Ở đơn vị tôi đến có một sỹ quan của Bộ Tổng tham mưu vào công tác, không may ông bị sốt rét ác tính và qua đời tại mặt trận. Ông lại là em ruột của một nhà lãnh đạo, nên đơn vị phải cử đồng chí chính ủy và bác sỹ ra Hà Nội báo cáo. Ra đến nơi hai người đến báo cáo trước với Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị. Nghe xong vị Thượng tướng nói :

-Thế là được, chú ý nói gọn ghẽ hơn, cần bộc lộ tình cảm. Ông nhấn mạnh với vị bác sỹ: “Cậu phải chú ý đến đồng chí lãnh đạo, đề phòng nghe tin dữ ông bị sốc xảy ra chuyện gì phải có cách cấp cứu kịp thời



Hai người làm đúng bài bản. Vị bác sỹ luôn nhìn vị lãnh đạo với sự nhạy bén của thầy thuốc. Khi ông chính ủy báo cáo xong lấy khăn lau nước mắt thì đồng chí lãnh đạo đứng bật dậy giơ nắm tay phải hô to:

- Tinh thần của các chiến sỹ hy sinh vì sự nghiệp cách mạng bất diệt.

Ông bà chủ căn nhà Bà Quẹo nghe xong cười rất sảng khoái.

Sau này tôi có đọc một số bài thơ trong di cáo của Chế Lan Viên. Những bài thơ cũng rất Chế Lan Viên ở một gam khác. Tôi cứ nghĩ về ông, những vấn đề như tài năng và nhân cách, bản lĩnh và thói xu thời, trung thực và trí trá. Không riêng ông và còn nhiều người khác nữa mà tôi biết, thật khó lý giải cho rành mạch. Có lần nhà văn Tô Hoài kể tôi nghe hồi còn ở chiến khu nhà văn Ngô Tất Tố sau một buổi kiểm điểm tư tưởng, quẹt nước mắt, nước mũi vào cột lán than : "Làm người thật là khó". Cái ý ấy đã giúp tôi viết chân dung về nhà văn tôi chưa từng được gặp:

Tài ba thẳng mỗ cỡ chuyên viên

Chia xôi chia thịt lại chia quyền

Việc làng việc nước là như vậy

Lộn xộn cho nên phải tắt đèn

Đã lộn xộn mà còn tắt đèn nữa thì biết đâu mà lẩn.

Đó là một vài mẫu trong cái kho tàng cười ra nước mắt....Không hiểu người uyên bác như anh Hoan có lần ra không?

## Nhận diện Chân dung nhà văn Lý Hồng Xuân

Xuân Sách là "Người gảy đàn". Chúng tôi thử làm vai trò "Người nghe", thường thức khúc độc tấu của ông!... Qua những trang viết của Chân Dung Nhà Văn (CDNV) - Tôi trong số những người nghe đó - cảm nhận, suy nghĩ... nêu lên chủ ý của mình, góp thêm tiếng nói vào việc làm sáng tỏ những nhận định của tác giả CDNV. Tập lại thành cuốn sách Nhận diện Chân Dung Nhà Văn và gửi tới bạn.

Xin Bạn cùng đồng cảm với tôi và thường thức khúc nhạc của người gảy đàn Xuân Sách!...

Hải ngoại tháng 9/1999 (L.H.X)

(Trích Lời Bạt sách "Nhận Diện Chân Dung Nhà Văn" của Lý Hồng Xuân)

27.13

(27 là thứ tự trong tác phẩm CDNV của Xuân Sách, số 13 bên cạnh là thứ tự chân dung được nhận diện trong sách ND CDNV của Lý Hồng Xuân)

"Sông Mã xa rồi, Tây Tiến ơi!"

Về làm xiếc khỉ với đời thôi

Nhà đời một nóc chênh vênh lấm

Sống tạm cho qua một kiếp người

Áo sờn thay chiếu anh về đất

Mây đầu Ô trắng, Ba vì xanh

Gửi hồn theo mộng về Tây Tiến

"Sông Mã gầm lên, khúc độc hành!"

Sông Mã (thơ), Ba Vì (thơ), Tây Tiến (thơ), Mây Đầu Ô (tập thơ)... là những thi phẩm của nhà thơ QUANG DŨNG, tác giả của những bài thơ nổi tiếng: Tây Tiến, Đôi Mắt Người Sơn Tây, Đôi Bờ, đã được phổ thành bài hát.

Thơ Quang Dũng phảng phất chất hoài niệm, lắng đọng, pha lẫn chất hùng ca. Trong các bài thơ của Quang Dũng, chúng ta luôn được nghe ông nói đến các địa danh Sơn Tây của ông! Thật kỳ lạ, người đọc tự nhiên cũng đồng cảm cùng tác giả. Trí tưởng tượng của họ bị kích thích mạnh, bởi lời thơ mộc mạc, giản dị, thấm đượm tình người, tình yêu quê hương đất nước...

Đêm 19/12/1946, Người Hà Nội mang đồ vật trong nhà của mình ra xây dựng chiến lũy, ngăn chặn quân thù rồi ra đi kháng chiến, để lại sau lưng họ "khói lửa ngút trời". Khi xa Hà Nội, mỗi khi nghĩ về Hà Nội, ai cũng trào dâng xúc cảm... Quang Dũng đã nói hộ họ nỗi niềm tâm sự này trong bài thơ Tây Tiến. Ai đã đọc Tây Tiến, đều xúc động nhớ về Hà Nội, qua câu thơ đầy gợi cảm:

"... Mắt trừng gửi mộng qua biên giới  
Đêm mơ Hà Nội dáng Kiều Thơ..."

Quan văn nghệ Tố Hữu đọc được câu thơ này chẳng những không thích thú, mà còn buông lời châm chọc, xô xiên... Quang Dũng bị ức chế, bị tổn thương tinh thần của một sĩ phu Bắc Hà thứ thiệt. Ông không còn hứng thú viết những vần thơ hay, thấm đượm tình nhân ái nữa, về sống lặng lẽ trong căn phòng nhỏ hẹp cùng gia đình của những văn nghệ sĩ chân chính, không xu nịnh để kiếm miếng đỉnh chung...

Tặng người Quang Dũng to cao. Nhà nghèo, ông cảm thấy quanh năm đói, chỉ thèm được ăn một bữa dù là cơm rau, nhưng được no nê mà vẫn không được. Hoàn cảnh của nhân dân Miền Bắc lúc bấy giờ (trước năm 1975), ai cũng như ai. Nếu làm việc ở cơ quan hành chính sự nghiệp, mỗi người, mỗi tháng chỉ được mua 13 Kg gạo, 250 gram thịt, 250 gram đường, 5 mét vải... Với sức vóc như ông, cái đói triền miên là tất nhiên... Sau năm 1975, các tiêu chuẩn này được nhích lên, nhưng cũng chẳng là bao. Quang Dũng vẫn ở trong số những văn nghệ sĩ đói!

... Cuối những năm 1980, sáng sáng người dân Hà Thành thường gặp một ông già to cao, trong đoàn các ông bà già ra công viên Thống Nhất (giờ là công viên Lê nin), tập thể dục. Người đó là nhà thơ Quang Dũng của chúng ta. Chân dung của ông được vẽ, dường như lấy ý từ những câu thơ hào hùng, bi ai... của ông.

68. 24

Hồn đã Vượt Côn Đảo,  
Thân vẫn còn trong Lao.  
Bởi nghe Lời Mẹ Dặn  
Nên suốt đời lao đao

Vượt Côn Đảo (truyện dài), Lời Mẹ Dặn (thơ)... là hai tác phẩm nổi tiếng của nhà văn PHÙNG QUÁN (Mới mất đầu năm 1995)

Là nhà văn trẻ (thời điểm 1955 - so với Hoàng Cầm, Trần Dần, Lê Đạt... nhóm Nhân Văn - Giai Phẩm), quê ở Huế, (có tin nói rằng ông gọi Tố Hữu bằng cậu ruột). Khi đi theo kháng chiến, ông đã viết tác phẩm Vượt Côn Đảo, giải thưởng Văn chương Kháng Chiến chống Pháp. Khi những văn nghệ sĩ lên tiếng, đòi được "Tự do trong sáng tác" (chủ trương của nhóm Nhân Văn Giai Phẩm). Phùng Quán tham gia nhiệt tình. Ông viết bài thơ: Lời Mẹ Dặn... trong đó có những câu thơ nổi tiếng... "xóc óc" (xem Phụ lục ở cuối sách):

"... Giấy Bút tôi, ai cướp giạt đi

Tôi sẽ dùng Dao viết văn trên đá!".

Bị chạm nọc, những người lãnh đạo tư tưởng của chế độ rất căm Phùng Quán. Ông bị trừ dập nặng. Nguồn sống bị triệt hạ, không được viết, sống vất vưởng... Phùng Quán phải đi câu cá trộm ở Hồ Tây... cố sống để sáng tác! Sau này, ông thường nói đùa với bạn bè: "Cuộc đời tôi ở giai đoạn này (bị trừ dập) có thể tóm tắt bằng 6 chữ: Cá trộm, Rượu chịu, Văn chui".

Cá trộm, nói về việc ông luôn đi câu cá trộm ở Hồ Tây, do hợp tác xã Trúc Bạch quản lý. Ngay đằng sau khu nhà tập thể của vợ ông là cô giáo dạy ở trường trung học Chu Văn An.

Rượu chịu - việc Phùng Quán luôn ra uống rượu chịu của bà hàng nước ở đầu phố, vì không bao giờ có dư tiền, thêm rượu dành uống chịu, cuối tháng vợ lĩnh lương, xin vợ nèn ra trang trải, giả nợ.

Văn chui - chỉ việc ông thỉnh thoảng viết, nhưng ký tên người khác, tiền ông không được phép xuất hiện tên văn đàn.

Năm 1987, trước không khí cởi mở, ông cho xuất bản cuốn truyện viết cho các em, tựa đề: Tuổi Thơ Dữ Dội, được Hội Nhà Văn Việt Nam tặng giải thưởng văn chương. Xưởng phim Giải phóng dựng thành phim. Sau này ông còn viết bài thơ nổi tiếng khác: Trường ca về Cây Cà. Trước khi mất ít lâu, Phùng Quán viết đơn kiện nhà nước vì đã "bỏ tù, giam lỏng", ông và các bạn nhiều năm, chẳng hề có án, không được xét xử!

Việc làm của ông dù giống như câu ca dao của dân ta: Con kiến mà kiện củ khoai, song vẫn nổi rõ chí khí của một sĩ phu đất Thần kinh!

Lá đơn kiện này đã làm cơ quan quản lý tư tưởng điên ruột. Một bản thông báo vội vã được phát ra... gán ghép cho Phùng Quán và các bạn của ông tội danh "lợi dụng... góc đầu dãy... chống đối..." Một số người bị liên lụy! Trong đó có Nguyễn Hộ, Bùi Minh Quốc, Nguyễn Xuân Tú (Hà Sĩ Phu)...

23.25

Mấy lần Lữ Bước Sang Ngang  
Thương con Bướm đậu trên giàn mồng tơi  
Trăm hoa thân cánh rã rời  
Thôi đành lấy đáy Giếng Thơi làm mồ.

Lữ Bước Sang Ngang (tập thơ), Cô Hàng Xóm (thơ), Trăm Hoa (Báo), Nước Giếng Thơi (tập thơ)... (Giàn Mồng Tơi là một câu trong bài thơ Cô Hàng Xóm)... đó là những tác phẩm của nhà thơ NGUYỄN BÌNH.

Ông là nhà thơ chân quê, nhà thơ của sự chia ly, của tình yêu dang dở... Thơ ông thấm đượm tình yêu quê hương, mộc mạc, phẳng phất hương vị ca dao, truyện Kiều. Ông chẳng những có tài làm thơ, mà dịch thơ, vịnh thơ, xuất khẩu thành thơ cũng tài giỏi tuyệt đỉnh... (xem phụ lục).

Trước năm 1945, ông có các tập thơ Lữ Bước Sang Ngang, Nước Giếng Thơi, Hương Cỏ Nhân, Cô Gái Ở Lầu Hoa... sau 1945 đi kháng chiến, chỉ xuất bản được một tập Đêm Sao Sáng, cũng nói về đề tài chia ly, vì chiến tranh... chất lượng nghệ thuật của Đêm Sao Sáng kém xa những thi phẩm trước đây của ông.

Vốn tính lãng tử, thích đi đây đó tìm hiểu phong tục, ngắm nhìn đất nước. Nguyễn Bính phiêu bạt vào Nam. Chiến tranh ập tới, ông đi kháng chiến... năm 1954 tập kết ra Bắc. Ông đặc biệt kính trọng, sùng bái Thi hào Nguyễn Du. Trong bài thơ Quê Hương, viết năm 1965, trước khi chết ít lâu, ông tuyên bố:

"Quê hương tôi...  
Có Nguyễn Trãi có Bình Ngô Đại cáo  
Có Nguyễn Du và có một truyện Kiều..."

Đối với Nguyễn Bính, Việt Nam chỉ có Nguyễn Trãi, mới đích thực là nhà quân sự, nhà chính trị tài giỏi, nhân hậu.

Lúc này, người ta đang "sùng bái" Tố Hữu, Sóng Hồng (Bí danh của Trường Chinh). Các vị ấy đang được hệ thống thông tin đại chúng, trực tiếp, gián tiếp... tâng bốc tận mây xanh. Nhưng với Nguyễn Bính, Việt Nam chỉ có Nguyễn Du và một Truyện Kiều thôi!

Theo Tô Hoài, khi Nhân Văn - Gian Phẩm "đang hoành hành", ban Tuyên huấn Trung ương quyết định cho ra báo Trăm Hoa, làm đối trọng để lấn át đối thủ trên mặt trận Văn Nghệ. Người được chọn lãnh đạo tờ báo là Nguyễn Bính.

Nhưng khi bắt tay vào việc, tờ Trăm Hoa chẳng những không "trấn áp" được Nhân Văn - Gian phẩm, trái lại, còn có biểu hiện phụ họa với đối thủ... Các xếp sòng tức giận, cách chức chủ nhiệm, "dẹp tiệm" Trăm Hoa, đuổi Nguyễn Bính về Ty văn hóa thông tin Nam Hà quản thúc...

Nghèo, đói! (không có đủ tiền mua một chiếc xe đạp để đi làm). Bị o ép về tư tưởng... Nguyễn Bính đau buồn, gác bút.

Người xưa nói "Văn tức là Người", đối với Nguyễn Bính điều đó thật đúng! Trước khi mất ít lâu - vào cuối năm 1965 - Ty Văn Hóa Thông Tin Tỉnh Nam Hà chuẩn bị lễ kỷ niệm 200 năm đại thi hào Nguyễn Du. Trưởng ty Chu Văn - (hiện nay gọi là Giám đốc Sở) tổ chức một cuộc họp yêu cầu nhân viên nộp bài tham luận về Nguyễn Du, các bài viết đăng trong tờ báo địa phương (báo Nam Hà) số Xuân để lãnh đạo duyệt trước...

Nguyễn Bính rút túi lấy ra bài thơ tiêu đề "Tặng cụ Nguyễn Du và Truyện Kiều", đọc to cho mọi người cùng nghe:

Cảo thơm lần giở trước đèn  
Là nhiều vàng đá, phải tìm trăng hoa  
Trăm năm trong cõi người ta  
Một thiên tuyệt bút, gọi là để sau  
Khen tài nhả ngọc phun châu  
Mười lăm năm ấy, biết bao nhiêu tình.  
Mấy lời kỳ cựu đỉnh ninh  
Rằng tài nên trọng mà tình nên thương  
Khen rằng giá đáng thịnh đường  
Thì trao giải nhất, chi nhường cho ai  
Gấm âu người ấy báu này  
Nghe ra ngậm đắng nuốt cay thế nào  
Nàng vì chút nghĩa xưa sau  
Mà cho thiên hạ trông vào cũng hay  
Thương vui bởi tại lòng này

Tan sương đầu ngõ, vén mây cuối trời  
Lòng thơ lai láng bồi hồi  
Tưởng người nên lại thấy người về đây...

Theo Chu Văn kể lại trong hồi ức: Mọi người nghe xong bàng hoàng. Toàn bài thơ là lời được nhặt ra từ Truyện Kiều. Nhưng kinh ngạc hơn còn ở chỗ, bài thơ tổng kết cuộc đời tài hoa của nàng Kiều, song ai cũng ngậm ngùi nhận ra hình ảnh của Nguyễn Bính trong đó.

Cám động nhất là những câu kết:  
Thương vui bởi tại lòng này  
Tan sương đầu ngõ, vén mây cuối trời  
Lòng thơ lai láng bồi hồi  
Tưởng người nên lại thấy người về đây!

Mọi người lặng đi!

Bài thơ thật hay nhưng thấy quá buồn... Nhà văn Chu Văn là xếp nên đề nghị Nguyễn Bính sửa mấy câu kết "đọc nghe xái quá"!

Nguyễn Bính kiên quyết không nghe:

- "Một chữ cũng không sửa. Các vị đừng mê tín... cốt hay là được!"

Sau buổi họp, nhà văn Q.L. - lúc đó mới tốt nghiệp đại học tổng hợp được phân về công tác cùng địa phương với Nguyễn Bính - vốn quý trọng nhà thơ, lại cũng thuộc Kiều, Q.L. mời Nguyễn Bính đi "ăn hàng". Rượu vào làm Nguyễn Bính rất vui... Q.L. biết tính "Đại ca"... anh 1ưa 1ời... nhìn Nguyễn Bính đọc:

"Rằng hay thì thật là hay  
Xem ra ngậm đắng nuốt cay thế nào...  
Lạ chi những bậc tiêu tao  
Thiệt lòng mình cũng nao nao lòng người..."

Nguyễn Bính mặc dù đang say sưa, nghe "chú em lấy Kiều", trợn mắt nhìn Q.L, nói tiếp ngay:

"Rằng quen mắt nét đi rồi  
Tê vui thôi cũng tính trời biết sao..."

Buổi lễ kỷ niệm 200 năm thi hào Nguyễn Du diễn ra long trọng, sông sê. Bài tập Kiều của Nguyễn Bính đăng trên trang nhất báo Nam Hà, được bạn đọc khen ngợi...

Tết dương lịch 1966 qua đi.

Tết âm lịch 1966 (Bính Ngọ) đang đến! Nguyễn Bính từ biệt gia đình, đến nhà một người bạn yêu thơ ông, ăn Tết, theo lời mời khản khoản của vợ chồng họ...

Sáng 30 tháng chạp năm Ất Ty (1965): ông chủ nhà cùng Nguyễn Bính ra vườn ngắm cảnh hái lộc... Một cơn gió độc ập tới... Nguyễn Bính trúng gió, ngã nằm đè lên những nhánh lộc Xuân, trong bùn đất của tiết đầu Xuân. Chủ nhà vốn là một thầy lang, cổ công cứu chữa, nhưng Nguyễn Bính đã ra đi vĩnh viễn!

Điều này dường như Nguyễn Bính đã "sinh Gở", gửi gắm lại cuộc đời những trời trần trong bài thơ tặng Cụ Nguyễn Du, hồi cuối năm 1965 - trước khi "ra đi" ít ngày - Và xa, lâu hơn nữa, từ mấy chục năm trước: Trong bài Nhạc Xuân in ở tập Hương Cổ Nhân, xuất bản năm 1939, ở

một đoạn ông viết:

"... Năm mới, tháng giêng mừng một Tết,  
Còn nguyên vẹn cả một mùa Xuân"...

Còn hai câu kết của bài Nhạc Xuân, thì:

"Giờ đây chín vạn bông trời nở  
Riêng có tình ta khép lại thôi!"

27 năm sau - năm Bính Ngọ, Năm Nguyễn Bính 49 tuổi (1966) - ông chết đúng như lời ông đã viết trong bài thơ kia! (Nguyễn Bính sinh năm Mậu Ngọ 1918, đồng niên với nữ sĩ Anh Thơ...).

76. 27

Em ơi buồn làm chi?  
- Em không buồn sao được!  
Quan họ đã vào Hợp tác  
Đồng Hồ gà, lợn nuôi chung.  
Bên kia Sông Đuống em trông  
Tìm đâu thấy Lá Diêu Bông hỡi chàng!

Bên Kia Sông Đuống (tập thơ), Lá Diêu Bông (thơ)... là hai trong số nhiều thi phẩm của nhà thơ HOÀNG CẦM. Ông nổi tiếng trong Kháng chiến chống Pháp. Tập Bên kia Sông Đuống đã đưa ông lên vị trí của nhà thơ tài năng. Cuộc kháng chiến chống Pháp kết thúc, từ chiến khu trở về, (1954) ông được bổ nhiệm làm Trưởng đoàn Văn công Tổng cục chính trị (Văn công Quân đội). Khi nhóm chủ trương Nhân Văn - Giai phẩm lên tiếng, Hoàng Cầm nhiệt thành ủng hộ. Ông bị trừng phạt rất nặng: Đuổi khỏi biên chế quân đội, tước chức vụ Trưởng đoàn Văn Công Tổng Cục Chính Trị, bị o ép, thậm chí cả tù đày...

Những ngày tháng này, tai họa nọ nối tiếp tai họa kia ập xuống đầu ông: Vợ chết, ít lâu sau, con gái chết theo. Sự chịu đựng của con người có hạn, thế nhưng đối với Hoàng Cầm những bất hạnh đó thật vô hạn. Ông diễn tả tâm trạng mình trong bài thơ Ngã Ba Sông ở đoạn kết thật nào nề:

Ngự đỉnh đài bóng nguyệt xuyên canh  
Đón chào nữ chúa khóc vô thanh  
Hỏi thăm ai nức rung hoàn vũ  
Ba nhánh sông cùng đáp chính anh!

Nhà thơ đau khổ đến độ khóc không thành tiếng, bật ra tiếng nức rung động cả vũ trụ... Hoàng Cầm hoàn toàn sụp đổ, trở thành lẩn thẩn... Nhờ bạn bè thương cảm chăm sóc, an ủi... Hoàng Cầm dần qua khỏi.

Tuy sống trong hoàn cảnh như vậy, ông vẫn lặng lẽ chịu đựng và viết. Tập thơ Về Kinh Bắc, được ông sáng tác trong khoảng từ 1958 đến 1968. Đặc biệt bài thơ Lá Diêu Bông ra đời năm 1959, đã trở thành bài thơ nổi tiếng, được nhiều nhạc sĩ trong, cũng như ngoài nước phổ nhạc: Phạm Duy, Lê Yên, Trần Tiến, Ngọc Thanh và gần đây là Nguyễn Tiên, mặc dù bài thơ Lá Diêu Bông lúc đó không được chính thức phổ biến.

Đây là bài thơ có sức cuốn hút kỳ lạ đối với Hoàng Cầm và độc giả đọc Lá Diêu Bông. Trong

một lần, hồi đầu năm 1997, nhạc sĩ Phạm Duy - bạn thân của Hoàng Cầm - khi sang châu Âu thăm cộng đồng người Việt Nam tại Thành phố Frankfurt/Main (Đức Quốc). Trả lời cuộc phỏng vấn của phóng viên tờ Đối Thoại (Cộng hòa Liên Bang Đức), ông (PD) nói về lịch sử của chiếc lá này như sau:

"... Phạm Duy (PD):

- Anh (Phóng viên) sống ở Miền Bắc, có biết Lá Diêu Bông là chiếc lá gì không?

- PV: Không! tôi chưa bao giờ nghe nói và nhìn thấy lá Diêu Bông!

- PD: Đúng! Trên thực tế, không hề có lá Diêu Bông, chỉ có lá Bông Diêu. Hoàng Cầm đã gọi lá đi, lá Bông Diêu thành lá Diêu Bông. Lá Bông Diêu là thứ lá mọc ở bờ bụi, miền đồng bằng châu thổ sông Hồng. Nó lành tính, mát, được các bà, các cô hái đem về, vò ra, lấy nước xoa lên mặt. Thứ lá này có một chút gì đó... làm cho da mặt của người được xoa mát, mịn màng, trở nên đẹp...

Lá DIÊU BÔNG - Bông Diêu - là thứ lá làm đẹp về mặt bên ngoài..."

Xuân Sách đã vẽ chân dung Hoàng Cầm, trên nền xanh ngát của chiếc lá kỳ lạ này...

## Tổ Hữu

Bài viết của cố nhà văn Xuân Sách do con trai ông, anh Ngô Nhật Đăng gửi tới Phongdiệp.net. Xin trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc.

\*\*\*

Ông Tổ Hữu là người ngồi ở ngôi cao trong hàng ngũ lãnh đạo của Đảng và Nhà nước, với Văn nghệ thì ông là đại thủ lĩnh, không có gì phải bàn cãi. Về thơ ông là ngọn cờ đầu của thơ ca cách mạng hiện thực XHCN như những nhà phê bình có tên tuổi khẳng định. Về nghệ thuật thơ cũng vậy “ *Thì treo giải nhất chịu nhường cho ai* ” như một nhà thơ lão làng đã viết. Câu thơ : “ *Mường Thanh, Hồng Cúm, Him Lam / Hoa mơ lại trắng vườn cam lại vàng* ” theo phân tích của nhà thơ nọ là hai câu thơ mẫu mực vừa kinh điển vừa hiện đại. Ai dám cãi hoa mơ không trắng vườn cam không vàng. Các cán bộ đi thuyết giảng ai cũng thuộc và trích dẫn vài câu thơ của Tổ Hữu để tăng phần hấp dẫn của bài nói.

Tôi đã một lần bị một đồng chí chính trị viên dưới đơn vị gửi thư lên Tổng cục chính trị phê phán là đi nói chuyện thơ cho bộ đội mà chỉ trích thơ Chế Lan Viên chứ không trích thơ Tổ Hữu. Bài thi Văn Trung học và Đại học năm nào mà chẳng có đề về thơ Tổ Hữu, nó đã trở thành quen thuộc như sỗ gạo của từng nhà. Tôi cũng biết vào những năm “ Nhân văn Giai phẩm ” có một nhà thơ bộ đội viết bài phê bình thơ Tổ Hữu có câu “ *thơ Tổ Hữu như cốc siro pha loãng...* ”. Như thế thì nhiều phen “ lên bờ xuống ruộng ” là phải. Cũng chẳng biết kêu ai, chẳng ai nói cho biết mình phạm tội gì. Anh có viết một vở kịch tên là “ *Mưa bóng mây* ”. Tôi đùa :

– Ông cứ coi mọi tai nạn là mưa bóng mây đi, dù nó là mưa đá.

Tôi cũng nghe kể hồi còn trên chiến khu Việt Bắc một lần Tổ Hữu định đọc thơ cho Văn Cao nghe, nhưng ông nhạc sĩ gạt đi “ *Thơ cậu như ca dao hò vè có gì mà đọc* ” tôi nhớ lại lời ông bác mỗi khi mắng con cháu tội lỗi biếng hoặc mắc lỗi “ *Chết là phải* ”.

Vì thế khi làm thơ chân dung nhà văn tôi phải nghĩ tới Tổ Hữu làm thế nào bài thơ phải xứng tầm với ông. Có thể nói đó là bài thơ tôi viết đi viết lại nhiều lần mà chưa ưng ý. Hơn nữa viết về ai ngoài đọc kỹ tác phẩm tôi đều tìm cách tiếp xúc để biết kỹ hơn tính cách của họ. Tôi từng hầu chuyện nhiều bậc đàn anh, bằng cách này cách khác và học hỏi được nhiều điều. Nhưng Tổ Hữu thì không. Tôi biết ông, thấy ông thì nhiều lần trong những buổi họp hành về văn nghệ. Tôi nhớ một lần ông tới Tạp chí nói chuyện về tập *Cửa mở* của Việt Phương. Ông lim dim mắt cao giọng “ *Đó là tập thơ ba lạng nhăng, tư tưởng ba lạng nhăng* ”. Tôi cũng không thể như nhà

văn nọ nổi tiếng “ đấng trí ” nhưng lại nhớ rất kỹ ngày sinh Tố Hữu hàng năm tới ngày đó đều đến nhà tặng nhà thơ lớn một bông hoa hồng. Tôi cũng không thể lấy có tác phẩm mới in mang đến tặng đại thủ lĩnh.

Tôi nhớ đời một chuyện, một hôm cùng ông bạn vàng đạp xe dọc đường Phan Đình Phùng có ngôi biệt thự có “ *Cành táo đầu hè rung rinh quả ngọt* ”.

Ông bạn bỗng hỏi tôi :

– Này ! Có bao giờ cậu nghĩ sẽ đến lúc ở trong ngôi nhà như thế này không ?

– Cậu tưởng mình năm mê chắc. Ba mươi tuổi mới là thẳng Trung úy quèn, bao giờ mới lên Tướng, họa có mà đảo chính.

Không ngờ trong buổi họp chi bộ sau đó, ông bạn vàng của tôi mang câu chuyện đó ra trình làng và nói thêm :

– Tôi biết đồng chí Sách nói đùa, nhưng đùa như thế là xuất phát từ tư tưởng thiếu lành mạnh.

May mà tôi chưa bị ghép vào tội có tư tưởng phản động.

Vậy thì làm sao tôi dám vào ngôi nhà đó. Nhưng rồi tôi cũng hoàn thành được bài thơ vào năm 1973, khi Tố Hữu có bài thơ “ *Máu và hoa* ” lấy cảm xúc từ sự kiện Hiệp định Paris. Tôi nhớ sau khi đọc bài thơ đó tôi cứ lẩm bẩm máu và hoa...máu và hoa, rồi bật ra cảm hứng viết “ *Máu ở chiến trường hoa ở đây* ”.

Hàng năm mỗi khi Tết đến tất cả các báo đều đăng thơ chúc Tết của Hồ Chủ tịch và thơ Tố Hữu, các báo đều đăng một bài ấy. Theo quy ước thì các tác giả không được gửi một bài đăng ở nhiều báo vào cùng thời gian. Ai làm thế sẽ bị cắt nhuận bút và bị phê bình. Nhưng Tố Hữu là ngoại lệ ai cũng thấy thế là phải, thơ hay đăng càng nhiều càng tốt. Thơ hay trả nhuận bút cao bao nhiêu cũng không xứng. Một bài thơ lúc đó nhuận bút từ 8 đến 10 đồng ở báo Trung ương. Cỡ Huy Cận, Xuân Diệu, Chế Lan Viên... có thể từ 12 đến 15 đồng. Như thế cũng là tương, vì theo Nguyễn Tuân lấy giá bát phở chín làm bản vị, ba hào một bát thì một bài thơ cũng cỡ vài ba chục bát, đủ ấm bụng điểm tâm sáng cả tháng trời. Tôi được biết tờ báo nọ phải đưa ra ban biên tập bàn bạc khi trả nhuận bút cho Tố Hữu, cuối cùng thống nhất : tiền là 500 đồng cộng một cành đào và một cặp gà trống thiến. Câu này là tôi nghe lại không biết có đúng không, khi nhận nhuận bút nhà thơ nói :

– Nhuận bút trả như ri, các nhà thơ ta sống khoẻ hí.

Các bài thơ chân dung tôi viết xong đều được anh em đem truyền khẩu hoặc tôi đọc trước mặt người được viết, riêng bài Tố Hữu mãi đến năm *Chân dung nhà văn* ra đời mới xuất hiện công khai. Khi viết xong bài thơ tôi hiểu không thể truyền bá ra ngoài được, cũng phải biết trời biết đất chứ còn làm sao bây giờ. Có một nhà văn gửi một bản tường trình lên đại thủ lĩnh tố cáo tôi làm thơ bôi xấu nhà văn, rồi trích một số bài, nhưng nếu không có bài về Tố Hữu thì không đủ sức nặng, ông ấy liền mấy câu ở vĩa hè nhại bài *Bầm ơi* “ *Bầm ơi có rét không bầm / Vong con cuỡi gà hầm con ăn.* ” Nhưng khi đọc xong Tố Hữu nói :

– Xuân Sách viết về các nhà văn như thế này thì không thể viết về tôi như vậy. Tôi chờ.

*Ta đi tới đỉnh cao muôn trượng  
Mắt trông về tám hướng phía trời xa  
Chân dép lép bay vào vũ trụ  
Khi trở về ta lại là ta*

*Từ ấy tim tôi ngừng tiếng hát  
Trông về Việc Bắc tít mù mây  
Nhà càng lộng gió thơ càng nhạt  
Máu ở chiến trường hoa ở đây  
Xuân Sách (*Chân dung nhà văn*).*



Và tôi cũng phải chờ. Một lần nhà văn Đặng Thai Mai gọi tôi đến nhà riêng. Cụ bảo tôi đọc bài thơ về Tố Hữu cho cụ nghe. Thấy tôi chần chừ cụ bảo “Cậu sợ tôi phản cậu hay sao?”

– Thưa bác, cháu đâu dám nghĩ về bác như thế có điều cháu nghe lời ông Hàn Phi rằng vua là con rồng có thể gần thậm chí có thể cưới lên mình nhưng tuyệt đối không được sờ vào cái vuốt dưới cằm. Cháu muốn giữ cái đầu để hoàn thành tập thơ đã.

– Thế là phải, nhưng đọc riêng cho tôi nghe thôi.

Tôi lại múa mép :

– Đạo trí giả của những người như bác có cái hay trong bụng không thể không truyền cho người khác, cho phép cháu khoe một chút, bài này hay.

Chúng tôi ngồi trên sàn nhà bằng gỗ. Cụ gác cằm lên đầu gối nghe xong cười khùng khục mắt yêu tôi :

– Thăng tiểu quỷ.

Mùa hè năm 1982 tôi lên Tam Đảo nghỉ vài hôm, hồi đó khách vắng lắm. Một buổi chiều tôi đang đi dạo dưới rừng thông thì nhìn thấy nhà thơ Tố Hữu đang đi về phía tôi, tôi nghĩ ông không biết tôi nên cứ lảng lạng đi qua. Không ngờ ông gọi :

– Xuân Sách đó à ?

– Thưa vâng chào anh.

– Sách lên đây để viết hay sao ?

– Dạ không, tôi được cơ quan cho đi nghỉ mát mấy hôm.

– Ra rứa. Còn mình lên đây có việc.

Tất nhiên là tôi không hỏi ông việc gì. Ông quàng tay lên vai tôi nói nhẹ nhàng :

– Bên Công an họ thu thập được những bài ca dao, đồng dao, chuyện tiểu lâm thời bây giờ, có đến gần 200 trang đánh máy. Mình lên đây để đọc cho yên tĩnh.

– Thưa anh, anh thấy thế nào ?

Và tôi nhận được câu trả lời ngắn gọn bất ngờ : “ *Cực kỳ phản động, cực kỳ hay* ”.

Có hai ông Tố Hữu trong câu nói này. Tôi nghĩ vậy và chợt nghĩ giá như lúc này tôi đọc bài thơ viết về ông mà ông cũng phán một câu như vậy thì tôi yên lòng. Xưa nay nhiều nho sĩ nhờ có câu thơ, về đối hay mà thoát chết đó sao.

Thời gian sau khi tập *Chân dung...* ra đời, có lần ông vào Vũng Tàu. Anh em văn nghệ đến chào, trong lúc vui chuyện có người hỏi :

– Thưa bác, bác nghĩ gì về bài thơ chân dung Xuân Sách viết về bác ?

– Có chi mô, nhà thơ cười nhỏ nhẹ, lão ấy đùa dai thôi mà.

Một lần ra Nha Trang gặp gỡ các bạn văn, có người kể rằng hôm gặp Tố Hữu cũng hỏi ông một câu như vậy. Ông suy tư một lát rồi trả lời :

– Anh Xuân Sách viết đúng về tôi.

Tôi nhớ lần tôi cùng Nguyễn Minh Châu đi chiến trường, một lần ở miền tây Thừa Thiên, trời mưa không dứt suốt ngày. Tôi đọc thơ :

*Nỗi niềm chi rứa Huế ơi*

*Mà mưa trắng đất trắng trời Thừa Thiên*

Châu hỏi :

– Thơ ai mà hay vậy ?

– Thơ Tố Hữu.

– Ông ấy làm thơ giỏi hơn làm quan, ngược lại thì tốt.

\*\*\*

## Phụ đính

### Xuân Sách và tập thơ *Chân dung nhà văn* Đỗ Ngọc Thạch

Tập thơ *Chân dung nhà văn* gồm 100 chân dung 100 nhà văn, nhà thơ được viết bằng thơ (đa phần là thơ tứ tuyệt) của Xuân Sách (1) viết từ năm 1962 đến 1992 mới được in thành sách, tính đến nay đã gần 20 năm tuổi. Song, ngay từ khi ra đời từng chân dung thì *Chân dung nhà văn* đã được “truyền miệng” rộng rãi không chỉ trong giới văn nghệ mà cả trong đông đảo công chúng văn nghệ. Sự tiếp nhận của người đọc, nhất là trong giới văn nghệ, đặc biệt là những người có tên trong danh sách 100 chân dung thật đa dạng với đủ các cung bậc phản ứng khác nhau. Có một chi tiết thật bất ngờ là có một số người phản đối *Chân dung nhà văn* chỉ vì không có chân dung của mình, cứ như là phải được Xuân Sách viết chân dung thì mới là nhà văn có giá!

Có thể nói tập thơ *Chân dung nhà văn* của Xuân Sách là một hiện tượng văn học độc nhất vô nhị của văn học Việt Nam hiện đại. Tuy nhiên, cho đến nay vẫn chưa có một sự phê bình, phân xét thỏa đáng của giới nghiên cứu văn học trên diễn đàn công khai. Và do vậy, cách hiểu *Chân dung nhà văn* còn bị nhiều cũng như những giá trị đích thực của nó vẫn chưa được phân định rõ ràng. Và xung quanh việc ra đời và tồn tại của *Chân dung nhà văn* cùng Tác giả của nó có ngàn lẻ một câu chuyện vừa thật, vừa có tính giai thoại, khiến cho việc tiếp nhận và thẩm định tác phẩm ngày càng khó khăn... Dường như tiên đoán được “sẽ có ngày hôm nay” nên Xuân Sách đã để lại một cuốn Hồi ký (2) nhằm giúp chúng ta giải mã tập thơ *Chân dung nhà văn*. Vì nhiều lý do, cuốn Hồi ký của Xuân Sách chưa được xuất bản mà mới chỉ công bố một phần nhỏ trên một vài trang Web. Cuốn Hồi ký của Xuân Sách có nhan đề *Giải mã Chân dung*, bao gồm 20 phần: *Khúc mở đầu* và 19 phân đoạn được đánh số từ 1 đến 19. Đọc xong tập Hồi ký *Giải mã Chân dung* của Xuân Sách, tôi nghĩ rằng tập Hồi ký này, xét về toàn cục còn vượt xa tập thơ *Chân dung nhà văn* về giá trị văn học bởi nó vừa “điểm nhãn” cho 99 chân dung nhà văn, nhà thơ ở tập *Chân dung Nhà văn*, vừa viết thêm những chân dung mới dù chỉ bằng những nét phác họa. Và tất nhiên, đời sống văn học, cả một thời kỳ dài gần nửa thế kỷ, chỉ tính từ khi Xuân Sách về làm việc ở Tạp chí Văn Nghệ Quân đội là năm 1960, cho đến khi ông qua đời (2-6-2008), được tái hiện thật là sống động. Vì thế, bài viết này của tôi sẽ gồm hai phần: Phần Một là về tập thơ *Chân dung Nhà văn* và phần Hai là về Hồi ký *Giải Mã Chân dung*. Tuy nhiên, do đây chưa phải là một bài viết theo thể loại nghiên cứu với đủ các trình tự lớp lang nên việc diễn đạt còn tùy hứng và các ý kiến chưa phải là đã hoàn chỉnh mà còn phải bổ khuyết.

\*

Thơ *Chân dung* được hình thành như thế nào? Phản ứng với thơ *Chân dung* truyền khẩu? Tập thơ *Chân dung Nhà Văn* được xuất bản ra sao? Phản ứng với tập thơ *Chân dung Nhà văn*? Đó là những vấn đề mà bài viết này sẽ cố gắng thể hiện một cách đại lược trong một “rừng câu chữ” của cuốn *Giải mã Chân dung* của Xuân Sách, trong đó, tác giả đã “trả lời những bạn đọc yêu quý xa gần của tôi là tôi đã nghĩ, đã viết những bài thơ chân dung như thế nào? Tôi còn muốn làm thêm cái khung cho những bức tranh ấy. Đây là hoàn cảnh, môi trường, có thể gọi là chân dung một thời các nhà văn chúng tôi đã sống và viết”.

\*

Bài thơ chân dung đầu tiên Xuân Sách viết năm 1962 trên vỏ bao thuốc lá Tam Đảo trong một buổi chỉnh huấn của quân đội phê phán chủ nghĩa Xét Lại. Bài thơ thuộc dạng hiền lành, vậy mà tức thì anh Nguyễn Khải nhận xét nghiêm túc: “Thằng này không đùa nữa rồi”. Chân dung số 1 đó là thiếu tướng nhà văn Hồ Phương, đã từng giữ chức TBT tạp chí *Văn nghệ Quân đội*. Bức chân dung số 1 như sau:

*Trên biển lớn mênh mông sóng nước  
Ngó trông về Xóm mới khuất xa  
Cỏ non nay chắc đã già  
Buồn tênh lại giờ thư nhà ra xem.*

Trong Hồi ký Giải mã Chân dung, Xuân Sách viết: “Tôi viết về Hồ Phương khi ấy mới ngoài tuổi 30, mới đeo quân hàm đại úy, nhưng uy tướng chẳng liên quan gì đến chuyện hay dở của văn chương. Sự thật ai cũng biết cho đến lúc đó những tác phẩm của anh chưa có cái nào vượt được *Thư nhà*, điều đó ai chả buồn nhưng rất nên biết. Thời chống Mỹ, Côn Cỏ là hòn đảo nhỏ giữa biển khơi, là tiền đồn theo dõi máy bay địch của ta, nên Mỹ đánh phá ác liệt. Bộ đội ta ở đấy đương đầu với gian khó, với hiểm nguy từng giờ. Anh Nguyễn Trọng Oánh là phóng viên của tạp chí tự liên hệ với đơn vị để ra Côn Cỏ. Tôi vốn quý anh là con người ít nói nhưng có suy nghĩ sâu sắc, gan dạ và nhất là tính trung thực, đúng chất ông Đồ Nghệ. Khi trở về đất liền, anh viết cho báo bài bút ký dài. Với đường hướng văn nghệ thời đó, bài bút ký của anh không được ủng hộ, vì anh viết thật về người lính, dù rất dũng cảm nhưng không phải là không có tâm trạng gọi là yếu đuối hay tiêu cực. Nhưng yêu cầu của tuyên truyền lúc đó, báo chí hay văn nghệ cũng vậy, chỉ tập trung miêu tả những con người phải có ý chí cao, tư tưởng chỉ hướng tới tiêu diệt quân thù. Sau đó ít lâu, đồng chí Bí thư chi bộ của Đảo vào đất liền để báo cáo thành tích. Nhà văn Hồ Phương vốn là người nhanh nhẹn hoạt bát, anh “bắt” ngay đối tượng của mình để hỏi han ghi chép. Và rất nhanh quyền sách “*Chúng tôi ở Côn Cỏ*” hoàn thành, được NXB Quân đội nhân dân in với số lượng hàng vạn bản. Quyền sách và tác giả trở nên nổi tiếng và được biểu dương khen ngợi. Không ra Côn Cỏ, chỉ nghe lời kể của một bí thư chi bộ mà viết được quyền sách hàng trăm trang phải nhận là anh Hồ Phương có tài. Nhưng với tôi, tôi vẫn thấy tác phẩm ấy không bằng “*Thư nhà*”. Chẳng lẽ thật lòng tôi nghĩ thế và tôi biết người anh lớn càng nghĩ thế, nhưng anh không nói ra - ít nhất là trước mặt tác giả - còn tôi nói ra là thiếu lễ phép. Lại một chuyện nữa, hồi ấy anh Nguyễn Ngọc chưa vào Nam, anh làm thư ký tòa soạn. Anh làm cái mục điểm sách hàng tháng trên tạp chí. Thời đó sách được xuất bản ít quá nên quyền nào ra làng văn đều quan tâm. Anh Hồ Phương cũng có một tập truyện ngắn mỏng. Sau khi điểm một vài tác phẩm khác, mỗi quyền mười dòng. Đến quyền của anh Hồ Phương, nhà phê bình Nguyễn Ngọc chỉ hạ một dòng sừng sốt: “Tôi không có ý kiến gì về quyền sách này vì nó không phải là văn học”.

Người xưa dạy: “Người khen ta đúng là bạn ta. Người chê ta đúng là thầy ta”. “Không biết Hồ Phương có coi Nguyễn Ngọc là thầy? Nhưng tính anh vốn nhẹ, xởi lởi, bên ngoài coi như qua mưa lại nắng. Đó là một nét đặc biệt trong mối quan hệ của đồng nghiệp trong cơ quan mà tôi cho là lành mạnh. Như anh Vũ Cao, thủ trưởng của chúng tôi, nói: “Ồ cái nhà số 4 này thằng nào ra thằng ấy, lãnh đạo một tập thể như vậy khó nhưng rất thú vị”

Nhà văn Hồ Phương vẫn viết đều in đều, có quyền anh viết người thực việc thực như truyện dài về nữ sinh Kan Lịch rồi một pho tiểu thuyết nghìn trang “*Những tâm cao*” viết về Hà Nội thời chống Mỹ chia làm hai tập. Thành phố Hà Nội đặt ra giải thưởng Hồ Gươm năm năm một lần, xét tặng những tác phẩm xuất sắc của anh chị em văn nghệ sĩ thành phố. Anh Hồ Phương gốc Hà Nội tham gia Hội Văn nghệ thành phố và được bầu vào Ban chấp hành. Lần đó anh có chân trong Ban Giám khảo xét thưởng do nhà văn Tô Hoài làm chủ tịch. Đây không phải cuộc thi nên những người trong Ban Giám khảo cũng được nộp tác phẩm để dự xét. Hồ Phương gửi

“ *Những tâm cao* ” . Nhưng có điều trớ trêu : theo quy định chỉ được xét những tác phẩm in ra trong 5 năm đó, tập một *Những tâm cao* không nằm trong thời gian xét nên Hồ Phương gửi tập hai, trúng giải A. Phần thường là một chiếc xe đạp Thống Nhất vừa xuất xưởng. Thời đó chiếc xe này là loại quý hiếm, là ước mơ của những nhà văn đi bộ. Trong buổi lễ phát thưởng có một nhà văn thắc mắc: “ Tôi thấy bất hợp lý , tác phẩm phải xét toàn bộ, sao lại chỉ xét tập hai, nếu tập một có vấn đề thì sao? Làm thế này chẳng khác gì thi hoa hậu chấm từ rốn trở xuống”. Ý kiến ấy cũng chỉ là nói ra tràng cười vui vẻ chứ không làm thay đổi được kết quả cuộc xét tuyển. *Buồn tênh lại giờ thư nhà ra xem vậy...* ” .

\*

Chân dung nhà văn Vùng mở Võ Huy Tâm cũng hình thành như một “Tia chớp”. Hãy nghe lời kể lại sự ra đời bài thơ chân dung Võ Huy Tâm và phản ứng của nhà văn vùng mở bằng lối văn “phong cách Võ Huy Tâm” của Xuân Sách trong Hồi ký Giải mã Chân dung:

“Năm 1998, nhà văn vùng mở Võ Huy Tâm qua đời, nhà thơ Nguyễn Hoàng Sơn có viết bài báo: “ Nhà văn của những người thợ mỏ đã ra đi” đăng trên tờ *Tiền Phong chủ nhật* số 44 ra ngày 3/11/96 trong đó có một đoạn liên quan đến tôi và bài thơ chân dung viết về nhà văn họ Võ. Tôi xin trích:

“ Tôi có một kỷ niệm nho nhỏ với nhà văn Võ Huy Tâm. Năm 1993 nhân ra Bãi Cháy dự Đại hội văn học nghệ thuật Quảng Ninh, tôi đã chứng kiến cuộc hội ngộ lý thú giữa Võ Huy Tâm và Xuân Sách, tác giả tập thơ *Chân dung nhà văn* đầy tai tiếng xuất bản một năm trước đó. Nhưng tôi thấy hai nhà văn chuyện trò với nhau khá vui vẻ, có thể nói là tâm đắc nữa. Võ Huy Tâm là vậy, luôn luôn hồn hậu và độ lượng, khác xa những ai kia được khen cả trăm lần vẫn chưa “đã” mà mới bị chê dù chỉ một lần là lập tức nhảy xéch lên , khiếu kiện đủ cửa” .

Mãi đến năm 1960 tôi về công tác ở Hà Nội mới gặp anh Võ Huy Tâm, tác giả *Vùng mở* nổi tiếng từ lâu. Anh Tâm là một người không ưa la cà nên chúng tôi ít lần gặp nhau, nhưng chúng tôi lại có thể chơi với nhau được. Tôi rất thích cách nói chuyện của anh, ít lời nhưng lại cung cấp cho người nghe nhiều thú vị. Chúng tôi hợp nhau trong cách gây cười và nói thật, không e dè xã giao. Sau khi cuốn *Vùng mở* được in, được giải thưởng, được dư luận khen ngợi, anh được điều về Hà Nội, rồi làm biên tập ở tờ *Văn Nghệ*. Trò chuyện với tôi, anh thường thân mật xưng mày tao, còn tôi gọi anh là đại ca:

-Xem chừng đại ca về đây đeo cái đèn ló trên trán đi vào hầm lò văn chương, hành trình rất vất vả phải không?

-Vất vả lắm nhưng phải cố, cuộc văn còn khó hơn cuộc than. Mà từ cách ăn ở đi lại, giao tiếp tao vẫn chưa quen. Giống như mấy anh ở miền núi về thành phố xem phố xá cũng vui mắt nhưng chóng chán, đi đường nhựa không quen, ăn không quen, nói cũng không quen, ló ngó lắm. Tao cũng học được nhiều điều hay, nhưng khó tiêu hóa nên vẫn viết như cũ thôi.

Sau đó Võ Huy Tâm viết *Những người thợ mỏ*, rồi một số truyện vừa, trong đó có tập *Chiếc cán búa*. Rồi các nhà phê bình chính thống không thích lối viết quá trần trụi của anh, cách biểu hiện suy nghĩ của người thợ mỏ không đi đúng vào quỹ đạo “tuyên truyền”, thật quá, gay gắt quá. Có lần anh nói với tôi, có lẽ tao phải trở về than đá thôi, mày đi với tao ra chợ Đồng Xuân ăn lòng lợn chấm mắm tôm đi. Và quả thật tôi thấy anh có vẻ hoang mang bất định.

Vào một ngày mùa đông, tôi đang đứng ở cổng tòa soạn chợt thấy một người mặc bộ com lê màu gạch non, tay khoác chiếc áo khoác cùng màu. Thời đó ít người ăn mặc như vậy. Ông khách rảo bước vào cổng , tôi nhận ra đó là Võ Huy Tâm. Có việc gì mà ông đến đây với bộ dạng trịnh trọng như vậy? Tôi cầm tay anh kéo vào phòng khách, anh khum tay che miệng ghé

vào tai tôi: “Sách ơi, cho mình đi ỉa nhờ một cái”. Tôi nhận ra tình trạng khẩn cấp của ông anh, liền vội đưa anh ra khu vườn cỏ dại phía sau tòa soạn.

Ngôi nhà số 4 Lý Nam Đế là một trong hai ngôi nhà sang trọng của Hà Nội có kiến trúc Á Đông, mái cong, lợp ngói ống, sàn nhà, cửa bằng gỗ tốt, nhưng quân ta ăn ở thế nào mà qua mấy năm hệ thống ống nước hỏng hết, toilet không đi được. Chúng tôi cải tiến thành phòng văn mini. Mùa hè đánh trần trên nền nhà gạch non mát lạnh. Phía sau là khu đất trống, trước đây quân đội Pháp xây dựng một số phòng giam nhỏ để nhốt binh lính bị kỷ luật. Chúng tôi cải tạo những phòng giam ấy thành nhà xí, đặt một tấm bê tông có lỗ tròn, bên dưới đặt thùng “ đặc dụng” bằng sắt tây quét hắc ín, do một công ty vệ sinh thành phố quản lý, gọi nó là hố xí thùng, tiền thân của hố xí hai ngăn. Cứ khoảng 4giờ sáng chị nhân viên vệ sinh đi ủng cao su, quần áo bảo hộ màu xanh đậm, một tay xách chiếc thùng rỗng, một tay cầm đèn bão đến đập vào cánh cổng rầm rầm rồi gọi to: “Số 4 , thùng”. Đó là cách rút gọn một câu văn dài: “Nhà số 4 mở cửa để đổ thùng”

Nhà văn Võ Huy Tâm đã trở ra, mặt mày phờn phơ, cười hơ hơ:

-Sách ơi, các cụ tổng kết con người có “tứ khoái” cấm sai. Cám ơn, mình đi!  
Tôi nhìn theo ông “Tây gỗ” bước thẳng đơ trên đường phố, vừa buồn cười vừa thương cảm.  
Tôi lên phòng, viết ngay bài thơ về ông:

*Đem than từ vùng mỏ  
Về bán tại thủ đô  
Bị đập chiếc cán búa  
Hóa ra thành ngấn ngơ!*

Tôi cười một mình nghĩ sẽ tới gặp Võ Huy Tâm đọc cho anh nghe và bổ sung vào bộ tứ khoái thêm cái nữa là ngũ khoái, tức là viết được cái gì vừa ý cũng là cái khoái đáng kể của giống người.

Hôm sau, anh bạn thơ trẻ Định Nguyễn đến: - Anh ơi, có bài nào mới cho em xin. Tôi đưa bài vừa viết. Định Nguyễn đọc hai ba lần rồi cười phá lên bình : - Hay, đúng là thơ ông Võ, cái chữ “thăng” rất ngon, đích thị ngôn ngữ thợ mỏ. Ngày mai chủ nhật em lại được một châu bia hơi-bánh tôm ở Hồ Tây rồi. Chủ nhật trước có mấy ông cỡ bự bên Viện Sử, Viện Triết cũng tới nghe em đọc, hay ngày mai anh đi cùng em xem sao?

-Tuyệt đối không được, có mặt mình ở đó trở nên vô duyên. Không có mình cậu mới nghe được những lời bình phẩm thật, nghe các bố ấy bình tán rồi về kể lại cho mình nghe mới có lợi!  
-Ai ngại quá, em chỉ mang cái mồm đi hưởng nhuận khẩu, còn anh nát óc ra mà chẳng được gì, có khi lại bị tai họa.  
-Sao lại không được gì? Hãy đợi đấy!

Trở lại sự việc trong bài báo của anh Nguyễn Hoàng Sơn. Năm 1993 tôi là đại biểu duy nhất phía Nam, kể từ Huế trở vào được mời đi dự Đại hội Văn học nghệ thuật tỉnh Quảng Ninh. Khi tôi đi chuyển xe ôm từ Hòn Gai sang Bãi Cháy dừng trước cửa khách sạn Anh Đào, nơi diễn ra Đại hội, người đầu tiên chạy ra đón tôi là nhà văn lão thành Võ Huy Tâm. Ông ôm chầm lấy tôi, cười nói oang oang trước đông đảo quan khách văn nhân:  
“ Hoan hô mày, mày chửi tao làm tao nổi tiếng. Tao sướng! Rồi ông hạ giọng: Mà từ ngày tao trở về vùng mỏ thì hết ngấn ngơ”.

\*

Đoạn nói về viết chân dung nhà thơ Chính Hữu thật sâu sắc và cảm động. Tuy là viết về Chính Hữu nhưng ta thấy được cả một thế hệ những nhà thơ, nhà văn mặc áo lính như Thanh Tịnh, Nhị Ca, Nguyễn Minh Châu... đã phải “lao tâm khổ tứ” như thế nào để cho ra đời những câu thơ “gan ruột” của mình:

... “Cho nên thời kỳ ấy, năm 1951 ấy tôi rất khâm phục Chính Hữu khi đọc hai bài thơ của anh “*Hà Nội đêm 51*” và “*Đồng chí*”. Hai bài thơ hay, hai câu tuyệt tác “*Mái buồn nghe sáu rưng*” và “*Đầu súng trăng treo*”.

Nhưng rồi Chính Hữu cũng không vượt qua được bế tắc, không thấy anh công bố bài thơ nào nữa. Sau hàng chục năm, sau năm 54 anh về làm biên tập cho Nhà xuất bản Quân đội và anh cho in quyển tiểu thuyết “Tấc đất” dịch của Liên Xô. Chính Hữu cũng không tránh khỏi hệ lụy nhưng anh vốn là người chững chạc, mẫn cán, anh chuyển về làm cán bộ phòng văn nghệ trong đó có bọn chúng tôi. Trong chống Mỹ anh bắt đầu sáng tác trở lại. Thơ anh vẫn thế, ngắn, súc tích nhưng thiếu cái bay bổng của thời trước. Anh được đề bạt làm cục phó Cục Tuyên huấn quân đội đặc trách giới văn nghệ mặc áo lính về văn học, âm nhạc, hội họa, các đoàn văn công quân đội. Lũ chúng tôi rất vui, thời buổi đó có được vị thủ trưởng như Chính Hữu thì còn mong gì nữa. Một người có bản lĩnh, trình độ vừa nguyên tắc tỉ mỉ nhưng cũng rất tế nhị, chỉ trộm lo cái con người “vào trong phong nhã ra ngoài hào hoa” kia lại chưa có vợ. Liệu có thoát khỏi cái vòng vây của hàng trăm chị em văn công dưới trướng. Anh Nhị Ca là nhà phê bình của tạp chí chúng tôi, người bạn của Chính Hữu từ thời trên chiến khu nói :

Ông này ngoài thì tươi nhưng trong lại khô, mình đang mong có em nào vật ngã được gã quân tử lạc thời này mới khoái.

Nhị Ca nói đúng. Chính Hữu không làm việc tại công đường trong thành mà chuyển ra ở cùng chúng tôi. Ông ở một căn phòng trong dãy nhà cấp 4 phía sau tạp chí, như một nhân viên cấp thấp vậy, mà tự nhiên thoải mái.

Nhưng rồi một sự kiện xảy ra với ông , có nhiều người cho là nhỏ nhưng với tôi lại là lớn: Chính Hữu cho in một tập thơ của mình. Ông viết ít và thơ thường ngắn. Một tập thơ mỏng, in bình thường. Ông tặng tôi một quyển. Tôi vốn thích thơ ông nên đọc kỹ. Cả tập thơ chỉ có một chỗ sửa chữa câu : “mái buồn nghe sáu rưng” thành “phố dài nghe sáu rưng”. Hai chữ phố dài làm hỏng câu thơ, tôi đinh ninh rằng Chính Hữu phải biết điều đó hơn tôi. Vậy tại sao ông lại chữa? Tại sao vậy? Tôi muốn hỏi ông nhưng ngại. Buổi tối nhà số 4 thường vắng , phần đông anh em đều có gia đình ở Hà Nội, tối về nhà , còn lại một bác quản gia vợ con vẫn ở Nghệ An, một cậu thường trực , còn cả tầng gác mênh mông chỉ có tôi và nhà thơ Thanh Tịnh, người ăn cơm tập thể nằm giường cá nhân. Tôi nằm trong phòng đọc sách nghe tiếng chân đi ngoài hành lang, hé cửa nhìn ra thấy hai người, Nhị Ca đang đưa Chính Hữu về phòng mình. lát sau tôi nhẹ nhàng đi tới, nếu hai người chỉ tán chuyện thì ghé vào, tôi rất thích hóng chuyện các bậc đàn anh, học được rất nhiều điều. Đến cửa tôi dừng lại vì nghe Nhị Ca hơi to tiếng: - Tại sao ông phải chữa câu thơ ấy? Húy kị thì không , đầu đề ông đã ghi rõ *Đêm Hà Nội năm 1951* tức là khi thủ đô Hà Nội còn bị tạm chiếm chứ có phải hôm nay đâu ! Và kể cả ngay hôm nay ông cứ hơn hớn suốt ngày đêm không bao giờ buồn chứ? Mà *mái buồn* thành *phố dài* thì hỏng mẹ nó câu thơ rồi, điều đó ông biết rõ hơn tôi. Vậy vì cái gì? Tôi hiểu rồi, vì cái chức vụ mới của ông, cái chức cục là cái...gì, ông là nhà thơ kia mà. Tôi biết có người còn tự tuyên bố, còn viết ra giấy từ bỏ những tác phẩm nổi tiếng của mình thì bỏ 2 chữ của ông chẳng là gì, nhưng vì tôi là bạn của ông, tôi quý ông, quý thơ ông, làm thế tôi không chịu nổi...

Nhị Ca nổi tràng ho, anh vốn bị lao phổi đã phải sang Trung Quốc chữa cắt đi một lá rồi. Chính Hữu nói gì đó tôi nghe không rõ.

Tôi trở về phòng buồn thối. Một lần Nguyễn Minh Châu đã nói : “Minh buồn thật, mà cũng không được viết, được nói ra cái buồn ấy, quý quá thật”. Có niềm an ủi là Nhị Ca đã nói ra điều đó, lại là nói với người đang lãnh đạo trực tiếp, lại nói tới vấn đề lớn là mối quan hệ giữa chính trị và văn nghệ, giữa bản lĩnh người viết và nỗi sợ hãi đón hèn...

Lúc sau 2 người ra về, trả lại sự vắng lặng. Có tiếng gõ cửa, anh Thanh Tịnh ở cạnh phòng tôi, anh nói nhỏ: - Sách có diêm cho mình xin một que, một que thôi!

Không phải anh muốn xin que diêm mà muốn được nghe tiếng người. Anh Thanh Tịnh trở về phòng mình. Tôi chợt nhận ra tôi đang có một khoảnh khắc tự do sáng tạo một mình, không có gì ràng buộc. Tôi viết bài thơ chân dung Chính Hữu.

Cơ quan chúng tôi có tục lệ sau các cuộc họp sơ kết tổng kết thường có mục vui cười. Lần này cũng vậy, Nguyễn Khải khởi xướng: Tôi đề nghị anh Sách đọc những bài thơ chân dung mới ra lò. Thời phong kiến vua uy quyền đến thế mà vẫn để một khe hở, tha chết cho quan ngự sử khi có lời trái ý hoàng thượng, anh Sách cũng được hưởng cái quyền miễn trách ấy nên cứ đọc thoải mái. Xin đọc về tôi trước. Thực ra lúc đó tôi chưa chính thức viết chân dung Nguyễn Khải, chỉ có mấy câu đùa tếu, Nguyễn Khải vẫn cứ đọc làm mãi. Rằng trước khi tôi đi ra đảo Cồn Cỏ, vợ tôi lo lắng, tôi có an ủi: “*Em đừng tính quẩn lo quanh, họ chiến đấu chứ có phải anh đâu*”, rồi khi tôi gặp đồng chí bí thư huyện ủy Hòa Vang được triệu tập ra Bắc để báo cáo thành tích chiến đấu, vợ tôi lại tưởng tôi đi B nên tôi phải nói: “*Anh đi một lát về ngay. Hòa Vang chính ở ngoài này đó em*”. Chờ mọi người cười xong, Nguyễn Khải tiếp : “Tôi chỉ nhớ có vậy, và lại tôi vốn nhạt nên ông Sách khó viết hay, bây giờ đề nghị anh đọc bài mới, những bài về anh em ngồi đây càng tốt.

Và tôi đọc bài về Chính Hữu:

*Tấm áo hào hoa bạc gió mưa  
Anh thành đồng chí tự bao giờ  
Trăng còn một mảnh treo đầu súng  
Cái ghé quan trường giết chết thơ.*

Mọi người đỏ dòn mắt nhìn thủ trưởng. Tôi cũng nhìn và thấy anh hơi nhếch mép, mắt nháy nhanh sau cặp kính cận như thường thấy ở anh. Không khí chùng xuống một lát. Nguyễn Ngọc bảo tôi đọc lại rồi anh vỗ bàn khen hay.

Tôi biết mình đã chọc vào nỗi đau của Chính Hữu, nhưng tôi biết anh đã chấp nhận. Tôi chắc rằng anh đã hối hận kể từ bữa gặp Nhị Ca.

Sau buổi đó, anh Nhị Ca gặp riêng tôi: - Cậu chọc đúng vào vết thương của Chính Hữu. Đau lắm, nhưng không sao. Cậu đừng lo, ông ấy là bậc quân tử. Nhưng thánh còn sai, tôi cũng khen cậu bạo miệng đấy, coi chừng *sinh ư nghệ tử ư nghệ*. Đây còn bài nào đọc hơn, đọc mình nghe!

\*

Chân dung Tố Hữu là một trong những “độc chiêu” của Xuân Sách. Được viết từ năm 1973 khi Tố Hữu có bài thơ “Máu và Hoa” nhưng không được “phát hành miệng” như những chân dung khác mà phải nằm đợi 19 năm sau, tức năm 1992 khi sách thơ *Chân dung Nhà văn* được in ra mới được mọi người biết đến. Đó cũng là một “Kỷ lục”. Trong câu chuyện về bức chân dung đặc biệt này, có nhiều chi tiết thú vị:

“Ông Tố Hữu là người ngồi ở ngôi cao trong hàng ngũ lãnh đạo của Đảng và Nhà nước, với văn nghệ ông là đại thủ lĩnh, không có gì phải bàn cãi. Về thơ, ông là ngọn cờ đầu của thơ ca cách mạng, của hiện thực xã hội chủ nghĩa như những nhà phê bình có tên tuổi xưng tụng. Về nghệ thuật thơ cũng vậy: “thì treo giải nhất chịu nhường cho ai” như một nhà thơ lão làng đã viết. Hai câu thơ trong bài Điện Biên của Tố Hữu đã viết “ *Mường Thanh Hồng Cúm Him Lam/Hoa mơ lại trắng vườn cam lại vàng*”, theo phân tích của nhà thơ nọ là hai câu thơ mẫu mực vừa kinh điển vừa hiện đại. Ai dám cãi hoa mơ không trắng, cam không vàng. Các cán bộ đi thuyết giảng ai cũng có thuộc và trích dẫn vài câu thơ của Tố Hữu, để thêm phần hấp dẫn cho bài nói. Tôi đã một lần bị một đồng chí chính trị viên đơn vị mời tôi về nói chuyện thơ với bộ đội, gửi thư lên Tổng cục Chính trị phê phán tôi là nói thơ mà chỉ trích thơ Chế Lan Viên mà không trích thơ Tố Hữu. Hú vía! Bài thơ văn trung học đại học năm nào mà chẳng có đề về thơ Tố Hữu, nó đã trở thành sớ gạo của từng nhà. Tôi cũng được biết, vào những năm “Nhân văn giai phẩm”, có một nhà thơ bộ đội viết bài phê bình thơ Tố Hữu có câu: “Thơ Tố Hữu như cốc xi rô pha loãng”. Như thế thì nhiều phen “lên bờ xuống ruộng”, thân bại danh liệt một đời là phải. Cũng chẳng biết kêu ai, cũng chẳng ai nói cho biết vì tội gì. Anh có viết một vở kịch có tên là “Mưa bóng mây”. Tôi đùa, ông nên coi tai nạn như là mưa bóng mây dù đó là mưa đá. Tôi cũng được nghe kể lại hồi còn ở trên chiến khu Việt Bắc, một lần Tố Hữu định đọc thơ cho nhạc sĩ Văn Cao nghe, nhưng ông nhạc sĩ vội gạt đi: “Thơ cậu như ca dao, hò vè có gì mà đọc!”. Chết là phải, tôi lập lại câu nói của ông bác tôi mắng bọn con cháu mỗi khi lười biếng hoặc mắc lỗi. Vì thế khi làm thơ chân dung về các nhà văn tôi phải nghĩ tới ông, làm thế nào để bài thơ xứng tầm với ông. Có thể nói, đó là bài tôi viết đi viết lại hoài mà vẫn chưa ưng ý. Hơn nữa, viết về ai ngoài đọc tác phẩm của họ ra tôi cũng tìm cách tiếp xúc với họ để biết ý kỹ hơn về tính cách con người họ. Tôi đã từng được hầu chuyện các bậc đàn anh, bằng cách này hay cách khác, và học hỏi được nhiều điều. Nhưng với Tố Hữu thì không.

Tôi biết ông, thấy ông thì nhiều lần đều là trong những buổi họp hành về văn nghệ, tôi còn nhớ một lần ông đến cơ quan tôi nhân tập thơ “Cửa mờ” của Việt Phương mới ra đời. Khi nói đến tập thơ, đôi mắt ông lim dim nhìn xuống chúng tôi, giọng cao lên một chút: “Đó là tập thơ ba lẳng nhặng, tư tưởng ba lẳng nhặng”. Tôi không thể bắt chước nhà văn nọ, có tiếng là “đăng trí”, quên nhiều chuyện nhưng ông lại nhớ kỹ ngày sinh của Tố Hữu. Hàng năm tới ngày đó ông lại tới nhà tặng nhà thơ lớn một bông hoa hồng. Tôi cũng không thể lấy cớ có tác phẩm mới in đem tới tặng Đại thủ lĩnh của mình. Tôi nhớ đời một chuyện. Một hôm tôi cùng một ông bạn vàng cùng cơ quan đạp xe đi dạo ở đường Phan Đình Phùng. Con đường có ngôi biệt thự có “cành táo đầu hè rung rinh quả ngọt”, có truyện ngắn cây táo ông Lành” của anh thương binh viết và cái truyện đó đã khiến anh bị “trúng thương” nặng hơn nhiều vết thương anh mang trong chiến tranh.

Khi đi qua đó, anh bạn nói với tôi:- Này, cậu có nghĩ đến là bao giờ cậu được ở trong một biệt thự như thế này không?

Tôi trả lời:- Cậu tưởng mình nằm mơ chắc? Ba mươi tuổi rồi mới là thằng trung úy quèn, sao lại nghĩ được ở ngôi nhà như thế này, có họa là làm đảo chính!

Không ngờ trong một buổi họp chi bộ sau đó ông bạn vàng của tôi đem câu chuyện đó ra trình làng:

- Tôi cũng biết đồng chí Sách nói đùa, nhưng đùa như thế là xuất phát từ tư tưởng không lành mạnh!

Cũng còn may, tôi chưa bị ghép tội có tư tưởng phản động.

Vậy thì làm sao tôi còn dám vào ngôi nhà đó. Nhưng rồi tôi cũng hoàn thành bài thơ về ông vào năm 1973 sau khi có Hiệp định Paris về Việt Nam, nói đúng hơn là sau khi nhà thơ Tố Hữu viết



bài “ Máu và hoa”, do cảm xúc của sự kiện đó. Tôi còn nhớ sau khi đọc bài thơ đó tôi cứ lẩm bẩm máu và hoa...máu và hoa, rồi bật ra cảm hứng viết: “*Máu ở chiến trường hoa ở đây*”.

Hàng năm rồi mỗi khi Tết đến hầu như tất cả các tờ báo đều đăng thơ Tết của Bác Hồ và đăng thơ Tố Hữu, và các báo đều đăng một bài thơ ấy, mà nếu theo quy ước thì các tác giả không được gửi đăng một bài trên nhiều tờ báo cùng một thời điểm. Ai làm thế sẽ bị cắt nhuận bút và bị nhắc nhở phê bình. Nhưng thơ Tố Hữu là ngoại lệ: ai cũng thấy thế là phải, thơ hay càng đăng nhiều càng tốt! Thơ hay trả nhuận bút cao bao nhiêu cũng chưa xứng! Một bài thơ bình thường lúc đó được trả từ tám đến mười đồng ở báo Trung ương. Cỡ như Huy Cận, Xuân Diệu, Chế Lan Viên... có thể được trả từ mười hai đến mười lăm đồng. Như thế cũng là tươm, vì theo Nguyễn Tuân lấy giá bát phở chín làm bản vị ba hào một bát thì một bài thơ cũng được vài ba chục bát, đủ ấm bụng hàng tháng trời ăn điểm tâm buổi sáng. Còn nhuận bút báo Tết của thủ lĩnh thì sao? Tôi được biết một tờ báo nọ phải đưa ra ban biên tập bàn bạc, đi đến thống nhất là: tiền năm trăm đồng cộng với một cành đào, một cặp gà trống thiến. Riêng tiền, nếu tính bằng phở là một nghìn bát. Câu này thì tôi được nghe nói lại không biết có đúng không. Khi nhà thơ nhận nhuận bút như vậy có nói : “ Nhuận bút trả như ri các nhà thơ của ta sống khỏe hi!”

Trở lại với bài thơ tôi viết về Tố Hữu. Chín mươi chín bài thơ tôi viết xong đều được anh em đem truyền khẩu (hoặc tôi đọc trước những người tôi viết, trừ bài thơ về Tố Hữu).

Viết xong bài thơ tôi hiểu ngay rằng không thể nào truyền bá ra được, cũng phải viết trời viết đất chứ làm sao bây giờ. Tôi biết có một nhà văn gửi một bản tường trình lên thủ lĩnh tố cáo tôi đã làm thơ bôi xấu các nhà văn, rồi trích ra một số bài, nhưng ông ấy nếu không có bài thơ về Tố Hữu thì chưa đủ sức *nặng*. Ông liền ghi mấy câu ở vĩa hè nhại bài thơ *Bầm ơi* của Tố Hữu: “*Bầm ơi có biết không bầm. Vôn ga con cười, gà hằm con xơi. Con nay đã khác xưa rồi (...)* *Bầm ra ruộng cấy bầm run/ Con ngồi sưỡi ấm mà thương lại bầm ...* Làm thế nhà văn nọ vô tình đã phạm thượng. Xuân Sách đã viết về những nhà văn như thế không thể viết về tôi như vậy, tôi chờ.

Và tôi cũng phải chờ. Một lần nhà văn Đặng Thai Mai gọi tôi đến nhà. Cụ bảo tôi đọc bài thơ tôi viết về Tố Hữu cho cụ nghe. Thấy tôi chần chừ, cụ nói: “Cậu sợ tôi phản cậu hay sao?”

- Thừa bác, cháu đâu dám nghĩ về bác như thế, có điều cháu nghe lời ông Hàn Phi rằng vua là con rồng nhưng có thể gần được thậm chí có thể cưỡi lên mình nhưng tuyệt đối không được sờ vào cái vuốt dưới hàm. Cháu muốn giữ được cái đầu để hoàn thành tập thơ.
- Thế là phải, nhưng cậu đọc riêng cho tôi nghe cơ mà!
- Thừa bác- tôi lại múa mép- Cái đạo của những trí giả như bác có cái hay trong bụng không thể truyền cho người khác .Cho phép cháu khoe một chút, bài này là bài hay.

Chúng tôi ngồi trên sàn nhà bằng gỗ, cụ gác cằm lên đầu gối cười khục khục rồi mắng yêu tôi: - Thăng tiểu quý!

Mùa hè năm 1982, tôi lên Tam Đảo nghỉ mát vài hôm. Hồi đó khách còn vắng. Một buổi chiều tôi một mình đi dạo trên con đường dưới bóng thông, tôi nhìn thấy nhà thơ Tố Hữu đang đi về phía tôi. Tôi nghĩ ông không biết tôi nên cứ lảng lạng đi qua ông. Không ngờ ông gọi :

- Xuân Sách đó à?
- Thừa vâng, chào anh.
- Sách lên đây để viết hay sao?
- Dạ không. Tôi được cơ quan cho đi nghỉ mát ít hôm.
- Ra rứa! Còn mình thì lên đây có việc.

Tất nhiên là tôi không hỏi ông việc gì. Ông đặt nhẹ tay lên vai tôi, nói nhẹ nhàng.

- Bên công an họ thu thập được những bài ca dao đồng dao, và những truyện tiểu lâm thời bây giờ, có đến gần hai trăm trang đánh máy. Mình lên đây để đọc cho yên tĩnh.
- Thưa anh, anh thấy thế nào? Tôi mạnh dạn hỏi.

Và tôi nhận được câu trả lời ngắn khá bất ngờ: “ *Cực kỳ phản động, cực kỳ hay.*”

Có hai ông Tố Hữu trong câu nói này. Tôi nghĩ vậy và chợt nghĩ giá như lúc này tôi đọc bài thơ viết về ông mà ông cũng phán một câu như vậy thì tôi yên lòng. Xưa nay đã từng có những nhà thơ sĩ nhờ có câu thơ hay, về đối hay mà thoát chết đó sao. Nhưng rồi tôi không đọc, và đến năm 1992 khi tập thơ được Nhà xuất bản Văn Học ấn hành mọi người mới biết”.

Bài thơ chân dung Tố Hữu “nằm chờ” suốt 19 năm đó như sau:

*Ta đi tới đỉnh cao muôn trượng  
Mắt trông về tám hướng phía trời xa  
Chân dếp lóp bay vào vũ trụ  
Khi trở về ta lại là ta  
Từ ấy tim tôi ngừng tiếng hát  
Trông về Việt Bắc tím mù mây  
Nhà càng lộng gió thơ càng nhạt  
Máu ở chiến trường, hoa ở đây.*

\*

Trở lại việc in ấn tập *Chân dung Nhà văn* năm 1992. Hãy nghe Xuân Sách kể lại trong Hồi ký *Giải mã Chân dung*:

Một ngày tháng tư-1992. Tôi nhận điện từ chi nhánh NXB Văn Học ở Sài Gòn: Sách đã ra lò. Lên ngay!

Từ khi cầm bút, tác phẩm ra lò của tôi chưa đến nỗi nhiều nhưng cũng đủ làm nguội cái cảm giác hồi hộp sung sướng của thuở ban đầu. Lần này thì khác, đứa con tinh thần của tôi ra đời là tập thơ *Chân dung nhà văn*. Hành trình của nó đã đi qua một chặng đường dài đến ba mươi năm. Ba mươi năm ấy biết bao nhiêu chuyện.

...

Nhưng như cái nghiệp đã vận vào thân, không đùa thì còn biết làm gì! Các chân dung lần lượt xuống chiếu với nhiều cung bậc khác nhau. Có bài đùa một tí, có bài đùa dai, có bài xót xa đồng cảm, có bài ghen ngào uất ức, có bài “*mỗi lời là một vận vào khó nghe*”. Ra bài nào truyền tay bài đấy, truyền khẩu ở mọi nơi mọi lúc, ở giờ nghỉ các cuộc họp, ở quán nước vỉa hè, ở cửa hàng bia hơi bánh tôm Hồ Tây, ở quán thịt chó Hàng Lược... Và tất nhiên cũng được đặt lên bàn các cuộc họp của Ban Thường vụ Hội Nhà văn, cuộc họp Ban Tuyên huấn Trung ương và các cơ quan chức năng về văn hóa, văn nghệ, cơ quan bảo vệ văn hóa văn nghệ. Tôi cứ ngu ngơ như kẻ điếc không sợ súng, hay nói như nhà phê bình VTN, “ông Sách bị quỷ ám”. Cũng có lúc bị bầm dập tôi thấy cô đơn trợ trợ, cũng có lúc ngộ ra cái khoái cảm tuyệt vời trong sự sáng tạo văn chương, tôi lặng lẽ đi tới. Biết đâu, “*Dại chón văn chương ấy dại khôn!*”

Ba mươi năm sàng lọc được trăm bài, chín mươi chín bài xưng tụng các anh các chị đồng nghiệp, bài thứ một trăm tự vẽ mặt mình!

Nhưng làm thế nào để in ra thành sách? Nhiều người góp ý cho tôi. Anh Phùng Quán nói: Thơ ông tuy truyền miệng truyền tay cũng coi như “một sàng trong xó bếp”, in ra mới được coi là “một miếng giữa làng”! Có người khuyên không nên in ra mà để lưu truyền như một thứ văn học

dân gian, có khi tạo nên một dòng thơ Chân dung như dòng thơ Bút Tre vậy, tạo việc làm cho các nhà sưu tầm khảo cứu hậu thế.

Có người cảnh báo , từ truyền khẩu mà in ra giấy trắng mực đen của loại thơ độc hại này là một khoảng cách “*chết người*”. Trăm năm bia đá, nghìn năm bia miệng, đâu phải chuyện chơi!

Tôi ghi nhận những lời khuyên ấy. Tôi nhớ lại một chuyện: Năm 1978 , tôi đi học ở Học viện Chính trị quân đội. Trước ngày khai giảng, các học viên nêu những thắc mắc chính của mình. Phần lớn ý kiến là chưa hiểu quan điểm “làm chủ tập thể”. Tôi chú ý đến một học viên là Chính ủy một sư đoàn nổi tiếng về chiến tích và vị Chính ủy là một cán bộ tiêu biểu. Anh nhận thức cuộc đời là bể khổ, khi hết khóa học anh nói: - Tôi cảm ơn các đồng chí trong khóa học này đã góp ý về nhận thức của tôi. Có đồng chí nói đây là một nhân sinh quan yếm thế, không phù hợp với tư tưởng cách mạng. Đó là một tư tưởng hơi kỳ quặc của một Chính ủy, là phần tiêu cực trong giáo lý đạo Phật...Tôi thành khẩn tiếp thu, có thể các đồng chí đúng nhưng với riêng tôi cho đến lúc này tôi vẫn đinh ninh cuộc đời là bể khổ.

Còn tôi cũng đinh ninh rằng phải in được tập thơ *Chân dung*. Một việc cực khó. Phải thông qua một nhà xuất bản và Tổng biên tập các báo đã có nhiều bài học chua cay trong việc này. In một cuốn sách, đăng một bài báo có “vấn đề” mà cơ cực ở chỗ những vấn đề ấy có khi chỉ là ý kiến một số người, không được tổ chức công khai bàn luận rộng rãi. Lỗi nhẹ thì kiểm điểm nghiêm khắc, lỗi nặng thì các vị Giám và Tổng lạng lẽ cấp cạy đi chơi chỗ khác. Một lần tôi được tới nhà hát dự buổi tổng duyệt một vở kịch, khán giả là một số bạn bè do tác giả mời, một số phóng viên văn hóa văn nghệ của các báo, và các vị có chức trách phê duyệt. Và quan trọng hơn cả là một vị lãnh đạo ở bậc cao. Hôm đó vị lãnh đạo cao cấp không phải là người phụ trách về văn nghệ mà là người phụ trách lĩnh vực mà nội dung vở kịch đề cập tới. Vị này là người vốn xuề xòa không quan cách. Tác giả vở kịch rất mừng khi ông này tới dự. Một việc bất ngờ xảy ra: lúc vở kịch đã diễn được một nửa thì vị lãnh đạo lạng lẽ cùng người bảo vệ ra về. Từ đầu tác giả đã để ý tới nhân vật quan trọng ấy, lúc này hết hồn. Thế là hết, chỉ vài hôm nữa, là báo chí sẽ lên tiếng “thăm hỏi sức khỏe” vở kịch và tác giả. Cũng may tác giả là người đã có tên tuổi, đã được vua biết mặt, chúa biết tên. Ngay sáng hôm sau, ông đến nhà riêng vị lãnh đạo để thỉnh thị. Cấp trên cười hồn nhiên:

- Làm gì có chuyện mình bỏ về vì vở kịch có vấn đề! Mình chưa xem hết nên chưa có ý kiến tổng kết được. Những gì mình đã xem cũng thấy được, cái cô gì đóng vai cô nông dân diễn vui ra phết. Ông về họp anh em lại lấy ý kiến anh em rồi nâng tầm tác phẩm lên là được. Xin lỗi nhé, mình phải về vì cái bệnh của mình trở chứng không chịu được. Yên tâm đi, nhà văn trước hết phải chịu trách nhiệm về tác phẩm của mình, cốt nhất là không sai lạc về chính trị là được. Thế nhé!

Vậy thì tác phẩm, hay dở chưa biết nhưng chắc chắn là có “vấn đề”. Làm sao mà tìm được một ông giám đốc xuất bản dám chịu trách nhiệm với mình. Có một nhà văn làm giám đốc một nhà xuất bản ở địa phương đã đến tuổi hưu, ông đang làm thủ tục. Có người bạn quen đem tác phẩm đến , ông giám đốc biết là tác phẩm hay nhưng cũng có vấn đề nên còn e ngại. Ông bạn xúi ông làm sao sách in xong đúng vào lúc ông xách gói về vườn là yên chuyện. Giám đốc xuôi lòng, tác giả vui mừng về nhà chờ đợi rồi một bức thư gửi tới: “ Ông, sách của ông tôi đã làm xong thủ tục chỉ còn đem xuống nhà in thì anh em trong cơ quan họp lại nói với tôi, thủ trưởng sắp về hưu còn niêu com để lại cho anh em chẳng lẽ lại bị đập vỡ. Ông thông cảm nhé, là người nhà cả mà. Tôi vẫn giữ bản thảo, nếu ông cần tôi sẽ gửi trả”.

Mấy anh em văn nghệ ở Vũng Tàu thường hỏi tôi : “ - Anh vẫn định in tập *Chân Dung* chứ? Liệu bao giờ thì in được?” Một lần tôi buột miệng: “Năm 92 in được. Tôi nói vậy bởi thường nhằm tính, năm 30 tuổi bắt đầu viết, năm 60 tuổi in ra, vừa lúc về hưu là đẹp. Vậy mà sau này

khi sách in ra có nhà văn lên án tôi là “cố ý in sách đúng vào năm kỷ niệm Hội Nhà văn 35 tuổi, là có dụng ý xấu”. Thật oan uổng, tôi hơi đầu mà để ý đến tuổi tác của Hội. Nói đặng, nếu sau này tập thơ của tôi lại được khen chẳng hạn, chắc người ấy lại nói, “Xuân Sách rất có ý thức khi in sách của mình đúng dịp Hội ta 35 xuân”.

Cuối năm 1991, anh Hoàng Lại Giang, nhà văn, trưởng chi nhánh Nhà xuất bản Văn Học ở Sài Gòn xuống Vũng Tàu:

- Tôi xuống là để bàn với ông về việc in thơ *Chân dung*, ông đồng ý không?

Ông Hoàng vừa nói vừa cười.

- Đừng đùa làm tôi tổn thọ!

- Không chỉ ý riêng tôi mà đã được Giám đốc tôi đồng tình. Chuyện không dễ nhưng ông thử tính xem, bây giờ là thời điểm sau đổi mới, Văn nghệ được “cởi trói”, tôi biết ông “máu” in, chúng tôi cũng liều... Thân với ông không chớp lấy thời cơ này thì hỏng!

Tôi vỗ mạnh vào bàn tay Hoàng Lại Giang: - Tiên sư “Tào Tháo”. Chúng ta làm!

Việc đầu tiên là tôi nộp bản thảo để gửi ra Hà Nội duyệt. Chợt lóe lên một ý nghĩ, tôi nói: - Gửi ra Hà Nội, dù ông giám đốc Lữ Huy Nguyên ngồi trong phòng riêng đóng kín cửa mà đọc cũng không ổn, ông ấy sẽ cảm thấy những ánh mắt xuyên tường nhìn vào khiếp lắm. Hay là chúng ta mời ông ấy vào trong này coi như một chuyến đi nghỉ mát Vũng Tàu, rồi chúng ta làm việc. Ông ấy gật đầu là xong!

Hoàng Lại Giang đồng ý tức thì: - Ông nói có lý, tôi sẽ về Sài Gòn thực hiện ngay!

Hôm sau, Giang gọi điện thoại với giọng hồ hởi: Lữ Huy Nguyên đồng ý và sẽ thu xếp vào sớm.

Những năm ở Hà Nội, tôi có quen biết anh Lữ Huy Nguyên. Anh tính lành, làm việc cẩn trọng và chu đáo. NXB Văn học do anh làm giám đốc có uy tín lớn. Ra được nhiều sách không chỉ đúng mà hay, có nhiều phát hiện đổi mới. Nhà văn cỡ tầm tầm như tôi mà có sách được in ở Văn Học là hãnh diện lắm. Trong những lần gặp anh Nguyên chuyện trò, chưa bao giờ tôi đã động đến *Chân dung*. Nhưng tôi biết anh không thờ ơ với những bài “tai tiếng” ấy và anh lại càng biết nếu in nó ra thì sẽ thế nào. Tôi còn biết cấp trên rất chú ý đến tài đức của anh và việc cất nhắc anh lên bậc cao hơn là chuyện có thực và rất gần.

Khoảng một tuần sau, anh Nguyên và anh Giang có mặt ở nhà tôi. Sau một buổi chiều cùng nhau đi dạo loanh quanh thành phố, buổi tối chúng tôi làm việc. Tôi mời Lữ Huy Nguyên ra bãi biển. Ngồi trên chiếc ghế đá, dưới ngọn đèn sáng, chúng tôi thông qua từng bài thơ một và trao đổi một số ý kiến ban đầu. Trong khung cảnh trời cao biển rộng chúng tôi chẳng ngại điều gì, bộc lộ hết ý nghĩ, thỉnh thoảng còn xen vào những chuyện đời, chuyện người, và không thiếu những tràng cười thú vị. Đến khuya chúng tôi mới quay về.

Sáng hôm sau, thêm anh Hoàng Lại Giang bàn bạc, có thể tóm tắt như sau. Anh Nguyên đề nghị bỏ hai bài, không, gọi là để lại, một bài viết về nhà thơ Sóng Hồng. Lý lẽ của anh Nguyên là bài ấy chưa đến tâm của tác giả, chưa đến tâm của đối tượng. Bài thứ hai viết về một nhà lý luận phê bình. Bài này hay - lời anh Nguyên - nhưng chưa nên đụng vào ông này gay lắm. Ông ấy sẽ dòn tôi và anh đến cùng. Cũng chẳng sao, nhưng đáng sợ là ông ấy có đủ khả năng làm cho tập thơ in xong cũng phải đắp chiếu mà nằm đấy. Ông ấy là một cây lý luận hàng đầu của Đảng về văn hóa văn nghệ. Như tôi biết, ngoài danh xưng “nhà” ông còn một danh xưng cao hơn với tên gọi tắt là “Trung ủy” dù chỉ là dự khuyết suốt hai khóa. Anh em văn nghệ thường thăm thì với nhau đó là một cây quan điểm lập trường, một tay bảo hoàng hơn vua.

Ngoài ra, còn sửa hai chữ ở hai bài khác. Tôi chấp nhận dù hơi tiếc, và “điều” luôn hai bài khác ngồi ghé dựa vào sân cỏ.

Lữ Huy Nguyên nói với tôi bằng giọng nghiêm túc và nhã nhặn vốn có:

- Tôi đề nghị anh cho nhà xuất bản chúng tôi được ấn hành tập thơ này. Tôi muốn hỏi anh vài chuyện bên lề có được không?

- Vâng, mời anh.

- Nghe nói có người nước ngoài tới mua bản thảo tập thơ?

- Có hai người, một từ Nhật đến gặp tôi, một người Mỹ qua trung gian.

- Họ đặt số tiền ứng trước khá lớn?

- Với ta thì thật lớn. Tôi tính ra một nhà văn xứ ta viết được quyển tiểu thuyết nghìn trang, với chất lượng xứng tầm thời đại thì nằm mơ cũng không nghĩ đến số tiền nhuận bút như vậy!

Người Nhật còn hứa với tôi xin phép Nhà nước Việt Nam để xuất bản hợp pháp.

- Và anh từ chối?

- Đơn giản là vì tôi tâm niệm phải xuất bản trong nước!

Nguyên quay sang Hoàng Lại Giang:

- Anh xem có thể ứng trước cho anh Sách một số tiền được không? Chắc chắn là không nhiều, nhưng có lẽ anh Sách xài tiền Việt dễ hơn tiền đô!

- Khỏi cần! Cuối năm 1967 tôi đã vào chiến trường miền Nam, NXB Giải Phóng có ý tốt ứng trước cho tôi 200 đồng. Thời giá hồi đó một bát phở ngon Hà Nội năm hào, còn thuốc lá thì *Trường Sơn một dẫy ba hào/ Điện Biên lịch sử hai bao một đồng/ Nghìn năm văn vật Thăng Long/ Một đồng một gói bằng lòng thì mua*. Tôi đi dịp đó dự cuộc Tổng tiến công Mậu Thân. Ở chiến trường ra tôi nộp cho nhà xuất bản khoảng ba chục bài thơ. Sách in ra tôi tới lĩnh nhuận bút. Nhà thơ “Ý Nhi xinh đẹp, biên tập viên bắt tay tôi cười. Khó cho anh rồi, thơ của anh theo barem thì nhuận bút hẻo lắm! Cũng tại thơ anh viết ngắn, lại không “leo thang” nên ít dòng. Bọn tôi đã ưu đãi đưa một số bài ở bậc B1 lên bậc A, ngồi chung chiếu nhất với các cụ mà cộng lại chỉ được 180 đồng, như vậy đáng ra anh phải nộp lại hai chục, nhưng anh khỏi lo, nhà xuất bản đã quyết định xóa nợ cho anh! Tôi nói lời cảm ơn và tiếc rằng không có tiền mời Ý Nhi đi ăn phở. Vậy các anh khỏi ứng trước dẫu tập thơ này của tôi có trăm bài nhưng bài nào cũng ngắn, dài nhất cũng chỉ mười dòng, chẳng được bao nhiêu nhuận bút đâu!

Lữ Huy Nguyên cười rồi cầm bút ký vào bản thảo:

- Chúng tôi sẽ làm nốt vài thủ tục cuối cùng, anh Giang sẽ bàn với anh về chuyện in ấn, sao cho càng nhanh càng tốt.

Hoàng Lại Giang “đề”: - “Cưới vợ thì cưới liền tay”...

Khi tiễn chân Lữ Huy Nguyên, tôi nói với riêng anh: - Lữ có gì phân vân nữa không? (Tên cúng cơm của anh là Nguyễn Huy Lữ, tôi gọi thế là để biểu lộ tình cảm chân thành và khâm phục).

Nguyên đáp lại: - Anh yên tâm, tôi nghĩ suốt đời cũng làm được điều gì đó!

Chúng tôi ôm nhau chia tay.

Hai hôm sau, Hoàng Lại Giang trở lại, đem theo bản thảo, một xấp giấy can và mấy cây bút kim:

- Cái khó nó ló cái khôn, tôi nghĩ ta đưa vào nhà in để họ xếp chữ là không ổn. Cái thứ thơ ngắn của ông thế nào công nhân cũng đọc khi xếp chữ xong và in thử, lập tức những bài thơ sẽ bay ra ngoài và điều gì đến chắc ông rõ: Chết từ trong trứng. Vì vậy, tôi đem giấy bút đặc biệt xuống để ông viết tay các bài thơ, viết bằng chữ thường, chữ mẫu mà hồi bé chúng ta phải tập ấy. Khi đưa vào nhà in cứ thế họ cho vào máy chạy. Cùng lắm hai ngày là gọn ba nghìn cuốn theo số lượng mà nhà xuất bản đăng ký. Đúng ra thơ ông đã được truyền miệng rộng rãi, có thể số lượng bản in gấp nhiều lần ba ngàn, nhà xuất bản có lãi và tác giả cũng được ấm chân răng, nhưng làm thế nguy hiểm lắm, bị nghi ngờ ngay lập tức.

- Cảm ơn Giang nhé, ông quan tâm chu đáo với tôi quá!
- Mà tôi nói để ông rõ: Thường ở nước ngoài, phải là tác giả có cỡ lắm tác phẩm mới được in bút tích của mình, mà cũng chỉ vài ba trang thôi, còn ông cả trăm bài, nhất ông rồi đấy!
- Đúng là mèo mù vớ cá rán!

Tôi bắt tay ngay vào việc. Tôi nắn nót viết cái thứ chữ tập viết hồi xưa ở trường làng với ông hương sư mặc áo dài the đen đứng lớp cầm tay thước gõ vào ngón tay học trò với lời dạy: “Các con nên nhớ luyện chữ là luyện tâm tính con người”. Gọn một ngày tôi viết xong, Hoàng Lại Giang ưng ý đem về Sài Gòn và êm đẹp làm sao, sau một tuần tôi nhận được điện đi lấy sách.

Ngồi trên xe từ Vũng Tàu lên Sài Gòn tôi mừng nhưng vẫn canh cánh nỗi lo. Đã sống một thời gian dài trong chiến tranh, nhiều hoàn cảnh, nhiều luật lệ khắc nghiệt éo le khiến số phận con người gặp nhiều bất trắc; cái sướng cái khổ, cái rủi cái may đến bất ngờ không kịp đối phó. Trong cõi văn chương chẳng lấy gì làm to lớn cũng đã có quá nhiều chuyện. Một cây bút trẻ có tài, lại chịu khó đi vào những nơi là mũi nhọn của cuộc sống viết những trang sáng giá được biểu dương, sách được đưa vào loại in số lượng tính bằng vạn. Ít lâu sau anh biến mất. Anh bị đi tù mà chẳng kịp biết vì sao không có phiên xử, cứ lặng lẽ lên đường không kịp từ biệt gia đình. Phúc cho anh sau bảy năm tù nghiệp trong nhà tù khi trở về viết được gần nghìn trang sách thuộc loại có giá trị. Nhưng cũng khốn khó lắm mới in ra được, cũng nhờ một ông giám đốc xuất bản có lương tâm và dũng khí. Dù quyền sách không hề được dự luận công khai bình luận, bị thu gom không công bố, nhưng bằng mọi cách tác phẩm vẫn đến được với người đọc. Sang thế kỷ 21, không khí văn nghệ được dễ thở hơn, chúng tôi đã được đón tiếp tác giả *Chuyện kể năm 2000* - nhà văn Bùi Ngọc Tấn tại Vũng Tàu.

Năm 1973, một nhà văn ở cùng tạp chí *Văn nghệ Quân đội* với tôi đeo quân hàm đại úy, được cử đi trong đoàn đại biểu Việt Nam dự đại hội Liên hoan Thanh niên thế giới được tổ chức tại Cộng hòa Dân chủ Đức. Rất mừng. Được cử đi đã là một niềm vui lớn vì sự tín nhiệm chính trị. Trong thời chiến lại được đi dự một ngày hội lớn thế giới còn phải nói gì nữa. Dù hoàn cảnh khó khăn, anh bạn tôi vẫn cố gắng tổ chức vài cuộc liên hoan nhỏ để khao bạn bè. Tôi lúc đó đêm đêm đeo một balô gạch tập hành quân chuẩn bị cho cuộc đi B dài. Anh chở tôi đi ăn một bát mì hoành thánh đặc biệt ở cửa hàng người Tàu ngõ Hàng Lược. Chạm chén rượu, anh nói:

- Mình với Sách cùng đi. Sách đi vào, mình đi ra. Là người viết, được đi là vui rồi!
- Anh đi Đông Đức, tôi đi Đức Cơ, chúng ta cùng đi, cùng vui.

Một tuần trước khi lên đường anh bỗng nhận được lệnh ở lại. Người ta phát hiện ra trong lý lịch của anh có chút tì vết ở mức độ “đi Liên Xô thì được nhưng đến Đức nơi tuyến đầu giáp giới giữa hai phe có thành phố Berlin phân chia đông tây hai phe thì không được.”

Lại một chuyện xảy ra ở sân bay. Một cậu sinh viên được chọn đi du học nước ngoài. Cậu ta con một gia đình bình thường nhờ học giỏi mà được đi. Việc lo hành trang, thủ tục giấy tờ quá vất vả, cuối cùng được ra sân bay. Làm thủ tục xuất cảnh, gửi hành lý xong, chỉ còn chờ giờ tàu cất cánh. Không biết ma xui quỷ khiến thế nào, khi ngồi xuống chiếc ghế ở phòng chờ, cậu ta ngả lưng vươn vai kêu lên một câu cảm thán: “Thế là sắp được làm người”. Chợt từ phía sau ế - đôi tay cậu ta bị xiết chặt và cậu bị nhấc bổng ra khỏi ghế, và rời khỏi sân bay, tan biến giấc mơ làm người do cậu ta đại dốt thốt ra. Số phận chàng trai bất hạnh ấy sau này như thế nào thì tôi không rõ...

Nghĩ lan man thế rồi chợt dạ, biết đâu cuốn sách của mình bị trắc trở phút chót, hãy đợi đến lúc được cầm nó trên tay mới chắc ăn.

Xe dừng trước nhà xuất bản gần chùa Vĩnh Nghiêm. Tôi không xuống vội, qua cửa kính tôi nhìn vào trong sân thấy đông người, trong đó có nhiều nhà văn mà tôi quen. Họ đến mua sách của tôi, người cầm vài ba cuốn, có người ôm nách hàng chồng. Có chuyện gì vậy, chẳng lẽ tác phẩm của tôi được chào đón đến vậy ư? Hoặc là cái cửa này không nhanh tay mà bị cấm thì hết mua? Tôi có một tâm trạng, một động thái kỳ cục, nhờ một người đi cùng vào nhận sách bản quyền và mua thêm đem ra rồi quay đầu xe đồng thẳng về Vũng Tàu.

Trên xe, tôi nâng niu cuốn sách vừa vận bàn tay, giống loại sách bỏ túi. 99 nhà văn và tôi nằm mỗi người một trang, chật chội một chút nhưng không ai chen lấn ai, nhòm ngó ai. Bìa cũng khá đơn giản, trên nền hoa văn li ti màu xám nhạt điểm một bông hoa màu đỏ. Tôi giờ nhanh từng trang - chưa cần đọc lại vì in đúng như bản tôi viết tay nên không sợ mắc lỗi đến cuối sách thì hiện ra sự cố. Một tờ in rời dán vào, đó là “Lời cuối sách” của nhà xuất bản mà tôi chưa được biết. Tôi xin trích ra một số đoạn chính:

*“... Đây là những ký họa có tính đặc tả của Xuân Sách, những chân dung vốn đã khá phổ biến trong và ngoài giới văn học suốt vài chục năm qua. Tác giả không nêu đích danh một ai, nhưng dưới nét bút phác thảo, những độc giả và người làm văn học vẫn có thể nhận ra từng đối tượng. Dĩ nhiên thể loại này thường cố ý phóng to những đặc điểm và khi nhìn vào những nét đặc tả ấy - tuy mắt cân đối và đôi khi phiến diện - vẫn dễ dàng nhận ra diện mạo, cốt cách từng nhân vật.*

*Chất vui hóm và nhất là khả năng chơi chữ có thể khiến người ta ngạc nhiên một cách thú vị, nhưng cũng có thể gây nên những sự không hài lòng đây đó.. Chúng tôi chỉ coi đây là nét tự trào của giới cầm bút, cười đấy nhưng cũng tự nhận ra những xót xa hạn hẹp của chính mình, những gì chưa vượt qua được trên các chặng đường quanh co của lịch sử và thời đại. Tự soi mình, học hiểu mình thêm qua cách nhìn của người cùng hội cùng thuyền lắm khi cũng hữu ích. Cái cười trong truyền thống dân gian vốn là vũ khí, ngày nay còn có thể là sức mạnh thúc đẩy đi tới phía trước.*

*... Rất mong độc giả và các nhà văn nhận xét ra mối chân tình trong cuộc vui của làng văn, và lượng thứ cho những khiếm khuyết.”*

Một lần nữa tôi lại thông cảm với Lữ Huy Nguyên. Anh đã kịp thời dùng chiến thuật lập lá chắn phòng ngự trong bóng đá. Còn có cách nào khác khi đối phương có một hàng tiền đạo đông đảo và hăng hái tranh nhau bắn phá khung thành đối phương không thương xót, cố mà phòng thủ kéo dài được thời gian không bị thủng lưới chừng nào hay chừng ấy để có thể đưa sách ra thị trường.

Sự cố thứ hai còn bi hài hơn. Ở trang cuối nơi ghi những người chịu trách nhiệm về cuốn sách có một mảnh giấy trắng dán kín một dòng, như người bị vết xước phải dán miếng băng keo y tế. Đó là chỗ in tên người chịu trách nhiệm về bản thảo ( Nguyễn Bảo ). Mãi đến phút cuối khi sách đã in xong, nghe ngóng thấy có sự bất an, ông này năn nỉ với giám đốc cho rút tên ra, ông sắp về hưu rồi, muốn được hạ cánh cho an toàn.

Đề nghị của ông ấy được chấp thuận, nhưng tiếc rằng sách đã in xong không thể in lại nên bắt đắc dĩ phải làm chuyện cắt dán. Cầm sách soi lên có thể đọc được dòng tên người chịu trách nhiệm bản thảo, giống như con trẻ trong trò chơi trốn tìm sau khi có chỗ ẩn nấp kín đáo rồi lại kêu tướng: Xong!

Thế là đưa con ra đời. Vì mẹ nó không được “tròn” nên nó cũng không được “vuông”, phải mang dị tật, báo hiệu những ngày sắp tới không bình yên. Mấy hôm sau, tôi nhận được những thông tin không tốt lành: có lệnh mồm xuống nhà xuất bản, phải giữ lại và niêm phong những

tập thơ chưa kịp phát hành. Ở Hà Nội có nhiều cuộc họp phê phán tập thơ, một số nhà xuất bản viết kiến nghị xử tội tác giả. Tuy nhiên, tác giả không nhận được trực tiếp bản kiến nghị ấy. Họ gửi vào một số cơ quan Trung ương và hai bản gửi về Vũng Tàu, một cho lãnh đạo và một cho Hội Văn nghệ.

Xin trích nội dung bản kiến nghị ấy:

*“..... Cuốn Chân dung nhà văn dấu không nêu tên người, nhưng Xuân Sách đã lấy tên tác phẩm để miêu tả thì chẳng khác gì gọi tên người đó ra.*

*Dưới con mắt của Xuân Sách, chân dung nhà văn trở nên méo mó dị dạng. Cố nhiên Xuân Sách cũng tỏ ra xu phụ nịnh một số ít người.*

*Bằng giọng thơ châm chọc, giễu cợt, bằng thái độ cao ngạo răn dạy kẻ khác, kích động kẻ khác, Xuân Sách đã mượn cách tả Chân dung để:*

- Bôi nhọ, phỉ báng, thậm chí vu khống đối với nhiều nhà văn đáng kính đã quá cố.
- Xuyên tạc lăng mạ đời tư nhà văn một cách vô trách nhiệm, đặc biệt là các nhà văn nữ, gây những hậu quả cực kỳ xấu đối với họ.
- Với vị trí văn học hạn chế của mình, Xuân Sách đã gây không khí bất lợi cho sự đoàn kết nội bộ của Hội.

*Chúng tôi coi đây là một vết xấu trong sinh hoạt văn hóa của chúng ta, đặc biệt trong quản lý xuất bản.*

*Chúng tôi xin kiến nghị lên các cấp thẩm quyền mấy điểm:*

1. Xem xét lại trách nhiệm của người cấp giấy xuất bản, của giám đốc Nhà xuất bản Văn Học và các biên tập viên đã cho in cuốn sách.
2. Phải có biện pháp thực sự thu hồi và hủy bỏ cuốn sách.
3. Ban chấp hành Hội Nhà văn xem xét tư cách của nhà văn Xuân Sách và có kỷ luật thích đáng chiếu theo điều lệ Hội vì đã xúc phạm nhân cách gây mất đoàn kết nội bộ. Kỷ luật cần được thông báo cho toàn thể hội viên biết.

*Kính mong Ban Tư tưởng Văn hóa Trung ương, Bộ Văn hóa Thông tin Thể thao, Ban Chấp hành Hội nhà văn xem xét bản kiến nghị này”.*

Sau những lời luận tội đanh thép và các biện pháp xử lý nghiêm túc là mấy trang chứa đựng những chữ ký như rồng bay phượng múa của Bốn Mươi Một nhà văn đáng kính. ( Tôi chợt nhớ tới bộ phim *Người thứ bốn một* khá hay của Liên Xô trước đây ). Có nhà văn còn ghi thêm trước khi ký. “ Tôi không thể nào tưởng tượng được, với nội dung toàn nói xấu gần như toàn bộ Hội nhà văn như vậy lại có thể được in tới 3000 cuốn và nghe nói đã “lập tức” bán được 600 cuốn rồi. Ông ấy nghĩ thế cũng phải, sự thật nhiều khi khác xa trí tưởng tượng của nhà văn.

Tôi phát hiện ra trong số 41 người ký tên có ông ấy và 26 nhà văn nữa không có chân dung trong tập thơ. Tôi không hiểu làm sao lại thế.

Một nhà văn bậc đàn anh giải thích cho tôi. Hoặc giả họ có tính bày đàn cao, đụng tới đồng loại là đụng tới họ. Hoặc giả... chuyện này có thật, một ông nhà văn tai tiếng thì to nhưng tác phẩm lại nhỏ nói với mình “cái thằng Xuân Sách văn thơ tầm tầm chẳng ai chú ý, nên bày trò *Chân dung* để chơi trội. Chẳng qua hắn mượn tên tác phẩm và vài câu thơ, ý thơ của người ta rồi xào xáo lấp ghép vào, có gì sáng tạo đâu”. Nghe vậy mình bảo “thế thì ông quan tâm làm gì



cho rách việc?”. Bất ngờ, ông ấy cao giọng: Nhưng một người như tôi tại sao nó lại không đưa vào? Lão!”.

\*

Đối với các “Bạc Trường Lão” từ thời 30-45, những tưởng Xuân Sách sẽ bị mắng mỏ là “phạm thượng”, “hỗn láo” hay đại loại như vậy. Nhưng Thơ Chân dung đã nhận được sự đối xử rất quân tử. Chỉ ví dụ như với ba Đại gia là Nguyễn Tuân, Xuân Diệu và Hoài Thanh:

Chân dung Nguyễn Tuân:

Vang bóng một thời đâu dễ quên  
Sông Đà cũng muốn đẩy thuyền lên  
Chén rượu tình rừng cay đắng lắm  
Tờ hoa lại trót lỗ ưu phiền.

Cụ Nguyễn Tuân, con người vốn thích đùa một cách... cao sang và thâm trầm, thích ăn nem rán nóng bỏng thì gấp lên đặt xuống cái nem, nghe thơ và phán: “Hóm, thằng này hóm”.

Chân dung Xuân Diệu:

Hai đợt sóng dâng một khối hồng  
Không làm trôi được chút phấn thông  
Chao ơi ngói mới nhà không mới  
Riêng còn chẳng có, có gì chung.

Và phản ứng của Xuân Diệu: Xuân Sách kể: Một lần gặp Xuân Diệu trong quán bia hơi, tôi nâng cốc bia chúc mừng ông vừa được bầu làm viện sĩ của Viện hàn lâm nghệ thuật nước CHDC Đức, ông chạm cốc: Chúc mừng họ Ngô nhà ta, những bài thơ của cậu đi vào cõi bất tử!

Chân dung Hoài Thanh:

Vị nghệ thuật nửa cuộc đời  
Nửa đời sau lại vị người ngồi trên  
Thi nhân còn một chút duyên  
Lại vò cho nát lại lèn cho đau  
Bình thơ tới thuở bạc đầu  
Vẫn chưa thể tắt nỗi câu nhân tình  
Giật mình mình lại thương mình  
Tàn canh tỉnh rượu bóng hình cũng tan.

Trong *Lời cuối sách* nhân NXB Văn học tái bản cuốn *Thi Nhân Việt Nam*, nhà Phê bình văn học Từ Sơn viết: “Một lần khác, vẫn ở bên giường cấp cứu, sôi nổi, vui vẻ, chúng tôi bàn về thơ “chân dung nhà văn” đang lưu hành trong giới văn chương. Cha tôi khe khẽ đọc lại mấy câu “thơ chân dung” nói về ông mà ai đó đã đọc cho ông:

Vị nghệ thuật một nửa đời  
Nửa đời lại phải vị người cấp trên  
“Thi nhân” còn một chút duyên  
Chẳng cảm cho vũng lại lèn cho đau!...

Đọc xong, cha tôi bình: “Tay này nó biết mình mê Kiều nên nó dùng lối lầy Kiều để vẽ chân dung mình thì khéo thật. Tuy vậy câu thứ hai nói oan và nói ác quá. Cha biết có không ít người nghĩ như thế về cha”. Nói xong, cha tôi có vẻ hơi buồn buồn”.

Trong bài viết *Lời cuối sách* này, Từ Sơn cũng đã nói rõ tại sao Hoài Thanh lại có cái “nhìn lại” rất nghiêm khắc với “*Thơ Mới*” và nhất là tự phê phán *Thi Nhân Việt Nam* tới mức như Xuân Sách đã viết “*Thi nhân còn một chút duyên / Lại vô cho nát lại lèn cho đau!*”

\*

Những câu chuyện về Nguyễn Minh Châu, Phù Thăng và chân dung về hai nhà văn này, theo tôi là hay nhất về cả chân dung bằng thơ và chân dung bằng văn xuôi. Với hai nhà văn này và cộng thêm Xuân Sách ta có “Bộ ba” điển hình độc đáo về cả văn tài cũng như cuộc đời đầy bất trắc của những nhà văn chân chính. Tôi sẽ trở lại ba nhà văn này khi có điều kiện...

Xuân Sách có bài thơ “triết lý” rất nhẹ nhàng mà sâu sắc về nhân tình thế thái và tuy thường nói là mình liều mạng “điếc không sợ súng” nhưng chính Xuân Sách là một trong số ít nhà văn, nhà thơ rất “biết mình, biết người”, đã tự nhận thấy hạn chế của mình trong sự nhận thức thế giới, câu đầu bài thơ cũng là nhan đề bài thơ:

Có nhiều điều mà tôi chưa biết  
Hòn núi kia có tự bao giờ  
Con kiến bé tí teo đến vậy  
Còn con voi to lớn khổng lồ?  
Có nhiều điều mà tôi chưa biết  
Lá mâm xôi giống lá mâm đình hồng  
Một bên nảy ra chùm quả dại  
Một bên hoa rục rở đến nao lòng?  
Có nhiều điều mà tôi chưa biết  
Nước suối trong mát ngọt lịm người  
Rồi suối chảy ra sông ra biển  
Muối ở đâu mà biển mặn biển ối?  
Có nhiều điều mà tôi chưa biết  
Tầm ăn dâu xanh lại nhả tơ vàng  
Nguyễn Du viết Kiều bao đêm trắng  
Bao sợi tóc xanh bạc trắng bên đèn?  
Một cô Kiều sắc tài nhường ấy  
Trải qua nhiều chìm nổi truân chuyên  
Không dứt được lòng tham danh lợi  
Khiến Từ công chết đứng trận tiền.  
Nhưng có lẽ cuộc đời vốn vậy  
Biển cứ mặn mòi, suối cứ ngọt êm  
Voi cứ khổng lồ, kiến thì bé teo  
Cái tốt dù nhiều cái xấu vẫn kề bên.

Sài Gòn, tháng 10-2010

----

Chú thích:

(1) Xuân Sách (4/7/1932 - 2 /6/2008) tên thật là Ngô Xuân Sách, bút danh khác: Lê Hoài Đăng, là hội viên Hội Nhà văn VN. Ông được nổi danh khi là tác giả phần lời các ca khúc *Đường chúng ta đi* (dựa trên tứ thơ của Hoàng Trung Thông và Chế Lan Viên), *Cùng anh tiến quân trên đường dài* (nhạc Huy Du), đặc biệt nổi bật qua tập thơ *Chân dung nhà văn*.

Quê tại xã Trường Giang, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa. Nơi ở trước khi ông qua đời: TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Quá trình hoạt động: Từ năm 1960 đến 1980: Biên tập viên Tạp chí *Văn nghệ Quân đội*. Từ năm 1981 - 1984: Phó giám đốc NXB Hà Nội. Từ năm 1985 đến 1995: Chủ tịch Hội Văn nghệ Bà Rịa -Vũng Tàu...

Đêm 2 tháng 6 năm 2008, ông qua đời tại bệnh viện Thanh Nhàn (Hà Nội), sau hai tháng nằm viện tại TP. Hồ Chí Minh và Hà Nội do tai biến mạch máu não. Ngày 6 tháng 6 năm 2008, linh cữu nhà văn Xuân Sách được đưa về an táng tại quê nhà Thanh Hóa, theo nguyện vọng sinh thời của ông.

Tác phẩm: *Cô giáo làng* (truyện ngắn, 1962); *Đội du kích thiếu niên Đình Bảng* (truyện, 1964); *Mặt trời quê hương* (tiểu thuyết, 1971); *Đêm ra trận* (truyện ngắn, 1974); *Con suối mặt gương* (thơ, 1974); *Phía núi bên kia* (tiểu thuyết, 1977); *Nơi đi và đến* (thơ, 1979); *Rừng bên sông* (tiểu thuyết, 1984); *Đường xa* (thơ, 1986); *Cuộc hôn nhân bị đánh tráo* (tiểu thuyết, 1991); *Chân dung nhà văn* (thơ, 1992); *Người ơi, người ở lại* (truyện ngắn, 1995); *Cõi người* (thơ, 1996).

#### 100. Xuân Sách (Tự họa)

Cô giáo làng tôi đã chết rồi  
Một đêm ra trận đất bom vùi  
Xót xa Đình Bảng người du kích  
Đau đớn Bạch đằng lũ trẻ côi  
Đường tới chiến công gân cốt mỏi  
Lối vào lửa sồn tóc da mỗi  
Mặt trời âm đạm quê hương cũ  
Ở một cụm đường rách tả tơi.

(2) Tập Hồi ký *Giải mã Chân dung* của Xuân Sách do ông Nguyễn Hòa VCV cung cấp. Những dẫn chứng không đánh số chú thích là đều lấy từ Hồi ký *Giải mã Chân dung* này.

\*\*\*

Ở bài trước, tôi đã nói về sự hình thành cũng như sự ra đời của tập thơ “Chân dung Nhà văn” của Xuân Sách (1) và sự giải mã chân dung (2) của bốn nhà văn, nhà thơ là Hồ Phương, Võ Huy Tâm, Chính Hữu, Tố Hữu.

Ở bài viết thứ hai này, ta sẽ xem Xuân Sách đã “giải mã chân dung” các nhà văn Nguyễn Ngọc (3), Nguyễn Khải (4), Nguyễn Minh Châu (5), Phù Thăng (6). Chân dung các nhà văn này rất đặc biệt bởi đó là những nhà văn “chung một chiến hào” với Xuân Sách khi họ có nhiều năm tháng cùng sống và viết ở Tạp chí Văn nghệ quân đội, trong căn nhà số 4 Lý Nam Đế, Hà Nội. Điều đặc biệt nữa là Nguyễn Ngọc và Nguyễn Minh Châu gần như là “Tâm điểm” của thời kỳ đầu phong trào “Cởi trói” và “Đổi mới” trong văn học. Các nhà văn đã “Đổi mới” như thế nào và kết quả đến đâu? Đó là điều tác giả Hồi ký *Giải mã chân dung* muốn nói với bạn đọc...

\*

Nguyễn Ngọc là nhà văn năng động, xông xáo, có cá tính và đã để lại nhiều dấu ấn đậm nét trong đời sống văn học. Năm 1950, khi đang học trung học chuyên khoa (nay là trung học phổ thông), ông nhập ngũ, chủ yếu hoạt động ở Tây Nguyên - chiến trường chính của Liên khu V bấy giờ. Sau một thời gian ở đơn vị chiến đấu, ông làm phóng viên báo Quân đội nhân dân liên khu V và lấy bút danh Nguyễn Ngọc. Sau hòa bình 1954, Nguyễn Ngọc nổi tiếng với tác

phẩm *Đất nước đứng lên* viết về Anh hùng Núp của Tây Nguyên... Năm 1962 ông trở lại miền Nam, lấy tên là Nguyễn Trung Thành, hoạt động ở khu V, là chủ tịch chi hội Văn nghệ giải phóng miền Trung Trung Bộ, phụ trách Tạp chí Văn nghệ quân giải phóng của quân khu V. Thời gian này Nguyên Ngọc viết tùy bút *Đường chúng ta đi*, truyện *Rừng Xà Nu* có tiếng vang lớn... Sau chiến tranh ông có thời gian làm Phó Tổng thư ký Hội Nhà văn Việt Nam, Tổng biên tập báo *Văn nghệ*. Trong thời kỳ Đổi Mới và phong trào Cởi Mở ông đã có những đổi mới quan trọng về nội dung tư tưởng của tờ báo và được coi là người có công phát hiện, nâng đỡ nhiều nhà văn tên tuổi sau này như Nguyễn Huy Thiệp, Nguyễn Ngọc Tư, Phạm Thị Hoài... Tuy nhiên, sau đó báo *Văn nghệ* bị chính thức phê phán là "chệch hướng" và Nguyên Ngọc đã thôi chức Tổng biên tập để thay thế bằng Hữu Thịnh...

Là người cùng tuổi và có nhiều năm cùng "lăn lộn" với Nguyên Ngọc ở Tạp chí Văn nghệ Quân đội, Xuân Sách rất "thuộc" tính cách Nguyên Ngọc và qua những đoạn văn cũng như chân dung viết về Nguyên Ngọc, người đọc thấy hiện lên một Nguyên Ngọc khao khát và quyết tâm "Đổi mới" nhưng cũng đầy bất trắc, sóng gió:

"Nguyên Ngọc mở đầu công việc của mình (Bí thư Đảng đoàn Hội Nhà văn) là bằng triệu tập một hội nghị những nhà văn là đảng viên và trong hội nghị ngày ( 11-13/6/1976) để đọc bản đề dẫn, thực sự là một tuyên ngôn về văn học trong thời kỳ mới. Đối với các bậc trưởng lão có ý nghĩa là chúng nó sắp mời các cụ về vườn. Ngay lập tức có người lên trình với Tố Hữu rằng lấy trẻ đánh già. Cho nên hôm sau ông đã đến hội nghị lấy danh nghĩa tôi đến đây với tư cách nhà văn chứ không phải tư cách Ủy viên Bộ Chính trị của Đảng. Nghe thế các đảng viên văn chương cười đẹp và nghĩ thầm " chúng em biết chứ ạ."

*" Lớn là thế nào hè? Thời đại là thế nào hè? Văn học phải đi từng bước. Phải có cây số một, rồi mới có cây số hai, số ba. Thực tế của ta bây giờ là rất đẹp, có thể nói là tuyệt diệu. Cứ thế mà ghi chép, thậm chí sao chép cũng được."*

Tố Hữu nói hơn nửa buổi. Suốt buổi Tố Hữu chỉ biểu dương hai tác phẩm là *Hòn Đất* của Anh Đức và *Vụ lúa chiêm* của Đào Vũ. Ông còn gọi *Hòn Đất* là Hòn Ngọc. Dĩ nhiên cử tọa người thì sượng rợn, người thì toát mồ hôi hột về những lời vàng ý ngọc như thế thì nền văn học chúng ta cứ là lên mây. Điều đó hỏi sau sẽ rõ còn ngay bây giờ là cuộc chiến tranh không có tiếng súng giữa hai phe, mà thực chất là tranh giành mấy chiếc ghế ở cái " *suối cạn Hội Nhà văn* ".

Nguyên Ngọc người nhỏ nhưng gan lớn vẫn khẳng định những quan điểm của mình. Số đông ủng hộ Nguyên Ngọc, nhưng khổ thay đó lại là số đông im lặng, các nhà văn linh động giống như các triết gia còn những người có vị trí ở ban chấp hành ở Đảng đoàn, trước hội nghị tỏ bày ủng hộ thì sau lời nói của ông Tố Hữu, hầu như đều " thay đổi sắc phù sa" một cách chóng vánh và quyết liệt. Nhất là khi ông Trần Độ, một người thành tâm hướng tới sự tiến bộ của văn học bằng tự do dân chủ bị chuyển sang công tác khác, và nhà lý luận Hà Xuân Trường trúng vào chân dục khuyết Trung ương Đảng được bổ nhiệm làm trưởng ban tư tưởng và văn hóa thì coi như thuyền thay lái, gái thay chồng, Nguyên Ngọc trợ trợ. Ông Trường mời Nguyên Ngọc lên thương lượng để thay đổi quan điểm, Nguyên Ngọc không nhân nhượng và lẽ tất nhiên phải xảy ra. " Anh không " đổi" thì tôi phải " thay" như lời miệng nói của ông Tố Hữu. "Cậu Ngọc chỉ làm được bí thư chi bộ, làm bí thư Đảng đoàn thì quá sức. Việc đặt Nguyên Ngọc ngồi chỗ đó coi như tôi làm bài thơ dở, phải làm lại".

Mấy ủy viên Đảng đoàn thì dao động. Giang Nam, nhà thơ " *yêu quê hương vì có chim có bướm* " được Nguyễn Khải cũng là ủy viên trong Đảng đoàn bàn tìm người thay Nguyên Ngọc. Nguyễn Khải cũng tự biết mình không được cấp trên yêu vì nhiều lẽ. Hôm diễn ra vở kịch cách mạng Tố Hữu đã có nhận xét " thằng Khải xỏ lá ". Nguyễn Đình Thi cũng tự coi như gái lỡ thì.

Chỉ còn một nhân vật có thể thay Nguyên Ngọc ai cũng thấy đấy là Chế Lan Viên và ông cũng thấy đã đến lúc cờ đến tay. Ông tập hợp mấy nhà văn gặp Nguyên Ngọc để đòi Ngọc từ chức. Nhà văn Tô Hoài thì tùm tùm đứng ngoài vòng tọa sơn quan hổ đấu. Bình luận về sự kiện này nhà văn Hải Hồ tạp chí chúng tôi nói : đó là cách dùng khỉ vật lông khỉ. Không khí sáng tác chìm trong không khí im lìm giống như nền kinh tế những năm đầu 80. *Năm tám mươi gạo tám mươi / dân xứ Nghệ mặt vàng như nghệ*. Nguyễn Khải khôn ngoan bỏ cửa chạy lấy người, anh chuyển cả gia đình vào Sài Gòn sinh sống và viết. Trần Mạnh Hảo nhận xét Nguyễn Khải là người “*ta không ra ta địch không ra địch*”.

Nguyên Ngọc thành danh rất sớm. Tôi bằng tuổi anh . Người ta nói tuổi Nhâm Thân là con khỉ bạc. Lúc đó tôi đang là viên trợ lý văn hóa văn nghệ dưới sự đoàn pháo binh còn anh đã là nhà văn nổi tiếng với tiểu thuyết “Đất nước đứng lên” giành giải nhất văn học quốc gia. Thời ấy giải văn học danh giá hơn bây giờ nhiều. Sách in ra hàng vạn cuốn, nhuận bút cũng lớn, anh Ngọc đang đọc thân không biết tiêu gì cho hết tiền. Anh Ngọc lại là người nghiêm chỉnh, không chè rượu đàn đúm. Mãi đến năm 1960 tôi về *Văn nghệ Quân đội* mới biết anh. Một người nhỏ bé nhưng tài cao chí lớn. Cùng ở cơ quan nhưng tôi ít có dịp trò chuyện với anh. Nguyên Ngọc đi nhiều, anh lên tận Bắc Kạn, Cao Bằng viết tập truyện ngắn “*Rẻo cao*”. Rồi đó đi về Thái Nguyên khi ấy đang xây dựng một khu gang thép lớn, một trong những đứa con đầu lòng của nền công nghiệp XHCN. Được viết về anh vừa là trách nhiệm vừa là vinh dự. Anh Ngọc viết tập truyện “*Mạch nước ngầm*” ẩn ý là sau cái tưng bưng vĩ đại của công trình và những người mới của giai cấp công nhân tương lai, thì đã có một mạch nước ngầm đang chảy rì rầm không được trong lành lắm. Anh bị rắc rối vì chuyện đó, cuốn sách phải xé bỏ một số trang mới được phát hành. Truyện đó không ảnh hưởng gì nhiều đến con người vốn cứng rắn như Nguyên Ngọc. Anh không biết đi xe đạp, và anh cũng không định tập, dù có nhiều người tình nguyện hướng dẫn. Anh em nói vụng: “Ông Ngọc kiên trì đường lối đi lên CNXH không qua giai đoạn tư bản, cũng từ đi bộ đi luôn ô tô, bỏ qua giai đoạn xe đạp, xe máy”. Một lần người yêu anh Ngọc từ Vĩnh Phú về Hà Nội, Nguyễn Khải và tôi tự nguyện làm phu pooc-tê cho hai người. Tôi đèo chị, Khải đèo anh, chúng tôi đạp xe song song với tốc độ đồng đều để hai anh chị ngồi phía sau tâm sự trên đường quanh Hà Nội.

Nguyên Ngọc làm TKTS, anh làm rất giỏi và mọi người ủng hộ, vì như vậy mọi người được tự do đi viết. Năm 1962, Nguyên Ngọc vào chiến trường, khu Năm và Tây Nguyên quen thuộc của anh thời kỳ chống Pháp. Không lâu sau anh gửi ra bài viết từ chiến trường. Bài tùy bút “*Đường chúng ta đi*” mang âm hưởng một bài hịch. Truyện “*Rừng xà nu*” như một áng sử thi của con người và đất Tây Nguyên. Những anh Núp chị Niêu mới lại đứng lên chống Mỹ, đất nước lần nữa lại đứng lên. Nguyên Ngọc lấy bút danh là Nguyễn Trung Thành. Đây là điều bắt buộc với những nhà văn miền bắc khi vào chiến trường miền Nam. Năm 1974 Nguyên Ngọc ra Bắc rồi năm 1975 anh lại đi chiến dịch giải phóng MN.

Khi đất nước thống nhất, Nguyên Ngọc đã đứng ở vị trí cao trong văn nghệ. Anh cũng xứng đáng như vậy, anh cũng mong muốn được thổi vào văn nghệ một không khí mới. Tôi nhớ hồi còn ở chiến trường anh có viết thư về tòa soạn nhắc nhở chúng tôi đại ý, nếu cứ viết như những gì đăng trên tạp chí thì không góp gì được cho công cuộc chiến đấu trên chiến trường. “Muốn thực hiện được những ý tưởng đó, tất nhiên phải nắm giữ một vị trí lãnh đạo càng cao càng tốt”. Một lần Nguyễn Khải nói với tôi: “Chúng ta “nịnh” ông Ngọc đi thì vừa”. Một lần Nguyễn Khải đèo Nguyên Ngọc trên xe đạp đi qua báo *Quân đội Nhân dân*, mấy ông bạn hàng xóm trên: “*Thằng lớn đèo thằng bé*”. Nguyễn Khải cười toét: “Cái bóng bao giờ cũng lớn hơn người! “Anh em chúng tôi đối với Nguyên Ngọc thường *kính nhi viễn chi*, thân thiện nhưng không suồng sã.

Nguyễn Ngọc rời quân đội chuyển sang Hội nhà văn, được bổ nhiệm làm phó tổng thư ký hội. Và anh chuẩn bị thực hiện ý tưởng của mình chuẩn bị cho “sự kiện” bản đề dẫn. Nguyễn Ngọc tổ chức cuộc họp một số nhà văn chủ chốt, trình bày bản đề dẫn Để làm mới văn nghệ, để phù hợp với tình hình mới, để sáng tác đa dạng hơn, trung thực hơn, và vấn đề giữa chính trị và văn nghệ.

Nguyễn Khải nói với tôi rằng lần này Nguyễn Ngọc sẽ vào ban chấp hành Trung ương Đảng. Anh còn kể cho tôi nghe những gì mà anh biết, nhưng chuyện tưởng là ngoài lề nhưng lại có tính quyết định ai ngồi đâu, làm chức gì, nhiều khi nghe cứ tưởng chuyện đùa mà có thật. Như chuyện anh Ngọc làm việc với một vị lớn ở Quốc hội. Lúc này Nguyễn Ngọc là đại biểu Quốc hội. Hai người làm việc đêm, ông tối đó có việc đi ra ngoài, khi trở vào kêu lên : “*Ngọc ơi, mình đã nhầm dép của cậu*”. “Chân ông Ngọc cũng nhỏ như chân cấp trên”. Thân mật như thế, hòa hợp đến thế thì vào Trung ương là cái chắc. Lúc đầu tôi nghĩ anh Khải đùa nhưng rồi nghĩ lại thấy đúng. Lại nữa, với Nguyễn Ngọc việc vào Trung ương cũng không phải xa vời lắm. Nhưng lại nghĩ như nhà văn Nguyễn Đình Thi bề dày còn hơn Nguyễn Ngọc, ông đã nổi tiếng là đại biểu trẻ nhất Quốc hội năm 1946, là thư ký Quốc hội trong phiên họp cử Cụ Hồ đứng đầu chính phủ Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa đầu tiên. Vậy mà bao nhiêu năm ông không được vào Trung ương, có lẽ tại vì chân ông to, giày dép không vừa như chân cấp trên. Tôi tán dóc một cách cù lần như thế với Nguyễn Khải. Nhưng rồi chính Nguyễn Khải lại nói: “*Hồng rồi, thủ trường của chúng ta hụt rồi*”. Và cũng là lý do rất dở hơi. Rồi kết quả đúng như vậy, Nguyễn Ngọc hụt vào Trung ương vào phút chót. Nguyễn Khải có lỗi nói đùa chết cây chết cá. Sau sự thể ấy, Nguyễn Khải nói với Nguyễn Ngọc: “*Giá ông cho Xuân Sách một bao thuốc lá, hẳn sẽ giúp ông cách vào Trung ương*”.

Tôi không biết chuyện đó, mãi sau này khi anh Ngọc với tôi có mối quan hệ thân thiết hơn. Lần Đại hội văn nghệ Vũng Tàu tôi mời Nguyễn Ngọc vào dự, trong bữa rượu vui về Nguyễn Ngọc mới nhắc lại chuyện đó. Tôi nói:

- Anh lạ gì ông Khải, ông ấy đùa thôi mà, báo hại tôi rồi!
- Tôi không lạ ông Khải, ông ấy đùa bao giờ cũng có một nửa sự thật, ông cứ nói tôi nghe.
- Khi anh đã được chấm tên vào sổ thiên tào rồi, anh có thể ngủ yên chờ đợi không cần phải làm gì nữa, và khi đã yên vị lúc ấy làm gì mới có thể làm. Chính nhiệt tâm của anh và cả sự nóng vội nữa, anh đã làm cái việc mà người ta thường nói là cầm đèn đi trước ô tô. Cầm đèn đi trước ô tô dù với thành tâm và thiện chí cũng rất dễ làm bận lòng đối với những người đang ghen tỵ với anh. Lưu Bang là người biết dùng người tài, tin cậy Trương Lương như cha, vậy mà Trương muốn Lưu làm gì vẫn khôn khéo gợi ý sao cho những ý nghĩ những việc làm ấy là nhờ “*tài năng và hồng phúc của chúa công*”. “*Mất mùa là tại thiên tai/Được mùa là bởi thiên tài Đấng ta*”. Dân gian đã đúc kết như vậy mà.

Nguyễn Ngọc cười: - Sao lúc đó ông không nói thẳng với tôi, chắc hẳn không phải là ông sợ rồi?

- Tôi không phải là Trương Lương và anh... Nhưng thôi, việc đó nói cho cùng không có gì quan trọng.
- Đúng vậy, tôi nghĩ trong cái rủi có cái may. Nếu Nguyễn Ngọc thành ông Trung ương, thì không có Nguyễn Ngọc làm tổng biên tập báo *Văn nghệ* thời kỳ đổi mới. Cái thời mà ông tổng bí thư thứ tư của Đảng Nguyễn Văn Linh trong một ngày đẹp trời tuyên bố “*cởi trói*” cho văn nghệ sĩ, tự cứu trước khi trời cứu, thời tướng Trần Độ với nhãn quan chính trị tiên bộ, với nhiệt tâm đối với văn nghệ đã dựng được cái “*ngụ quyết năm*”, một nghị quyết góp phần cho việc tự do sáng tạo, thì tờ báo *Văn nghệ* của Nguyễn Ngọc là thành phẩm sáng giá nhất. Có người chủ trì ấy tờ báo mới có “*Cái đêm hôm ấy đêm gì*” của Phùng Gia Lộc, một anh cán bộ văn hóa làng xã viết rất hay tố cáo nỗi đau khổ của người nông dân bị bọn cường hào mới áp bức và bóc lột.

Mới có những truyện ngắn mới mẻ xuất sắc của Nguyễn Huy Thiệp và một số nhà văn khác. Mới có những bài tuyển luận như Nguyễn Minh Châu viết: “*Đọc lời ai điếu cho một thời kỳ văn nghệ minh họa*”... và đặc biệt là tạo được bầu không khí dễ thở trong trường văn trận bút và mạnh mẽ không khí dân chủ không chỉ trong văn chương mà cả trong toàn xã hội. Mới có được Đại hội nhà văn lần thứ tư 1989, một đại hội rất đáng hãnh diện của những người cầm bút. Một đại hội được nhân dân tin cậy, cơm đùm cơm nắm lên thủ đô đem đơn từ đi khiếu kiện tới trao cho các nhà văn. Với một khúc ngâm “đặc tả” Đại hội với mấy câu mở đầu:

*Thuở trời đất nổi cơn Đại hội/ Khách làng văn nhiều nổi truân chuyên/ Trời kia thăm thăm tâng trên/ Vì ai gây dựng cho nên nổi này/ Trống Ba Đình tùng tùng...*

Rồi ban chấp hành Hội nhà văn trong đó có Nguyên Ngọc tặng giải thưởng cho tiểu thuyết “*Nỗi buồn chiến tranh*” của Bảo Ninh. Cuốn tiểu thuyết lần đầu mô tả chiến tranh ở một khía cạnh khác, một hiện thực mà từ trước chưa ai dám viết. Và chúng ta biết sau thời gian mở và cởi trói cho văn nghệ người ta lại thấy hiểm họa mà nó mang tới nên phải trói trở lại. Một số người trong ban chấp hành tự kiểm điểm và xóa bỏ giải thưởng của cuốn sách kia. Theo đó cũng là lúc Nguyên Ngọc phải lặng lẽ rời bỏ chức Tổng biên tập tờ báo *Văn nghệ*. Nhưng dù sao có trói lại cũng không thể trói chặt như trước.

Nguyên Ngọc chuyển hoạt động của mình sang một hướng khác. Anh lại đem tài năng của mình để làm được điều gì đó có lợi ích cho dân cho nước, và lại phải vượt qua những thử thách gian nan mới. Qua những bước thăng trầm của Nguyên Ngọc, tôi đã viết chân dung anh: “*Mấy lần đất nước đứng lên/ Đứng lâu cũng mỏi cho nên lại nằm..*”

Cách đây mấy năm, Nguyên Ngọc từ Hà Nội gọi điện vào Vũng Tàu cho tôi : “Sách ơi, lần này mình lại đứng lên rồi và không nằm nữa đâu!”

Tôi tin và mong như thế. Bây giờ sống đến U80 không còn là chuyện xưa nay hiếm. Nhưng đến độ ấy mà còn “đứng lên” đi về phía trước thì vẫn được gọi là xưa nay hiếm” (Hồi ký *Giải mã chân dung*).

Chân dung Nguyên Ngọc

*Mấy lần đất nước đứng lên  
Đứng lâu cũng mỏi cho nên phải nằm  
Hại thay một mạch nước ngầm  
Cuốn trôi đất Quảng lẫn rừng Xà nu!*

\*

Những năm cuối đời Nguyễn Khải có viết hai tùy bút chính trị rất đáng chú ý là *Nghĩ muộn* và *Đi tìm cái Tôi đã mất*. Talawas có bài Dương Tường chia sẻ một vài suy nghĩ về những trang ghi chép này (ngày 13-6 *Viet-studies* đã đưa lại). Dương Tường nói, trong Nguyễn Khải có hai con người: “*Một Nguyễn Khải khôn khéo giả dối và một Nguyễn Khải thành thật trắng trợn. Một Nguyễn Khải hèn nhát và một Nguyễn Khải khinh ghét tay Nguyễn Khải hèn nhát kia. Và sự tranh chấp giữa hai con người ấy không bao giờ ngừng.*” Với phần viết về Nguyễn Khải trong Hồi ký *Giải mã chân dung*, Xuân Sách cũng sẽ giúp bạn đọc hiểu được phần nào cả hai con người Nguyễn Khải:

“VTN viết: ở *Văn nghệ Quân đội*, Xuân Sách là người hiểu Nguyễn Khải đến chân tơ kẽ tóc. Anh VTN quá lời. Nhưng cũng có thể nói mối quan hệ giữa tôi và anh Khải có phần mật thiết, như anh Khải đã nói công khai : Sở dĩ tôi với ông Sách làm bạn với nhau được lâu dài và có vẻ thân thiện vì chúng tôi biết giữ một khoảng cách. Với tôi , cái khoảng cách ấy là biết mình ngồi ở đâu, biết gài gửi các bậc đàn anh mình học hỏi được những gì về đời cũng như về nghề. Tôi nghĩ viết về đời và về văn của Nguyễn Khải cũng đáng nhưng ở đây tôi chỉ nói tới mối quan hệ của tôi với Nguyễn Khải trong việc tôi viết về chân dung các nhà văn. Bởi lẽ anh là người quảng giao, lại có những nhận xét về người khác sâu sắc và nêu bật được tính cách những người đó... Còn gì hơn cái kho tư liệu dồi dào như vậy. Nói thế không phải Nguyễn Khải ủng hộ tôi hoàn toàn. Như tôi xin nhắc lại bài thơ đầu tiên của tôi xuất hiện nhiều người coi như chuyện đùa nhưng Nguyễn Khải đã phát hiện ngay. “Thằng này không đùa nữa rồi”. Nhưng Nguyễn Khải vẫn cứ giúp tôi. Khuyến khích tôi viết và còn khuyến khích tôi đọc trước mặt các đối tượng. Như một lần trong cuộc liên hoan ở NXB Quân đội có mời một số nhà văn bản ngoài như các anh Nguyễn Đình Thi, Tô Hoài..Nguyễn Khải lại giới thiệu tôi đọc. Tôi cũng biết anh Khải làm thế không phải chỉ làm vui như anh nói, nhưng tôi thì có dịp là đọc, cũng là phép thử những gì mình viết ra, được công khai bao giờ cũng hơn vụng trộm. Sau này anh Khải có viết ý của mình về cái đó:...Theo tôi biết , các anh Nguyễn Đình Thi, Tô Hoài, Chế Lan Viên, Hoàng Trung Thông, đều có nghe những đoạn thơ nói về mình, nhưng họ chỉ cười và bỏ qua, không chấp, chuyện đùa mà, chuyện vui của đám trẻ mà. Nhưng in những đoạn thơ đó cho công chúng đọc thì khó mà vui, khó mà tha thứ được. Ví như ông Chế Lan Viên. Tôi cũng có nhiều điều muốn bàn cãi với ông Chế, nhưng trong thâm tâm tôi vẫn vô cùng kính phục cái tiết tháo, cái niềm tin rất mãnh liệt của ông Chế, còn cái tài của ông là cái tài của bậc thầy làm sao ta bị được. Nói cho cùng với các bậc tiền bối của giới văn, dẫu bọn ta còn chưa đồng tình một tính cách nào đó, một quan niệm nào đó, nhưng vẫn cứ từ trong vạt áo của họ mà ra cả..

Như tôi đã kể , khi tôi đọc bài thơ về Chế Lan Viên cho hai người đầu tiên nghe là Nguyễn Khải và VTN. Tôi thấy mặt anh VTN đỏ lên, đó là thói quen của VTN khi có gì xúc động . Còn anh Khải thì nói : Ông Sách chúc lấy kẻ thù số một rồi .Tôi biết trong thâm tâm anh Khải cũng thích bài viết của tôi, vì những ý tưởng đó tôi cũng rút ra từ trong tay áo của anh.Vì cái khẩu khí cũng có tính “ác” như anh. Như anh đã cảnh báo tôi, nhưng vì tính cách vốn có mâu thuẫn nội tại nên anh vừa ủng hộ tôi vừa muốn có người trị tội tôi, như sau này anh đã viết :

...Không ngờ Xuân Sách cũng khôn ngoan mà về già lại có tính toán lắm lắm, cho in những đoạn thơ giễu một thời thành tác phẩm văn học chủ chốt của đời mình. Bữa nọ ở Hà Nội có một ông bạn thuộc giới quân nhân chẳng biết đọc được ở đâu tập *Chân dung* bảo tôi nửa đùa nửa thật :“*Các ông xấu xa như thế mà luôn đòi dạy bảo thiên hạ thì buồn cười quá.*”Tôi chỉ còn biết cười gượng thôi, vì xấu hổ quá, xấu hổ cho mình, cho bè bạn, cho cả giới .

Tất nhiên dù người từng trải sắc sảo như Nguyễn Khải cũng không thể tránh khỏi sai lầm .Và rồi cuối cùng tôi không phải là kẻ thù số một của Chế Lan Viên .Người như anh Chế chắc biết kẻ thù của mình là ai? Và tôi lại có ý nghĩ hơi huênh hoang rằng , biết đâu tôi góp phần để anh Chế Lan Viên hiểu ra điều đó.

Nguyễn Khải lại nói : Xuân Sách không hiểu rằng từ truyền miệng đến việc in ra trên giấy trắng mực đen là một khoảng cách chết người. Anh Khải đã nói với anh Lữ Huy Nguyên giám đốc NXB Văn Học rằng in tập thơ của tôi là đại đột - nhà xuất bản đại, tác giả đại.Vì theo anh Khải trong nghề văn có một điều cấm kỵ, tuy không có văn bản, là không được phép chê tài của nhau . Hoặc giả có chê là chê vụng giữa mấy người với nhau còn lên tiếng trước đám đông là không bao giờ .



Anh Khải quên rằng cái việc chê tài nhau trong giới thì đông tây kim cổ đều có. Tôi nghĩ rằng chê nhau có sai còn hơn khen thối. Tôi nghĩ chê đúng mà khối người “chết”, còn khen thối làm ô nhiễm môi trường vẫn đầy rẫy. Như anh Hoàng Yến, chỉ vì chê thơ ông Tố Hữu sau này nhạt như nước sirô pha loãng mà cả đời lận đận. Nhạc sĩ Văn Cao chỉ vì nói thơ ông Tố Hữu như ca dao hò vè mà chịu trận mãi về sau này.

Khen chê tài văn chương chưa chết ai nhưng khen chê về lập trường quan điểm qua văn chương mới chết người la liệt. Và điều này thì anh Khải rõ hơn ai hết. Chỉ cần nêu ra một ví dụ mà nhà văn đều biết.

Trong thời kì Nhân văn giai phẩm anh Khải là một trong những ngọn cờ đầu tiên phong nói và viết về những nhà văn sai lầm về đường lối văn nghệ của Đảng, trong đó có nhà văn Vũ Bao qua quyển tiểu thuyết *Sắp cưới*, mà tôi đã viết : *Sắp cưới bỗng có thằng phá đám/Nên ông chửi bố chúng mày lên ...*Chao ôi anh Vũ Bao ngậm bồ hòn gần suốt cuộc đời .

Anh Khải rồi cũng thấy ân hận, nên năm 95 nhân Đại hội nhà văn, anh Khải đã chủ động xin lỗi anh Vũ Bao trước mặt mọi người. Hai người đã bắt tay nhau, thời buổi khép lại quá khứ hướng tới tương lai mà. Nhưng rồi đến cuối đời anh Vũ Bao kiểm tra lại đời mình lại thấy nỗi oan khuất không thể nào quên được, anh lại làm bức thư ngỏ gửi anh Khải và bạn bè rằng anh không thể nuốt hận được để tha thứ cho anh Khải. Giờ đây anh Vũ Bao đã qua đời, không biết sang thế giới bên kia anh có quên được không?

Năm 1976 Nguyễn Khải viết vở kịch *Cách Mạng*, nói về dân Sài Gòn trong những ngày vừa giải được phóng. Anh lấy nguyên mẫu chính những người trong gia đình anh ở Sài Gòn làm nhân vật cho kịch. Kịch của anh kén đoàn diễn bởi anh viết không theo mảng miếng thắt nút cởi nút như thông thường. Hơn nữa, nội dung cũng có nhiều điều gay gắt. Nhưng lúc nhiều diễn viên điện ảnh chưa có phim làm, anh Khải thuyết phục họ dàn dựng. Có thể nói kịch của Nguyễn Khải là loại kịch để đọc, đọc văn ông Khải trên sân khấu. *Vở Cách Mạng* được dựng xong vào lúc Đại hội Đảng lần thứ tư sắp khai diễn. Tôi biết anh đã quyết định diễn trước đại hội cho các đại biểu xem. Anh Khải cũng hỏi tôi. Tôi nói diễn trước một đối tượng như vậy thì còn gì hơn nữa. Tôi cho rằng không còn thời điểm nào tốt hơn...

Anh Khải nhờ tôi một việc, tối nay ông đi xem nhờ ông để ý đến thái độ của thủ lĩnh chúng ta như thế nào, rất khó qua mắt ông này. Tức là ông Tố Hữu. Thường diễn viên kịch chạy tay ngang sang đóng phim, phim trở nên rất kịch. Còn vở kịch này do các diễn viên đóng tôi lại thấy họ diễn tự nhiên rất hợp. Khi vai chính ông chủ gia đình ra sân khấu tôi giật mình: nhân vật giống như cụ thân sinh ra tác giả, người mà nhà văn lấy làm nguyên mẫu. Người mà tôi được tiếp chuyện cụ nhiều lần trở thành người thân trong gia đình. Và chị Tuệ Minh diễn viên điện ảnh có đài từ khá tốt, chị nói lưu loát và biểu cảm đúng ý tác giả khi chị nói: “Các vị nói với tôi một cách không thân thiện rằng xã hội chủ nghĩa (XNCN) vào đây có nghĩa là xếp hàng cả ngày, nhưng thưa các vị tôi từng xếp hàng không chỉ cả ngày mà cả nửa đời người mà không kiếm nổi tám chông”. *“Đấy là lời lẽ của cô Phượng cô gái Sài Gòn không chịu đi làm sờ Mỹ và bây giờ vui về khi gặp được Cách Mạng”*.

Vở kịch đã kết thúc êm ả. Tôi làm nhiệm vụ của mình ngồi trong góc khuất thỉnh thoảng liếc nhìn ông Lành. Tôi thấy ông lim dim mắt, không biểu lộ gì rõ rệt. Lúc ra về, tôi đi phía sau ông. Một nhà thơ cỡ nhớn hỏi ông: “Thưa anh, thấy thế nào?”

Ông trả lời ngay: “Thằng Khải xỏ lá.”

Vợ chồng nhà thơ Vũ Cao cũng đi xem. Chị Khang nói với tôi: - Anh Khải bạo gan quá!

Tôi cũng bạo gan dù không hiểu gì nhiều về kịch nghệ cũng viết bài phê bình “Cách mạng” đăng trên tạp chí có ngụ ý làm vài cái nút chặn, vài lỗ hồng của vở kịch để ngăn ai đó khỏi suy diễn.

Anh Khải cũng không lấy làm lo về ý kiến ông Tố Hữu vì có nhiều vị cấp trên của ông ngồi xem, và tác giả biết rõ tâm lý các cụ đang để vào một Đại hội Đảng rục rờ sau chiến thắng không hơi đâu để ý đến chuyện nhỏ. Một lần tôi được đi cùng các anh bên điện ảnh quân đội vào chiếu một cuốn phim tài liệu quan trọng để ông Trường Chinh thông qua. Cùng dự có cả ông Tố Hữu. Ông Trường Chinh nhận xét cuốn phim tốt và chỉ ra vài chi tiết cần xem thêm, ông còn nhấn đó là ý kiến riêng các anh thấy đúng thì sửa, không thì thôi. Lúc đi ra ông Tố Hữu có bá vai người phụ trách điện ảnh nói gì đó. Ông Trường Chinh liền nói : Phim như thế là được, anh Lành đừng làm anh em phân tâm.

Tôi rất phục Nguyễn Khải về cái tài sáng tác nhanh nhạy những vấn đề mới mẻ và rất giỏi gửi gắm nhiều điều xuôi lọt được, không phải ai cũng làm được như thế.

Tôi biết anh Khải là người tính toán rất kỹ, hầu như anh nói cũng như viết đều được cân nhắc ít khi có cái cảm hứng nghệ sĩ , tài tử bất chợt. Vậy mà không hiểu anh đã giải quyết như thế nào những mâu thuẫn nội tại của anh, khiến tôi phải giật mình khi đọc cái thư của anh gửi Ban chấp hành vào năm 1988 lại có cái đoạn nói về ông Nguyễn Hữu Đang như vậy.

Tôi xin nói thêm vài lời tóm tắt về ông Nguyễn Hữu Đang. Nhiều người đều xem ông là trí thức với nghĩa đẹp, người đã tham gia cách mạng từ rất sớm, được sự ưu ái của cụ Hồ, nên cụ mới giao cho ông là trưởng ban tổ chức ngày lễ độc lập 2/ 9/1945 trong 4 ngày cuối tháng Tám : rồi sau này trong vụ án Nhân văn ông bị đi tù một cuộc 15 năm như cô Kiều, đến nỗi khi được tha ông không biết là Việt Nam có cuộc chống Mỹ . Chắc chắn ông Khải biết về ông.

Nguyễn Khải viết:

“ ...bỗng nhiên có một nhà chính trị, cũng là dân làm văn làm báo của Đảng từ trước cách mạng, nhưng đã mất ngôi mất quyền, liền đứng ra tổ chức tờ báo cho những nghệ sĩ ham chuộng tự do được tự do bày tỏ nỗi niềm. Mình thì nói tự do về nghệ thuật, họ thì nói tự do về chính trị, họ muốn giành quyền, muốn đòi quyền. Nhưng họ không thể làm được những chuyện đó Thân phận họ tầm thường, tài nghệ thì vớ vẩn , tập hợp thế nào được dư luận và công chúng, nhất là công chúng của chúng ta, mượn cả tiếng kêu thống thiết và cảm động đòi tự do để sáng tạo của chúng ta nữa. Nhà chính trị ấy là ông Nguyễn Hữu Đang, ông đó mới thật là linh hồn, kẻ xúi giục và tổ chức ra mọi sự của cái thời ấy. Mưu mô bị vỡ lở, kẻ chủ mưu phải ngồi tù, anh em mình không đi tù nhưng bị treo bút những mấy chục năm còn đau khổ cực hơn cả đi tù. Mấy ông chính trị thất thế, lấm tham vọng, lấm mưu mô có đi tù tôi cũng không thương . Đã theo cái nghề ấy ắt phải chịu cái nghiệp ấy. Chỉ thương anh em mình lòng trong dạ thẳng, nông nỗi thơ ngây, cứ nghĩ bụng dạ họ cũng như mình, nào ngờ họ lại nghĩ ngợi sâu xa như thế.”

(Bổ sung về Nguyễn Hữu Đang :Rồi ông phải về quê sống trong túp lều và dưới sự quản chế của địa phương. Ông xin võ bao thuốc lá đổi cho trẻ con làm đồ chơi để chúng nó bắt cóc nhái cho ông làm thực phẩm nuôi sống cái xác phàm. Sau thời kì đổi mới ông mới được về Hà Nội, có một sự đền bù nào đó cũng lu mờ như án đi tù không rõ là tội gì và xử như thế nào đó là cách hành xử về luật pháp thời đó .Tôi nhớ một lần nhà văn Nam bộ Hà Mậu Nhai ở *Văn nghệ Quân đội*, người trung thực thẳng tính, anh cãi với một ông tướng cấp trên rằng anh làm đúng pháp chính vô sản, là chỉ thị nghị quyết của Đảng.

Anh Phùng Quán có nói với ông Đang : - Bọn em bàn hỏi vợ cho anh, anh thấy thế nào ?

- Lấy vợ có thú không ?

- Thú lắm anh ạ !

Đến tuổi tám mươi bạn bè tổ chức lễ mừng thọ cho ông Nguyễn Hữu Đăng, trưởng ban tổ chức Phùng Quán tuyên bố : “Hôm nay chúng ta làm lễ thượng thọ cho cụ Đăng. Ông là người sống độc thân và đặc biệt năm nay tám mươi xuân ông còn là trai tân”.

Lúc trẻ ở Hà Nội ông đã có người yêu là cô gái đẹp con nhà thế gia. Sau 1945 hai người cũng có ý định kết hôn . Nhà gái đòi “Sính lễ” rất độc đáo . Biết ông là người thân cận của cụ Hồ nên nhà gái chỉ yêu cầu làm sao cho con gái họ được cái vinh dự tiếp kiến Cụ Hồ một lần. Ông Đăng không muốn làm điều đó nhưng bạn bè đã giúp ông. Nhân dịp bộ phận hậu cần đã may áo trấn thủ để bộ đội chống rét, trước khi gửi xuống các đơn vị có tổ chức buổi lễ dâng chiếc áo lên Bác Hồ và bắn phát lệnh gửi cho các chiến sĩ . Mấy người bạn đã mời cô gái người yêu của ông Đăng làm người cầm áo trấn thủ trực tiếp dâng lên Bác.

Rồi đám cưới chưa kịp tổ chức thì kháng chiến bùng nổ, ông Đăng lên chiến khu Việt Bắc. Sau chín năm trở về Hà Nội thì mọi chuyện đổi thay. Ông Đăng cũng chưa muốn lập gia đình khi còn bận bịu công việc và mọi chuyện xảy ra với ông như ta biết .Tám mươi vẫn là trai tân. Các nhà khoa học đã sai khi chứng minh rằng những người sống độc thân thường chết sớm vậy mà cụ trai tân Nguyễn Hữu Đăng đang đi tới mốc sống trên đời tròn bách tuế. Chao ôi, một đời như vậy có bao nhiêu chuyện đáng nói, đáng suy ngẫm.

Và nhà văn Nguyễn Khải năm 1988 đã viết về Nguyễn Hữu Đăng như sau:....

Cũng trong bức thư đó Nguyễn Khải tiếp lời trấn tĩnh của mình:

“Lại thêm một kinh nghiệm nữa của riêng tôi thôi. Năm 74 một nhà chính trị đương quyền có nhờ tôi viết một loạt bài chống cách sống tiêu cực, góp phần xây dựng một cách sống thật cộng sản. Tôi nhận lời ngay, và đã viết một loạt bài trong tâm trạng hào hứng và xúc động .Vì nó cần thiết, vì nó thỏa lòng. Bỗng dưng bài gửi tiếp không được đăng nữa. Những bài được đăng được các cơ quan có trách nhiệm duyệt xét lại, và tôi trở thành tên cầm đầu của một nhóm “Nhân văn giai phẩm” gì đó, nhưng nguy hiểm hơn là đã lấy chính báo Đảng làm diễn đàn để truyền bá tư tưởng chống đối của mình. Người phê phán tôi gay gắt nhất là người đã yêu cầu tôi viết bài .Tôi không nói lại một lời nào, cũng không oán hận một ai cả... Nhưng tôi tự thề với mình là từ nay chỉ viết bằng vài suy nghĩ độc lập của chính tôi, không nghe lời dẫn dụ của bất cứ ai, cho dầu là người mình rất quý mến.

Mình là người tử tế chẳng lẽ suy nghĩ riêng lại không tử tế hay sao? Tôi không thích lại một lần nữa Hội nhà văn và lĩnh vực văn nghệ lại trở thành trận địa quyết chiến của mấy ông lắm mưu tranh bá đồ vương .Tôi không nói vu đâu, cái sự chửi bới bôi nhọ vu khống tất cả ai dám nói ngược, đe dọa ra mặt hoặc bắn tin đe dọa bất cứ ai tỏ vẻ lạnh nhạt, hoài nghi cái sự tàn sát tận diệt, gây một không khí căng thẳng hung bạo ấy là sặc mùi chính trị ...

Một lần nữa , với mấy anh muốn mượn nhà văn để xây dựng công hầu , tôi xin có lời kêu gọi khẩn thiết: “Hãy buông tha chúng tôi, đừng xúi giục anh em tôi đánh nhau lần nữa , đừng quý rầy chúng tôi, đừng lợi dụng chúng tôi.”

Vào những năm đầu thế kỷ mới Nguyễn Khải viết cuốn tiểu thuyết “*Thượng đế thì cười*” mà anh nói là quyển sách của đời mình.

Quyển sách được Tạp chí Hội Nhà văn in trong ba số. Đến số thứ ba thì có lệnh miệng ở Ban tư tưởng dừng in đoạn ba vì có vấn đề nhạy cảm. Tổng biên tập là nhà văn Hà Đình Cẩn vốn là lính nói :Tôi không thể không đăng tiếp, còn nếu muốn dừng thì cho ngay cái quyết định cách chức tổng biên tập.

Rồi quyển sách cũng được in trọn , người đọc tìm được vấn đề nhạy cảm ấy là đoạn Nguyễn Khải viết về giai đoạn anh được bầu vào Quốc hội. Vì quyển sách là dạng hồi ký Nguyễn Khải tổng kết cuộc đời mình. Có thể tóm tắt đoạn ấy như sau, cũng chưa đến nửa trang.

Trước hết anh phải giải thích việc anh được trúng cử nghị sĩ . Ở Thành phố Hồ Chí Minh mấy ai biết được nhà văn Nguyễn Khải , sở dĩ trúng cử là vì trùng tên với tên ông Phan Văn Khải. Và anh kể những buổi họp cử tửng Quốc hội bàn về những vấn đề lớn của đất nước hóa ra tốn quá nhiều thì giờ vào việc thay vài câu vài chữ trong những bản dự luật nên nhiều đại biểu tranh thủ ngồi chộp mắt như các ông nghị gật. Và năm năm ở khóa Quốc hội đại biểu Khải chỉ phát biểu được một câu một lần với ý kiến đề nghị cho ra đời nhà xuất bản tư nhân và báo tư nhân. Tất nhiên không phải ông nghị Khải ngu ngơ mà ông biết rõ đó là một “yếu huyệt” kiêng đụng đến. Vì thế hội trường im phăng phắc rồi có một người lên tiếng , đây là bà nghị sĩ Ngô Bá Thành. Bà phản đối ông Khải với lý lẽ và giọng hùng biện của luật gia. Nguyễn Khải viết: “ Hóa ra tôi là thằng cộng sản lại bị bà tư bản phê phán về việc đòi tự do dân chủ cho báo chí”.

Khỏi phải nói dài. Nếu dám nhìn thẳng vào sự thật thì đó là sự thật mà nhà văn đã viết. Còn không thì tất nhiên nhà văn phải ăn đòn. Khi nhà xuất bản Hội nhà văn in thành sách theo đúng như đã đăng trên tạp chí. In xong có lệnh quyển sách phải “đắp chiếu” nằm đấy chờ phán quyết cuối cùng. Cuối cùng là muốn phát hành thì phải bỏ cái đoạn nhạy cảm ấy đi, như thế cũng là nhẹ đối với một nhà văn nổi tiếng đã vào tuổi thất tuần. Nguyễn Khải lại phải tự vấn tự đấu tranh. Cùng lúc đó báo *Văn nghệ* không biết tình cờ hay có chủ ý cho đăng một bài báo kể về chuyện một nhà văn nước Cộng hòa Séc. Một nhà văn đương đại đang nổi tiếng có thói quen la cà uống bia ở quán bình dân. Lần đó Tổng thống Hoa Kỳ Bill Clinton sang thăm Séc gặp Tổng thống chủ nhà, ông Havel cũng là một nhà văn. Ông Bill có nghe tiếng nhà văn nọ, đề nghị ông Havel cho mời nhà văn tới gặp mặt. Ông Havel cho đánh xe đến quán bia tìm và đã gặp nhưng nhà văn trẻ kia nói : “Tôi chẳng có chuyện gì để gặp các ông ấy, còn nếu muốn gặp tôi xin mời hai vị đến quán bia này ta nói chuyện”.

Rồi hai vị Tổng thống đã đến quán bia. Kể chuyện này vì Nguyễn Khải cũng có một hành xử tương tự khi ông cấp trên mời Nguyễn Khải đến gặp để thương thảo về cuốn sách. Một người biết chuyện hồi hộp chờ đợi về cuốn sách “*Thương đế thì cười*” cũng được công khai ra mắt bàn dân thiên hạ. Nhưng... cái đoạn kia đã bị cắt , chỉ để lại ba dấu chấm tượng trưng. Sự dửng dưng để nói lên sự thật bao giờ cũng có giới hạn , không được hưởng sự vô biên của những lời dối trá.

Sau khi vở kịch “*Cách Mạng*” được công diễn tôi đã hoàn thành bài thơ chân dung viết về nhà văn là bạn gần gũi của tôi. Tôi hạ hai câu cuối:

*Xung đột mỗi ngày thêm gay gắt  
Muốn làm cách mạng nhưng lại dốt.*

Trong thâm tâm tôi mong mình nói sai, không ngờ ba mươi năm sau vẫn đúng. Tiếc lắm anh Khải ạ!” (Hồi ký *Giải mã chân dung*).

Chân dung Nguyễn Khải

Cha và con và... họ hàng và...  
Hết bay mùa thóc lẫn mùa lạc  
Cho nên chiến sĩ thiếu lương ăn

Họ sống chiến đấu càng khó khăn  
Tháng Ba ở Tây nguyên đổ lửa  
Tháng tư lại đi xa hơn nữa  
Đường đi ra đảo đường trong mây  
Những người trở về mấy ai hay  
Xung đột mỗi ngày thêm gay gắt  
Muốn làm cách mạng nhưng lại dạt!

\*

Nguyễn Minh Châu cùng tuổi với Nguyễn Khải nhưng có tác phẩm muộn hơn. Năm 1966 tiểu thuyết đầu tay *Cửa sông* ra đời, báo hiệu một nhà tiểu thuyết Nguyễn Minh Châu. Nhưng phải đến tiểu thuyết *Dấu chân người lính* (1972) thì văn tài của nhà tiểu thuyết mới được khẳng định. Tuy nhiên, phải hơn chục năm sau, khi *Người đàn bà trên chuyến tàu tốc hành*(1983), *Bến quê* (1985) và “*Hãy đọc lời ai điếu cho một giai đoạn văn nghệ minh họa*”(1987) (5\*) xuất hiện và làm chấn động đời sống văn học thì độ lớn của nhà tiểu thuyết Nguyễn Minh Châu mới hiện rõ. Hồi ký *Giải mã chân dung* của Xuân Sách đã giúp chúng ta có được cái nhìn bao quát văn nghiệp cũng như cuộc đời của Nguyễn Minh Châu từ lúc tác phẩm đầu tay ra đời cho đến lúc ông vật vã ra đi vào cõi vĩnh hằng:

“Nguyễn Minh Châu cùng một lứa như tôi: học sinh vào bộ đội, có điều anh không làm việc trong ngành chính trị, báo chí như chúng tôi mà làm sĩ quan tham mưu. Sau này khi hiểu rõ về anh chúng tôi thường trêu: Ông Châu làm tham mưu, không biết ông đưa bộ đội đi đánh nhau như thế nào nhỉ?

Châu đỏ mặt: Tôi vạch kế hoạch tác chiến trên giấy rất chính xác.

Sau năm 1954, tạp chí cử tôi về Quân khu Tả ngạn mở lớp “Bồi dưỡng bạn viết” Nguyễn Minh Châu có dự trại. Anh ngồi co chân trên bậu cửa sổ để có đủ ánh sáng đọc cái truyện ngắn đầu tay của mình có cái tiêu đề giản dị “Củ sắn”. Tôi không lạ về thái độ hồi hộp rụt rè của những người mới viết, nhưng tôi ngạc nhiên vì cái vẻ có phần uể oải chán ngán của Nguyễn Minh Châu, nhất là lúc anh nghe mọi người góp ý về cái chuyện của mình. Chuyện của anh chưa phải là hay nhưng rõ ràng không có tí vết về sự ấu trĩ cầu thả và đã ló dạng nét tài hoa, nhất là về mặt chữ nghĩa. Nhưng anh chán nó, xấu hổ về nó. Anh đã ý thức về cái nghiệp anh sắp dần thân vào. Đó không phải là công việc tài tử, dễ dàng, nó sẽ cuốn hút cuộc đời mình vào con đường khó khăn, đau khổ không lường hết được. Hầu như suốt đời Nguyễn Minh Châu vẫn giữ cái ý nghĩ ấy, và anh chấp nhận sự thách thức ấy một cách bền bỉ và dũng cảm.

“Truyện của ông viết được đấy”- Tôi nói riêng với Châu. Anh cười phá lên, thường anh ít cười như thế trừ khi có gì kích thích đột ngột từ bên trong: “Cảm ơn ông đã động viên tôi”.

Nửa năm sau tôi gặp anh đang học ở trường văn hóa tại Lạng Sơn. Trường này bồi dưỡng một số kiến thức cần thiết trước khi ra nước ngoài học tập. Nguyễn Minh Châu được chọn đi học ở Liên Xô về báo chí. Tôi lại gặp cái vẻ chán ngán của anh sau khi nghe tôi chúc mừng vận may anh đang có mà nhiều người thêm muốn.

- Nay ông, tôi về *Văn nghệ Quân đội* được không?

Nguyễn Minh Châu thường có cách nói đột ngột không rào đón. Sau này tôi còn được nghe nhiều lần cách nói ấy. Lần cuối cùng là vào năm 1988 khi tôi đã vào cư trú ở Vũng Tàu. Tôi đến

chùa Pháp Hoa ở Đồng Nai thăm anh đang nằm chữa bệnh hiểm nghèo. Trông thấy tôi anh reo lên:

- Sướng quá ông ơi, từng chữ, từng chữ cứ rơi sang sảng trên mặt giấy, là tôi nói cái bài của Dương Thu Hương đăng trên báo Văn nghệ. Bọn trẻ chúng nó hào sảng trong cách nói cách viết. Bọn chúng mình uốn éo quá lâu đâm ra mất nét.

Xin được trở lại câu chuyện ở Lạng Sơn.

- Ông bỏ học ư? Bỏ xuất ngoại ư? Tôi lắm bầm.

- Là tôi nói thế, chứ về chỗ tạp chí các ông khó lắm. Bọn tôi đến cái nhà số 4 Lý Nam Đế cứ như con chiên đến tòa thánh, ông cũng chẳng giúp được tôi đâu.

Cuối năm, sau một đợt đi thâm nhập thực tế trở về, tôi thấy Nguyễn Minh Châu đã có mặt ở nhà số 4. Phải qua một bước đệm, anh công tác ở Phòng Văn nghệ là cơ quan theo dõi phong trào văn nghệ quần chúng, lúc đó cùng chung nhà với chúng tôi, hai năm nữa anh mới về tạp chí.

Mỗi khi có một *lính mới* về Tòa soạn, tuy không có văn bản nào quy định, nhưng ai cũng trải qua một thời kì thử thách gay go, gọi là thử. Nắn thì thôi, bài được đăng hay bỏ đi, buồn vui đấy, nhưng cũng chẳng sao. Bước chân về đây, viết đã trở thành một nghề một nghiệp. Thành hay bại ảnh hưởng đến cả một đời. Những sáng tác đầu tiên trình làng giống như tấm hộ chiếu nhập cảnh làng văn.

Sau một thời gian đi thực tế trở về, Nguyễn Minh Châu nộp cho tòa soạn một cái truyện ngắn dài tới 30 trang viết tay khổ giấy học trò. Kỳ đó Nguyễn Khải và tôi trực biên tập. Chúng tôi đọc xong không nói gì, đúng ra là không cần nói gì nữa. Chúng tôi pha ấm trà, mở bao thuốc và mời tác giả đến phòng mình. Người trong nhà không phải rào đón, Nguyễn Khải nói luôn:

- Thôi khỏi vờ vịt nữa, ông Châu, thế là chúng tôi biết tay ông rồi. Nếu có gì muốn nói với ông thì đây là ông tiêu hoang quá dù ông đã viết đến ba chục trang nhưng vẫn còn dồn nén quá. Cái này đủ dùng cho một cuốn tiểu thuyết. Tôi là thằng ít vốn, thấy ông tiêu hoang tôi xót của lắm.

Châu vốn kín đáo, trầm tĩnh, lúc này mắt sáng lên: - Cám ơn các ông.

Rồi Châu châm thuốc, bậm môi chép miệng như người vừa được ăn một bữa ngon lành.

Hai năm sau, "*Cửa sông*" ra đời. Nguyễn Minh Châu *perestroika* (dỡ ra làm mới lại) cái truyện kia thành cuốn tiểu thuyết: anh vào nghề bằng tấm hộ chiếu đỏ không cần thủ tục kiểm tra rườm rà.

Quyển sách được đón nhận nồng nhiệt và cũng có những vấn đề gay gắt cho những người thích soi tìm, nhất là với một tác phẩm đầu tay, với một tác phẩm mới toanh. Vào thời đó mà tác giả đã "dám" viết một ông bí thư huyện ủy có hai vợ. Có lẽ vì nó hay nên cũng yên ổn. Có một vị tướng tài ba đã khen hết lời và công khai bảo vệ.

Năm 1967, tôi và Nguyễn Minh Châu vào chiến trường miền Nam như một người lính. Ba lô, mũ tai bèo, khẩu súng lục và chiếc gậy Trường Sơn, tôi và Châu đều hút thuốc nên mang theo gói thuốc lá sợi nén chặt với tập giấy pơluya để cuốn thuốc và một bút danh mới cho những bài viết từ chiến trường gửi ra cho Tòa soạn.

Một hôm, tôi đang ngồi trong lán thấy Nguyễn Minh Châu từ cửa rừng đi vào. Anh ra trạm đón tiếp gặp một đồng chí đại đội trưởng công binh có nhiều chiến công về bộ chỉ huy mặt trận để báo cáo. Tôi giật mình thấy Châu người đầy máu, từ mặt mũi đến quần áo, anh ném vội túi tài liệu cho tôi rồi nhảy ùm xuống suối.

Trước đó tôi có nghe tiếng máy bay và tiếng một phát rocket nổ ngoài cửa rừng, ở mặt trận như vậy được coi là yên tĩnh. Phát đạn ấy đã bắn trúng vào chỗ nhà văn và đại đội trưởng công binh. Với kinh nghiệm chiến trường, đại đội trưởng đẩy vội nhà văn xuống hầm trú ẩn rồi lao tiếp xuống sau. Phát đạn đã trúng vào hầm và người đại đội trưởng hứng trọn, để lại máu và thịt vụn trên người Nguyễn Minh Châu và anh hiểu mình đã thoát chết nhờ đồng đội. Buổi tối hôm đó nằm cạnh tôi, anh trần trọc, đốt thuốc liên hồi, thỉnh thoảng quay sang tôi: "Này ông..." rồi lại im bật. Tính Châu vốn ít nói, không ưa diễn đạt bằng lời những ý nghĩ của mình. Tôi cũng nghĩ không cần nói gì nữa lúc này.

Mấy hôm sau cũng ở nơi này chúng tôi cùng chứng kiến một bi kịch hiếm có trong hoàn cảnh thời bấy giờ. Tôi hay đến tiểu đội trinh sát gồm những chàng trai ưu tú, công việc này không chỉ cần dũng cảm mà còn phải mýu trí linh hoạt. Tiểu đội phải bỏ sung luôn, mỗi lần đi không phải lần nào cũng trở về đầy đủ. Lần đó có một tổ đi trinh sát trong vùng sâu do tiểu đội trưởng Đ chỉ huy. Đ là người Nghệ An đang yêu một cô gái làm kế toán ở cơ quan bộ chỉ huy. Cô S người Quảng Bình đẹp mặn mà, nhiều chàng trai để ý nhưng cô đã yêu Đ khiến một chàng trung úy sàu nào làm thơ gửi cho S thường bị cô khéo léo trả lại. Một lần tôi bắt gặp Nguyễn Minh Châu đi vòng quanh chỗ S đang sàng gạo. Tôi nói:

- Trông ông rất giống con gà trống xòe cánh lượn vòng. Tên cô ấy là Sạn nhưng không phải hòn sạn đâu mà là đường sạn đạo, đường vào đất Ba Thục gặp ghềnh hiểm trở lắm đấy!
- Thằng hủ nho! Châu đỏ mặt nói lại.

Đêm hôm đó đang ngủ say chúng tôi giật mình tỉnh dậy vì một tràng súng tiểu liên nổ. Chúng tôi lao đến nơi ấy. Trước mắt một cảnh tượng không thể tin nổi. Cô Sạn nằm trên giường đã chết, máu loang ngực, và tiểu đội trưởng Đ ngồi dựa vào giường đã chết, tay còn cầm khẩu tiểu liên.

Chiều tối hôm đó, Đ đi trinh sát về, S dọn cơm cho anh. Đơn vị làm thịt chó S có để dành cho anh một đĩa thịt ngon. Một cậu lính trẻ thiếu ý thức đã để vào đĩa thịt đó một miếng thịt chó mà khi làm thịt người ta đã khoét vứt đi. Khi ăn miếng thịt đó Đ biết ngay, anh bỏ bát đĩa đứng dậy. Khi S hiểu ra sự thể chạy đi tìm Đ nhưng không gặp được, biết tính người yêu cô đã dự cảm một chuyện ghê gớm sẽ xảy ra. Điều ngạc nhiên là cô bình tĩnh đón nhận nó. Chập tối cô bảo cô cấp dưỡng thường ngủ chung: "Tối nay em ngủ chỗ khác nhé, chị bận tính toán sổ sách".

S đã xem lại sổ sách tính toán rành mạch mọi khoản, sắp xếp gọn gàng rồi cô vụn ngọn đèn dầu thật nhỏ ngồi đợi người yêu. Nửa đêm Đ đến rồi tiếng súng nổ. Không ai biết sự thể xảy ra như thế nào.

Tôi và Châu dự đoán về tấn bi kịch ấy. Châu nói:

- Trong chiến tranh tâm trạng con người khác lắm. Không có thời gian suy nghĩ kĩ càng. Đối với cậu trinh sát ấy lại càng thiếu thời gian. Biết đâu ngày mai vào trận không trở về. Mỗi tình của họ sâu sắc lắm họ mới có thể kết thúc một cách nhanh chóng như vậy. Đơn vị chôn cất hai người bên cạnh nhau trên bãi cỏ dưới tán những cây rừng. Tôi và Châu kiếm được một bó hoa dại, trong đó có mấy mẫu đơn rừng màu đỏ như máu. Khi còn lại hai đứa, Châu nói: - Cả ông, cả tôi cùng có trách nhiệm trong cái chết này.
- Đúng, chúng ta đều có tội.

Đó là món nợ của người cầm bút phải trả bằng tác phẩm. Đã ở chiến trường, đã hiểu thế nào là vẻ đẹp và nỗi gian nan cực nhọc của người lính, uốn cong ngòi bút là phản lại đồng đội.

Nguyễn Minh Châu rèn luyện bản lĩnh của mình theo hướng đó. Những tác phẩm của anh lần lượt ra đời ngày một khởi sắc: *Dấu chân người lính*, *Lửa từ những ngôi nhà*, *Bến quê* - và hai truyện ngắn xuất sắc theo ý tôi là có tầm cỡ thế giới là *Người đàn bà trên chuyến tàu tốc hành* và *Khách ở quê ra rồi* sau này là *Cỏ lau* - và *Phiên chợ Giát*. Tôi đọc Nguyễn Minh Châu nhiều khi bồi hồi ngân ngơ trước những trang viết xuất thần. Tôi vừa đùa có chút ghen tị nói với anh: “Ông đừng vội lên mặt, chẳng qua trời cho ông đấy thôi.”

Năm 1988 được tin Nguyễn Minh Châu vào chữa bệnh ở chùa Pháp Hoa thuộc Đồng Nai. Lúc này tôi vào Nam đã được 4 năm và đang ở Vũng Tàu. Tôi đến chùa Pháp Hoa thăm bạn. Anh già đi nhiều, tóc rụng, răng rụng, căn bệnh hiểm nghèo mà anh đã cảm nhận được, khiến cặp mắt chột lạc đi như đang nhìn vào cõi hư vô vậy. Nhưng rồi lập tức anh trở lại cõi thực, ngòi dấy linh hoạt hẳn đi như muốn trút ra với tôi bao nhiêu điều định nói:  
- Nhưng mà thôi, ông ở lại đây với tôi một ngày thì mới nói chuyện được.

Tôi trở lại. Chúng tôi nằm trên chiếc giường cá nhân kiểu bộ đội. Không khí nồng mùi hơi người, mùi lá cây thuốc phơi đầy sân. Nhiều người đến thăm anh, chung quanh giường còn đầy quà. Anh đưa cho tôi một chùm nho chín mọng.  
- Của một ông tướng cho mình. Ông này hay lắm, hôm đến đây tình cờ có cả Trần Văn Thủy. Mình giới thiệu với ông ấy đây là đạo diễn của phim: “*Hà Nội trong mắt ai*” và “*Người tử tế*”. Không biết anh đã xem chưa?” Tôi là tướng nên tôi khâm phục lòng dũng cảm của anh, văn nghệ phải thế, các ông cầm bút phải thế cho nhân dân được nhờ.”

Trần Văn Thủy đến thăm Châu và cũng có ý định xem Châu có ý định viết một kịch bản phim không. Nguyễn Minh Châu nói những ngày nằm ở đây anh có cảm hứng từ văn chiêu hồn của Nguyễn Du gợi ý viết cái gì gì đó về cõi “đêm trường dạ tối tăm mù mịt”. Anh đang lo bệnh tật không cho anh được viết. Anh nói với Thủy có thể anh sẽ phác thảo một kịch bản phim đưa Thủy. Lúc này Châu đang suy nghĩ tìm một nhân vật chính. Nghe vậy tôi chợt có liên tưởng liền nói với anh rằng tôi đọc bài báo viết một chuyện có thật hiện đang xảy ra ở Thái Bình. Một người đi bộ đội chiến đấu trong nam hi sinh, có giấy báo tử về nhà, gia đình và địa phương đã làm lễ truy điệu, giải quyết chính sách liệt sĩ cho gia đình. Không ngờ người lính trở về. Chuyện đó cũng không hiếm, nhưng chuyện đáng nói là anh bộ đội trở về không làm cách nào để trở lại là người đang sống. Bao nhiêu rắc rối về thủ tục, vô tình anh ta trở thành người chưa chết nhưng cũng không còn sống.

Nguyễn Minh Châu ngồi bật dậy như một người khỏe mạnh reo lên:  
- Thế là xong rồi, cái chuyện ông kể giúp tôi tìm ra cái thằng cha ấy rồi, không ai khác được nữa. Khi anh ta là người chết thì đi lang thang trong cái thế giới cô hồn của Nguyễn Du, có bao nhiêu chuyện của thế giới bên kia để nói. Rồi khi anh ta là người sống lại phải lo về chuyện đời trước mắt: Vợ đi lấy chồng, ông nhớ chứ, cái truyện ngắn mà chúng mình rất thích của một bạn viết gửi về tạp chí?

Tôi xen lời:

- Đó là truyện: *Tôi là chồng của vợ anh ta*. Đúng đúng, Châu hào hứng. Thế rồi sao nữa... anh chìm đắm trong mạch truyện, cả lũ chúng ta giàu nghèo, sang hèn... cùng trở về cái kiếp chúng sinh phân ra mười loại, mà văn nhân chúng ta được xếp ở bậc chín, dưới dĩ trên ăn mày... Chẳng là cái gì cả, chúng mình chẳng làm nên cơm cháo gì đâu... Nhưng chí ít cũng phải làm cái gì đó để không hổ thẹn với mình.



Tôi biết Nguyễn Minh Châu đang đau khổ, biết mình sắp rời bỏ tất cả khi cuộc đời còn dang dở, mọi chuyện còn dở dang. Tôi tìm chuyện vui nói với anh. Kể vài chuyện tiểu lâm, đọc thơ Bút Tre rồi tôi đọc bài thơ chân dung về một nhà phê bình lý luận đến hai câu cuối: “*Suốt ngày đêm ông lắng nghe ngọn gió xoay chiều/ Nên đôi tai mới dài đến thế.*” Anh cười ngất, miệng mở rộng, mặt đỏ bừng. Tôi phát hoảng. Nhưng chị Doanh, vợ anh, vốn người trong ngành quân y, nói ngay :

-Anh đừng lo, anh Châu cười được như thế là sướng lắm đấy, tôi ngại anh ấy buồn, còn vui thì không sao!

-Các cụ đến lúc chết còn cầu nguyện cho nhau được ngậm cười nơi chín suối cơ mà!

Năm sau Nguyễn Minh Châu qua đời , đem theo kịch bản “*Cõi trường dạ*” cảm hứng từ *Văn chiêu hồn* của Nguyễn Du” (Hồi ký *Giải mã chân dung*).

### **Chân dung Nguyễn Minh Châu:**

Cửa sông cất tiếng chào đời  
Rồi đi ra những vùng trời khác nhau  
Dấu chân người lính in mau  
Qua miền cháy với cỏ lau bờ bờ  
Đọc lời ai điệu một thời  
Tan phiên chợ Giát hồn người về đâu?

\*

Phù Thăng là một bi kịch của người cầm bút, cũng gần giống như Hữu Loan với bài thơ “Màu tím hoa sim”. Phù Thăng nhập ngũ năm 1947, cùng thời gian với Nguyễn Khải. Năm 1963, Phù Thăng đã là trung đội trưởng trinh sát trong cuộc kháng chiến chống Pháp. Năm 1963 ông được đọc giả biết nhiều nhờ cuốn tiểu thuyết *Con nuôi của Trung đoàn* rồi sau đó là *Phá Vây*. Nhưng đến cuốn sau thì “gặp nạn”. Cuốn sách có trên 500 trang viết về chiến tranh thời chống Pháp, về người lính, chỉ có một câu như thế này: “*đời lính là đời quá nhọc nhằn*”. Câu văn ấy bị kết tội: Đang chống Mỹ - Ngụy, giải phóng miền Nam, viết thế ai còn muốn đi lính nữa?”. Phù Thăng và Xuân Sách có nhiều kỷ niệm sâu sắc và phần viết về Phù Thăng thật cảm động:

“Thiếu úy Nguyễn Trọng Phu là lính trinh sát của Trung đoàn 42 nổi tiếng, chiến đấu trong vùng địch hậu thời kỳ kháng chiến chống Pháp. Anh có năng khiếu và máu mê văn chương. Tác phẩm đầu tay “Con những người du kích”, một truyện ngắn đăng trên tạp chí *Văn nghệ Quân đội* năm 1953 được ngay giải cao trong một cuộc thi với bút danh ngộ ngộ: Phù Thăng. Đó là cách nói lái của “*thăng Phu*”. Thăng Phu có thân xác nhỏ thó, còm cõi, trọng lượng chỉ du di trong khoảng từ 37 đến 42 kí lô. Vì sao anh lại trụ ở ở bộ đội, lại là bộ đội trinh sát vừa cực nhọc vừa nguy hiểm? Đây là nhờ có cái đầu to quá khổ và cặp mắt sáng trợn. Nhờ cặp mắt ấy và trí nhớ cực tốt mà anh làm ở ở trinh sát. Bí mật chui sâu vào đồn địch , khi trở về anh vẽ lại bản đồ bằng trí nhớ rất chính xác. Ngoài chú thích bản đồ bằng tiếng Việt anh còn ghi thêm bằng tiếng Pháp bằng cái vốn kha khá của mình. Chiến công đầy mình nhưng có lẽ vì cái tính cách vừa “phù” vừa “thăng” nên anh không được kết nạp Đảng.

Tôi gặp Phù Thăng trong hoàn cảnh tức cười ấy. Bấy giờ đang có một công trường lớn, công trường Bắc- Hưng-Hải, xây dựng công trình thủy lợi cho ba tỉnh đồng bằng Bắc Ninh, Hưng Yên, Hải Dương. Lực lượng lao động chủ yếu là bộ đội, với những đơn vị miền Bắc và bộ đội miền Nam tập kết. Lúc đó tôi đang làm báo *Quân Bạch Đằng* thuộc quân khu Tả ngạn. Tôi được cử đến công trường vừa viết bài vừa làm công tác cổ động tuyên truyền tại chỗ. Một buổi tối, tôi đến chỗ đặt máy nổ của công trường cho chạy máy để chuẩn bị cho buổi phát thanh *Tiếng nói Bắc Hưng Hải* thì thấy một anh chàng nhỏ thó lại mặc bộ bà ba đen đến bắt tay rồi gào lên như thằng điên để át tiếng máy nổ:

-Anh là Xuân Sách phải không? Tôi là Phù Thăng!  
-Chào anh, tôi đã đọc “ Con những người du kích”  
-Tôi cũng vừa đọc cái “Đứa con” của anh trên báo *Quân đội Nhân dân*.

Phù Thăng ở một đơn vị trong công trường, anh cũng được phân công làm công việc như tôi. Chúng tôi rất mừng. Từ đó hai thằng xuống công trường viết tin, tối về trao đổi rồi thay nhau đọc trên đài. Xen vào là đọc thơ trên báo liếp của bộ đội, thỉnh thoảng mời chị em nuôi quân hát vài lời quan họ.

Một lần, tôi tóm được một vụ “người thật việc thật” khá ấn tượng. Một chiến sĩ miền Nam, vốn là tấm gương lao động xuất sắc của đơn vị vừa phát minh một sáng kiến độc đáo. Để tranh thủ thời gian cho công việc, đồng chí ấy thấy thời gian đi tiểu là lãng phí nên khoét một lỗ tròn ở đũng quần, bình thường không ai nhìn thấy, khi cần chỉ việc kéo quần lên một chút vừa vịn cho vòi thoải mái tự nhiên rót nước xuống đất bùn. Tôi nói với Phù Thăng rằng chuyện đó hay, nhưng phát thanh trên loa ngượng thế nào ấy.

Suy nghĩ một lát, Phù Thăng nói:

- Ông để tôi pha chế, tìm cách diễn đạt biến cái thô thành cái thanh, biểu dương một tinh thần lao động quên mình. Rằng thì là ở chiến trường máu chiến sĩ đổ xuống thấm vào đất mẹ, lao động thì mồ hôi rơi quyện vào đất quê hương. Mà nước tiểu là gì? Xét về mặt khoa học thì mồ hôi là nước tiểu pha loãng, ngược lại, nước tiểu là mồ hôi cô đặc...

Tối hôm đó khi công việc đã xong xuôi hai đứa kéo nhau ra quán phở mậu dịch phục vụ riêng cho công trường. Vì thế được ưu tiên có thịt bò. Hồi đó Mỹ có loại máy bay không người lái, loại phở chỉ có bánh và một chút mì chính gọi là phở không có người lái. Cho nên lính tráng buổi tối đói bụng lại được ăn phở có thịt thì không còn gì bằng. Lúc này quán đã hết khách, chủ quán cũng biết chúng tôi liền hỏi:

-“Bốc mả” chứ? Tôi để dành cho 2 ông đây.

Đó là những khúc xương còn lại trong nồi nước dùng, vớt ra bát gặm gân thịt còn sót, có chén rượu nữa thì bốc lăm. Phù Thăng hỏi tôi:

-Tôi có nghe nói Tổng cục Chính trị có chủ trương mở một trại sáng tác văn học, ông có biết không?

-Tôi cũng nghe loáng thoáng, nhưng có trại liệu cánh tò te như chúng ta có được triệu tập không?

- Con có khóc mẹ mới cho bú, ta cũng phải trình sát xem thực hư thế nào, nếu trời phù hộ hai thằng mình được về trại thì coi như được lên thiên đường. Tôi đã tích lũy được một số vốn kha khá trong cuộc chiến tranh ở địch hậu ông biết rồi đấy, ở đơn vị mình viết cái truyện ngắn cũng phải giấu giếm kín đáo, muốn viết dài hơi phải có thời gian và điều kiện. Xong việc ở công trường ông thử về Hà Nội vào chỗ tạp chí *Văn nghệ* xem sao. Nào ta cạ chén với niềm hy vọng vào tương lai tươi sáng.

Và chúng tôi được bước qua cửa thiên đường, hai đứa được gọi về trại sáng tác đầu năm 1950. Hơn một chục trại viên đều còn trẻ, đã lặn lội ở chiến trường nên đã biết sợ súng đạn, nhưng với văn chương thì còn diếc. Chúng tôi lao vào công việc viết lách hùng hục như trâu bò. Trại đặt ở thành Liệt ngoại thành Hà Nội, vừa rộng rãi vừa tĩnh lặng, họa hoằn ngày chủ nhật mới rủ nhau đi xe điện leng keng về bờ hồ ăn kem hoặc đĩa thịt bò khô loại một hai hào. Điện thiếu, không có quạt máy, đèn đỏ quạch, đêm viết phải đốt đèn dầu hít khói muội, lỗ mũi đứa nào cũng thâm sì. Tất cả đều đánh trần ngồi viết, thậm hại nhất là Phù Thăng, trông giống bộ xương cách trí. Nhưng hán cũng là kẻ cày khỏe nhất, thu hoạch khá nhất, thứ nhì là Hoàng Văn Bồn cũng gầy guộc vêu vao. Đứng là người gầy cày khỏe, người gầy thầy còm, người gầy

thầy... Phù Thăng viết bằng bút sắt chấm mực. Hắn kẻ hàng cũng trên tờ giấy dày, đặt giấy phơi lên rồi viết. Hắn viết chữ rất chuẩn, như đàn kiến bò mà sáng sủa, đều đặn, đẹp mê hồn. Hơn vậy còn viết đến 300 trang bản thảo, sau này đưa xuống nhà in, công nhân cứ thế xếp chữ không cần đánh máy. In ra quyển tiểu thuyết gần 600 trang mang tựa đề “*Phá vây*” viết về chiến tranh trong vùng địch hậu khu Ba.

Thời đó người viết ít, sách được in ra càng hiếm, loại như chúng tôi thường được in một tập sách mỏng trên dưới trăm trang mang dòng chữ căng ngang trên bìa một “Tủ sách đầu mùa”. Mới thấy quyển sách 600 trang của Phù Thăng là một hiện tượng. Hơn nữa, quyển sách lại được dư luận khen ngợi, sách in nhiều bản, nhuận bút được lĩnh trên 3.000 đồng, trừ tiền khao còn xây được ngôi nhà ngói năm gian ở quê, hẳn khoe còn hơn nhà Chánh tổng ngày xưa. Được thế tác giả cứ *phù nổi, thăng thiên* thì cũng không lấy gì làm quá đáng lắm.

Phù Thăng mời bạn bè khoảng 15 người ra cửa hàng ăn mậu dịch vào loại nổi tiếng nhất Hà Thành, nhà hàng Mỹ Kinh, phố Hàng Buồm. Mỗi suất năm đồng gồm 8 món mà lũ lính tráng chúng tôi chưa bao giờ được nếm như đùi ếch rán, cá hấp, bồ câu tẩm hạt sen... Phù Thăng đặt vò rượu nút lá chuối khô từ làng Vân lên bàn mở lời:

-Tôi định chiêu đãi các ông suất 10.000 đồng, nhưng quy định ở đây chỉ có thế! Mời các ông chiêu cố!

Mọi người nâng chén: -Nào, chúng ta cùng “*phá vây*” với tác giả!

Không một ai có thể ngờ rằng tác giả và tác phẩm đang nổi lên như cồn mà chỉ một năm sau “*Phá Vây*” và tác giả của nó hứng chịu một tai họa cực kỳ vô duyên và cay đắng tới số.

Năm 1962 ở Liên Xô, người anh cả của phe xã hội chủ nghĩa nổi ra sự kiện xét lại Chủ Nghĩa Mác Lê nin đứng đầu là ông Kruscher. Đã có xét lại thì ắt có chống xét lại.

Nước ta lúc bấy giờ miền Bắc đang xây dựng chủ nghĩa xã hội, miền Nam đang đấu tranh giành độc lập, hai miền đều hướng về nhau. Chưa ai hiểu “*xét lại*” là cái giống gì. Nhưng về mặt tư tưởng bao giờ cũng phải đi trước một bước, phòng bệnh hơn chữa bệnh. Trung ương Đảng ra nghị quyết, các cuộc học tập chỉnh huấn được mở ra, khí thế mạnh mẽ quyết liệt, chẳng khác gì một chiến dịch. Một số cán bộ chính trị trung cao cấp được cử sang học bên Liên Xô bấy giờ phải gọi về, số đông trở về nước để chống xét lại, một số ít ở lại để...*xét lại!*

Cho đến bây giờ tôi cũng chưa hiểu vì sao cứ mỗi lần có sự biến động về tư tưởng chính trị, người ta lại đưa các chú văn nghệ vào tuyến đầu. Những tư tưởng tiêu cực, thậm chí là phản động được lôi ra trong các tác phẩm, chủ yếu là văn học để phanh xét, để trị tội mà cấm được thừa lại, cãi lại. Kể cả những tác phẩm từ xưa từ xưa, những tác giả đã qua đời. Và tất nhiên những tác phẩm đương thời, tác giả đương thời được ưu tiên đưa lên “*bàn mổ*”. Trong cuộc chống xét lại này, 2 cuốn tiểu thuyết được đưa ra là *Phá vây* của Phù Thăng và *Vào đời* của Hà Minh Tuân (7). Tôi xin kể về *Phá vây* trước.

Như tôi đã nói ở trên, *Phá vây* đã phát hành được một năm, được dư luận hoan nghênh. Báo chí có nhiều bài khen, có chê đôi chỗ về mặt kỹ thuật. Tác giả của nó đã làm xong nhà và đang hy vọng được tái bản. Kỹ thuật in lúc đó còn thấp, quyển sách dày như *Phá vây* phải mất vài ba tháng mới xong. Tác giả bám sát nhà in để chữa lỗi. Đúng lúc đó nhà xuất bản Quân đội Nhân dân định in tiểu thuyết “*Tác đất*” của Liên Xô viết về đề tài chiến tranh vệ quốc. Phù Thăng đọc ngay và tâm đắc với cuốn sách. Anh tiếc rằng giá được đọc trước khi viết *Phá vây* sẽ viết được tốt hơn. Bây giờ thì muộn rồi, anh chỉ thêm vào được mười dòng trong đoạn nhân vật chính của anh với ý nghĩa để cho hình tượng anh hùng của nhân vật được mềm mại, đa dạng hơn một

chút. Lúc in ra mười dòng đó nằm ở cuối trang 147 của cuốn sách. Và bằng chứng của tội phạm tày đình chỉ nằm trong mười dòng đó.

Tôi nói với Phù Thăng:

- Tôi cam đoan với ông là trong thời buổi nóng bỏng các ông trên chẳng ai có thì giờ đọc cuốn sách dày tổ bố của ông, mà có đọc cũng lướt qua đoạn ấy mà thôi. Cả cuốn sách của ông đầy ắp những hình ảnh dửng dưng cảm hy sinh mà không tô vẽ, ông viết về đời ông kia mà, trí lực và xương máu của ông kia mà. Phải có thằng cha nào đó hoặc có mối thù truyền kiếp với ông, hoặc tính bản ác quen, mới đưa nó lên bàn mổ..." (Hồi ký *Giải mã Chân dung*).

Chân dung Phù Thăng:

Chuyện kể cho người mẹ nghe  
Biển lửa bốc cháy bốn bề tan hoang  
Đứa con nuôi của trung đoàn  
Phá vây xong lại chết mòn trong vây.

Sài Gòn, tháng 11-2010

----

#### Chú thích:

(1) Xuân Sách (1932 - 2008): tên thật Ngô Xuân Sách, bút danh khác: Lê Hoài Đăng,.. Quê tại xã Trường Giang, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa. Nơi ở trước khi ông qua đời: TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Xem thêm chú thích về Xuân Sách ở bài 1.

(2) Tập Hồi ký *Giải mã Chân dung* của Xuân Sách do ông Nguyễn Hòa VCV cung cấp. Những dẫn chứng không đánh số chú thích là đều lấy từ Hồi ký *Giải mã Chân dung* này.

(3) Nguyễn Ngọc: (5 tháng 9, 1932 - ) tên thật là Nguyễn Ngọc Bái, bút danh khác là Nguyễn Trung Thành. Ông quê huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam. Những tác phẩm chính: Đất nước đứng lên; Rẻo cao; Đường chúng ta đi; Đất Quảng; Rừng Xà nu; Có một đường mòn trên biển Đông; Cát cháy; Nghĩ dọc đường; Bằng đôi chân trần...

(4) Nguyễn Khải (1930-2008): quê Nam Định. Ông vào quân đội từ năm 1947, giai đoạn 1951-1955 ông làm phóng viên, thư ký tòa soạn báo Chiến Khu 3. Từ năm 1955, ông là phóng viên, biên tập viên, cán bộ sáng tác tại tạp chí Văn Nghệ Quân Đội. Tác phẩm chính: *Mùa lạc* (tập truyện - 1961), *Gặp gỡ cuối năm* (tiểu thuyết - 1982), *Thời gian của người* (tiểu thuyết - 1982), *Điều tra về một cái chết* (tiểu thuyết - 1985), *Thượng đế thì cười* (2003)... và một số tác phẩm kịch. Cuối đời, ông dành thời gian đúc kết những nghĩ suy trong 2 tùy bút chính trị "*Nghĩ muộn*" và "*Đi tìm cái tôi đã mất*". Giải thưởng của Hội Văn nghệ VN 1952-1953, giải thưởng tiểu thuyết - truyện ngắn của Hội Nhà văn VN 1983, 1997, Giải thưởng Hồ Chí Minh (đợt 2), Giải thưởng văn học Asean năm 2000.

(5) Nguyễn Minh Châu (1930 - 1989): quê Quỳnh Lưu, Nghệ An. Là một nhà văn có ảnh hưởng quan trọng đối với văn học Việt Nam trong thời kỳ chiến tranh chống Mỹ và những năm đầu của thời kỳ đổi mới. Nhập ngũ năm 1950, học trường sỹ quan lục quân Trần Quốc Tuấn. Từ năm 1952 đến 1956, ông công tác tại Ban tham mưu các tiểu đoàn 722, 706 thuộc sư đoàn 320. Từ năm 1956 đến 1958, Nguyễn Minh Châu là trợ lý văn hóa trung đoàn 64 thuộc sư đoàn 320. Năm 1961, ông theo học trường Văn hóa. Năm 1962, Nguyễn Minh Châu về cộng tác tại phòng Văn nghệ quân đội, sau chuyển sang tạp chí Văn nghệ quân đội.

Tác phẩm chính: Cửa sông (tiểu thuyết, 1966); Dấu chân người lính (tiểu thuyết, 1972); Người đàn bà trên chuyến tàu tốc hành (truyện ngắn, 1983); Bến quê (truyện ngắn, 1985); *Hãy đọc lời ai điếu cho một giai đoạn văn nghệ minh họa* (1987); *Cỏ lau* (truyện vừa, 1989); *Nguyễn Minh Châu toàn tập* (NXB Văn Học, 2001)- (Nguyễn Minh Châu toàn tập gồm 5 tập, 5.000 trang) ...

Giải thưởng về văn học nghệ thuật (2000); Tác phẩm *Cổ lau* đạt giải thưởng Hội nhà văn Việt Nam (1990); Giải thưởng Văn học Bộ Quốc phòng 1984 - 1989 cho toàn bộ sáng tác của Nguyễn Minh Châu viết về chiến tranh và người lính.

(5\*) Toàn văn bài viết “Hãy đọc lời ai điếu cho một giai đoạn văn nghệ minh họa”:

Là một người sáng tác, chắc tôi cũng giống như nhiều anh em sáng tác khác, có thói quen vừa viết vừa tự quan sát, nhìn theo cái ngòi bút của mình có lúc đầy hào sảng có lúc lại đầy đắn đo hồi hộp lẫn e ngại chạy trên mặt tờ giấy định mệnh.

Chao ôi, để bụng không nói ra thì thôi chứ nói ra cái chuyện này nó vui lắm, mà nó cũng buồn lắm, có đôi khi buồn đến thối ruột! Thú thật chừng ba bốn năm trở lại đây tôi cứ nổi lên những cơn ngán giấy bút, hay so sánh mình với những anh em bạn bè cầm bút một cách suôn sẻ bình thản, được trời đất ban cho một cái tạng nhà văn luôn luôn sẵn sàng thích nghi với mọi thứ lý luận và luật lệ văn học, họ thật sướng, viết ra trang giấy mà trong bụng chẳng bao giờ có điều gì phải sợ sệt, lo lắng, như một người bao giờ cũng sống đĩnh đạc, cứ thẳng đường chính rộng lớn mà đi; còn mình thì y như một kẻ gian phi lúc nào cũng như đang lén lút thu giấu cái gì quốc cấm trong cặp quần hay dưới áo. Nghĩ mà buồn quá, nghề giấy bút nó chẳng nuôi gì được mình mà chỉ thấy nó hành mình.

Có lúc – nói ra thật lắm cảm – tôi lại hay đem so sánh mình với các nhà văn của những đất nước hàng trăm năm bình ổn, các nhân vật của họ phải chịu đựng nỗi đau khổ dẫn vật thật là sang trọng, chứ đâu như cái đám nhân vật của mình, không những cái đau khổ, hoạn nạn mà cả cái vui, cái hạnh phúc của họ nó cũng nhem nhuốc, nhón nhác, tội nghiệp quá! Hỡi ôi, bao giờ nhân vật của mình mới được sang trọng, để cho mình cũng sang trọng lây!

Có lúc tôi lại đem công việc của chúng ta so sánh với công việc của các nhà tiền chiến cầm bút trước cách mạng, gọi là các nhà văn hiện thực phê phán. Ví dụ như ông Nam Cao chẳng hạn. Có lần ông ấy la lối, hô hoán ầm lên rằng thiên hạ bịt hết lối của ngòi bút ông ấy. Viết cây chuối hay con chó hoặc kẻ say rượu đều phạm húy, đều có người đe đánh, đe đốt nhà. Bị o ép đến vậy tưởng không viết được gì, thế mà cuối cùng, cả một đời cầm bút của Nam Cao trước cách mạng số năm có là bao nhiêu đâu, vậy mà đủ để lại khá nhiều, nhất là có thể có cái quyền viết rất thực, bao nhiêu lẽ đời, sự đời, bao nhiêu khuôn mặt người đời thực đến thế. Chí Phèo thực đến thế. Thật là vừa được viết vừa được nói. Chứ như đám chúng tôi, từ nhà văn trẻ đến lớp nhà văn già được chăm sóc chần dặt kỹ lưỡng quá đi mất. Sao lại như vậy nhỉ, sau bốn chục năm nhìn trở lại những nhà văn tiêu biểu của nền văn học phần đông nếu không phải là tất cả, đều có tí vết trong lịch sử đời cầm bút? Rồi thì từ đây bắt buộc sinh ra một cái thói quen không biết bắt đầu từ lúc nào mà tôi nghĩ nó rất thảm đối với tư cách của một người nghệ sĩ, hễ cầm bút là phải nghĩ đến né tránh, che chắn, rào đón, đối phó. Có vẻ tuồng như mỗi nhà văn mỗi khi ngồi trước trang giấy là cùng một lúc phải cầm hai cây bút: một cây bút để viết cho người đọc bình thường, cho đời, một cây bút khác viết cho đạo, lo việc che chắn, viết cho lãnh đạo văn nghệ đọc. Mà cái ngòi bút thứ hai này – buồn thay – các nhà văn cầm lâu ngày để tự bảo vệ mình cho nên cũng lắm kinh nghiệm, mà cũng tài hoa lắm!

Quả thật tôi không có tài rào đón, che chắn nhưng cầm bút viết văn đến một lúc ngòi nghĩ lại cũng tự nhiên sinh ra giận mình đến phát chán mình, chán cả cho đồng nghiệp, bè bạn. Điều đáng buồn nhất là những người phải xoay trở, vặn vẹo cây bút, phải làm động tác giả nhiều nhất là những nhà văn có tâm huyết, có tài, muốn văn học phải có cái gì của văn học, chứ không muốn văn học chỉ là một sự minh họa. Trong khi đó những cây bút minh họa, những tác phẩm minh họa hoặc ca ngợi một chiều thì lại thoải mái, người viết cầm bút thoải mái mà chẳng có gì phải luồn lách, phải đắp đây, rào đón, chỉ phải cái nó công thức và sơ lược, nó nhạt, và càng ngày người đọc càng thấy nó giả, mỗi ngày người đọc càng thấy rõ ở những tác phẩm minh họa và ca ngợi một chiều một sự giả dối không thể nào bào chữa nổi, đắp đây nổi, so với cuộc đời thực bên ngoài.

Tôi không hề nghĩ rằng mấy chục năm qua nền văn học cách mạng – nền văn học ngày nay có được là nhờ bao nhiêu trí tuệ, mồ hôi và cả máu của bao nhiêu nhà văn – không có những cái hay, không để lại được những tác phẩm chân thực. Nhưng về một phía khác, cũng phải nói thật

với nhau rằng: mấy chục năm qua, tự do sáng tác chỉ có đối với lối viết minh họa, văn học minh họa, với những cây bút chỉ quen với công việc cài hoa, kết lá, vờn mây cho những khuôn khổ đã có sẵn mà chúng ta quy cho đấy đã là tất cả hiện thực đời sống đa dạng và rộng lớn. Nhà văn chỉ được giao phó công việc như một cán bộ truyền đạt đường lối chính sách bằng hình tượng văn học sinh động, và do nhiều lý do từ những ngày đầu cách mạng, các nhà văn cũng tự nguyện tự giác thấy nên và cần làm như thế (thậm chí có phần nào các nhà văn mới đi theo cách mạng và kháng chiến còn coi đó là cái mới, là hoàn cảnh “lột xác”). Từ đấy rồi trở thành thói quen. Thói quen của một người vốn quen đi trong một hành lang hẹp, vừa hẹp vừa thấp. Lần lượt bắt đầu là các nhà văn tiền chiến rồi hết lớp người cầm bút này đến lớp người cầm bút khác, với một khả năng thích nghi hết sức ghê gớm, các nhà văn đã thích nghi với văn học minh họa như thích nghi với cách sống gian khổ, thiếu thốn trong chiến tranh. Những nhà văn tuy đều cảm thấy thiếu thốn và bức bối nhưng lại tự dụ dỗ mình và khuyên nhủ lẫn nhau tự bạt chiều cao cho thấp đi khỏi chạm trần, tự ép khuôn khổ chiều ngang lại để khỏi kèn càng, để đi lại được thoải mái trong cái hành lang kia.

Tuy vậy, cứ mỗi lần hết chiến tranh chuyển sang hòa bình hoặc cứ lâu lâu sau một số năm, đường hướng minh họa và tình hình mất dân chủ trong văn nghệ lại làm dấy lên những vụ này vụ khác. Những người “lính gác” lại có dịp “khép lại” và không rời mắt khỏi từng người, đặc biệt là những người có tài hay có tật và không ngừng thuyết phục với tất cả cũng như với từng người rằng cái hành lang kia là tất cả thế giới của văn nghệ cách mạng. Không khí để thở, bầu trời để ngắm, đất dưới chân để đi lại chỉ có thể và đấy là tất cả thế giới minh họa, ở trong đó nhà văn tha hồ vung vãi, sáng tạo và phát huy tài năng. Trong nghệ thuật hội họa châu Âu chẳng đã từng để lại những tác phẩm danh họa về lịch sử tôn giáo và đời các thánh, thực sự những tác phẩm hội họa cổ điển sẽ sống đời đời ấy là những tác phẩm minh họa. Tôi nghĩ rằng đường lối chính sách của Đảng, kể cả những cái sáng suốt đúng đắn cũng như cái sai lầm đang được điều chỉnh trong từng thời kỳ bao giờ cũng có thể soi rọi, giúp nhà văn nhìn thấy những vấn đề thực tế rất sâu xa của đất nước, gợi ý cho nhà văn những suy nghĩ, chiêm nghiệm quý báu. Nhà văn như một người trinh sát cuộc đời, vậy thì việc tìm hiểu sự hình thành những đường lối chính sách chính là sự tìm hiểu việc đời từ trong quá trình.

Ý nghĩa tác dụng của đường lối, chính sách đối với văn nghệ là như vậy. Tôi nghĩ rằng khi nhà nghệ sĩ đứng trước một sự vật, nảy ra ý tưởng minh họa khi tìm thấy ở nó tràn ngập cảm xúc về cái chân lý và cái đẹp.

Thất thiệt to lớn nhất của văn nghệ minh họa của ta là từ đấy những nhà văn đánh mất cái đầu và những tác phẩm văn học đánh mất tính tư tưởng, – nghĩa là những tư tưởng mới và độc đáo mang tính khái quát cuộc đời của riêng từng nhà văn. Như một người đánh mất phần hồn chỉ còn phần xác, hoặc chỉ còn cái phần hồn do nhà nước bao cấp. Chúng ta không thiếu những nhà văn có lòng và có thực tài nhưng cũng không vì thế hàng chục năm qua có khi họ phải ôm hai thứ đó trong người như hai thứ tội nợ, vì thế mà đâm ra sợ chính mình. Sau một vài lần viết ra bị vấp vấp, bị thổi còi, bị phê phán trên báo, được tập thể góp ý xây dựng, nhà văn ngồi một mình giữa vắng vẻ ngâm nga: “Chút lòng trinh bạch từ nay xin chừa”, nhưng làm sao mà chừa được. Con người nghệ sĩ là thế đấy, dù cho rằng anh ta hèn dớn vẫn không chừa được thói quen khao khát sáng tạo, lời nói thật và chút lòng với đời. Nó như một thứ bản chất thiên phú, hay một thứ bản chất gòi đây?

Rồi vẫn được viết, vẫn cầm bút, vừa muốn phô diễn tư tưởng, chỗ miệng ra giữa hai hàng chữ để cảnh tỉnh với đời một cái điều gì đó tiên cảm thấy trong đời sống nhưng lại muốn giấu đi, gói nó trong bao lần lá, rào nó sau bao tầng chữ. Văn chương gì mà muốn viết một câu trung thì phải viết một câu nịnh? Hèn, hèn chứ? Nhà văn nước mình tận trong tâm can ai mà chẳng thấy mình hèn? Cái sợ nó làm mình hèn. Vì thế mà từ xưa tới nay có bao nhiêu nhà văn nhà thơ đã đi ở ẩn ngay trong tác phẩm? Chúng ta vắng thiếu những cây thông đứng sừng sững. Có một nhà văn đàn anh nâng chén rượu lên giữa đám đàn em: “*Tao còn sống, còn cầm bút được đến bây giờ là nhờ biết sợ!*”, nói rồi ngửa mặt lên trời cười rung giuờng, nước mắt tuôn lã chã, giọt

đổ xuống đất, giọt đổ vào lòng. Có người cầm bút đến lúc sắp bước sang thế giới bên kia vẫn chưa dám thốt lên một lời nói thật tự đáy lòng, không dám viết hồi ký thực, vì sợ để liên lụy đến đời con cái. Có người lại biến cái sợ cái hèn thành một thứ vật trang sức và thách thức, vật biểu hiện của sức sống dai dẳng. Giữa chồng sách trước mặt tôi lúc này là hai tập *Các nhà thơ cổ điển Việt Nam* của nhà thơ Xuân Diệu. Một nhà thơ lớn như Xuân Diệu làm một công việc rất công phu là bình giá và giải thích những giá trị văn học cổ điển của nước nhà, mà sao Xuân Diệu phải rào đón, dựng lên bao nhiêu là lớp phên giậu để tự che chắn? Sao mà khổ vậy? Rồi thì dù không muốn tôi cũng phải nói rằng sự độc đoán và chế áp của lãnh đạo văn nghệ trong nhiều năm qua đã khiến cho những nghệ sĩ chân chính luôn luôn gắn bó với cách mạng, với Đảng, suốt đời cảm thấy phạm tội.

Cũng trong một con người cầm bút, có khi cái phần bất tài nhảy lên bực tao đàn để múa may, còn cái phần tài năng thì trùm chăn nằm chờ ngày xuống mồ!

Con đường của một cây bút trẻ hăm hở phấn đấu hết mình để trở thành nhà văn cũng là con đường phải giết đi cái phần nhà văn trong con người mình, con đường tự mài mòn đi mọi cá tính và tính trung thực trong ngòi bút!

Chúng ta phải nhìn lại kỹ càng cái hành trình văn học đã đi qua bằng con mắt thông minh, không phiến diện và thực sự cầu thị, để một mặt không phủ định tất cả, một mặt khác, với một tinh thần tự phê phán thấy cho được rằng: có thể đôi khi với động cơ tốt chúng ta đã trói buộc lẫn nhau trong một thời gian hơi quá dài của mấy lớp người cầm bút, trong khi lại đòi hỏi phải có những tác phẩm lớn. Thật là mâu thuẫn. Chẳng khác nào trói lại rồi bảo đổ mày bay lên!

Muốn có tác phẩm lớn, nhưng liệu chúng ta có chấp nhận nổi những tính cách ngòi bút của một nghệ sĩ với tầm tư tưởng lớn mà tôi nghĩ bao giờ nó cũng quá chói sáng, với những điều nói thật không phải bao giờ cũng dễ nghe, thậm chí có thể làm đảo lộn mọi quan niệm với những nổi dằn vặt, băn khoăn lớn chung quanh cái bề mặt nhẵn tiền và tận chín tầng đất sâu của cuộc sống con người trên dải đất này.

Và tác phẩm lớn là gì?

40 triệu dân của đất nước Tây Ban Nha được nhân loại biết đến và kính trọng bằng một lão gàn vĩ đại vì mang trên mình tất cả tính ảo tưởng muôn đời của toàn thể nhân loại.

Và gàn một tỷ người của đất nước Trung Hoa được nhân loại thấu hiểu sâu sắc bằng một anh chàng nông dân A.Q.

Cả Don Quichotte lẫn A.Q chẳng hề làm xấu Tây Ban Nha lẫn Trung Quốc, mà làm đẹp cho cả hai đất nước này.

Tài năng, nhất là những thiên tài bao giờ cũng như là của bắt được, của trời cho, ai mà biết được bao giờ thì họ đến, nhưng cũng như một Nguyễn Du, họ đến cũng trong khắc khoải nhân sinh, chỉ có điều đau đớn hơn mọi chúng ta, và cũng trong lầm lũi cát bụi cuộc đời thường.

Nhiệm vụ của chúng ta là chuẩn bị bầu không khí cho họ thở, cho họ sống, đừng giết chết họ, đừng ghen tỵ với họ, đừng làm họ sống dở chết dở mà vẫn phải nở nụ cười, đừng làm cho họ thui chột trí tuệ lẫn tình cảm, đừng khiến họ cuối cùng trở thành chúng ta.

Công việc chuẩn bị cho thế hệ trẻ của Hội Nhà văn hôm nay không phải là chuẩn bị cái lò ấp hàng trăm hàng ngàn quả trứng gà trứng vịt, mà là chuẩn bị cho những tư cách nghệ sĩ và tài năng lớn ra đời.

Nói thế có bốc đồng chẳng, cao vọng quá chẳng? Nhưng chúng ta phải đốt lên ngọn lửa cao vọng! Chẳng lẽ mãi mãi thế hệ nhà văn Việt Nam chúng ta vẫn cứ yên tâm sản xuất ra toàn những sản vật không bao giờ được ngó đến trong nền văn học thế giới. Chẳng lẽ Việt Nam ngày nay chỉ hưởng của thiên hạ mà không làm ra được cái gì góp vào của chung của thiên hạ? Chẳng lẽ các nhà văn Việt Nam đi ra ngoài mãi mãi chỉ có chung một cái tên riêng là nhà văn Việt Nam? Để rồi quay trở về, con hát mẹ khen hay? Và đàn con cứ mãi mãi suốt đời tự hào được người mẹ ở trong nhà khen ngợi!?

Tôi nghĩ rằng trước hay sau, ai cũng trở thành bảo thủ, lạc hậu, cũ kỹ cả. Bảo thủ về già là một quy luật. Trong khoa học, đến một bộ óc mới mẻ như Einstein về già còn bảo thủ cơ mà! Cái

mới nào mà chả cũ đi, – trên dòng thác biến đổi qua thời gian? Cái chính là chúng ta biết cười xòa chợt nhận ra mình đã sai lầm, đã bảo thủ. Chúng ta sẽ trở nên sáng suốt hơn sau cái tiếng cười ấy. Bởi vì sau đó chắc chắn chúng ta sẽ không bao giờ giơ tay ngăn cản cái mới, cái tiến bộ, mà sẽ xuất hiện một quyết tâm làm mới lại mình với thái độ chân thành, xởi lởi, cởi mở, để cùng nhau xây dựng một giai đoạn văn học và văn nghệ mới.

Vừa qua chúng ta có in lại tuyển tập của các nhà văn đàn anh. Giờ những bản tổng kết những đời văn như còn đẫm mồ hôi ấy, điều khôn ngoan cuối cùng rút ra là không chữa một ai, tất cả chúng ta phải biết lễ phép trước quy luật đào thải. Những cái gì đích thực văn chương thì nó còn, không tái bản, không tuyển tập, báo chí không đề cao lên nó cũng còn. Nó còn như đất cát, cây cỏ, như ca dao, tục ngữ, như cuộc sống bình dị và bền vững luôn luôn còn đó. Còn những gì phe phẩy, uốn ẹo hoặc cứ nhảy cẫng lên thì ngược lại, nó mất, cát sỏi lại trở về cát sỏi. Tôi đọc những tuyển tập thấy rất tiếc cho những tài năng. Giá mấy chục năm qua văn nghệ không chủ yếu lấy mình họa làm đường hướng, đừng có cái hành lang hẹp và thấp ấy, cả cái bầu không khí nghi ngờ lơ lửng trên đầu các văn nghệ sĩ, mà chủ trương khuyến khích cá tính, khuyến khích sáng tạo và chấp nhận đa dạng, chấp nhận sáng tối, hoàn toàn đặt lòng tin vào lương tri của các nhà văn, không nửa tin nửa nghi ngờ và đề phòng, để cho văn nghệ một khoảng đất rộng rãi hơn nữa thì các nhà văn và những nghệ sĩ sáng tạo đến nay đã đầu bạc phơ, kẻ còn người mất, họ còn để lại cho chúng ta nhiều hơn thế này. Và không khéo những cái gì và những người mà lâu nay chúng ta kêu ca, lên án hoặc cố tình quên đi lại là những cái, những người còn lại, còn để lại.

Sự còn lại mất đi của số phận những tác phẩm văn học cũng như những đời văn trong độ lùi thời gian bao giờ cũng ngầm chứa đựng một sự lựa chọn đầy huyền diệu và công bằng. Hình như nhân dân, cái nhân dân Việt Nam đầy trầm tĩnh và kỳ tài mà hình ảnh đã được nghệ thuật điêu khắc từ hàng trăm năm nay chạm khắc lên khối gỗ thành bức tượng ngàn mắt ngàn tay, đến hôm nay vẫn không ngừng sáng suốt lựa chọn giúp cho chúng ta những cái gì đích thực của nghệ thuật, giữa những đồ giả, để bỏ vào cái gia tài văn hóa của đất nước để lại từ Đinh, Lê, Lý, Trần. Và cũng nhân dân, cái nhân dân Việt Nam dưng cảm sau mỗi lần đánh giặc xong lại lặng lẽ và lầm lụi làm ăn đang giơ bàn tay chai sạn vẫy chúng ta lại, kể cho chúng ta nghe về cái nhất thời ở trong cái muôn đời, cái độc ác nằm giữa cái nhân hậu, cái cực đoan nằm giữa tinh thần xởi lởi, cởi mở, cái nhảy cẫng lên lác lác giữa cái dung dị, thái độ bình thân chịu đựng và tinh thần trách nhiệm đầy suy nghĩ.

*Nguồn: Văn Nghệ, số 49 & 50 (5-12-1987)*

(6) Phù Thăng (1928-2008): quê ở thôn Tất Lại, xã Cộng Lạc, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương. Tên thật là Nguyễn Trọng Phu, từng là chiến sĩ trinh sát Trung đoàn 42, rồi làm phóng viên báo Quân Giải Phóng. Sau tai nạn chữ nghĩa, nhà văn Phù Thăng chuyển sang làm biên kịch cho Xưởng phim truyện VN (từ 1964 đến 1988) đến khi nghỉ hưu ở quê. Thời gian ở Xưởng phim truyện, Phù Thăng có hai kịch bản điện ảnh “Biển lửa”, “Tiếng gọi phía trước”.

Tác phẩm đầu tay: truyện ngắn “Con những người du kích” đăng trên tạp chí Văn nghệ quân đội năm 1958.

Năm 1960, Phù Thăng nhận giải thưởng của Hội Nhà văn cho trường ca “Hoa vạn thọ”.

(7) Hà Minh Tuân (1929 - 1992) : Tên khai sinh: Nguyễn Văn Trí. Quê quán: xã Toàn Thắng, Kim Động, Hưng Yên. Mất tại Hà Nội. Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam (1957). Năm 1943, Hà Minh Tuân tham gia hoạt động bí mật trong phong trào Thanh niên Cứu quốc ở Hà Nội, sau phụ trách đoàn thanh niên xung phong thành Hoàng Diệu, là Đại đội trưởng giải phóng quân. Sau Cách mạng tháng Tám (1945): Tham gia Vệ quốc đoàn với chức vụ Đại đội trưởng rồi Tiểu đoàn trưởng. Năm 1950: Chính ủy Trung đoàn 209 (Sư 312), tham gia các chiến dịch Việt Bắc,



Trung Du, Điện Biên Phủ. Năm 1954: ông là Trưởng phòng cục Tuyên huấn, Tổng cục Chính trị. Từ 1958 là Biên tập viên báo Văn học rồi Giám đốc NXB Văn học. Sau đó chuyển sang làm chuyên viên nghiên cứu tại Tổng cục Thủy sản. Ít lâu sau, ông trở về NXB Văn học làm trợ lý giám đốc.

Tác phẩm đã xuất bản: Những ngày máu lửa (ký sự, 1949); Trong lòng Hà Nội (tiểu thuyết, 1957); Hai trận tuyến (tiểu thuyết, 1960); Vào đời (tiểu thuyết 1962, 1991); Về đẹp bình dị (tiểu thuyết, 1977).

Chân dung Hà Minh Tuân

Bốn mươi tuổi mới vào đời  
Ăn đón hội chợ tôi bời xác xơ  
Giữa hai trận tuyến ngu ngơ  
Trong lòng Hà nội bây giờ ở đâu?

(Hết)